

TRUNG TÂM VĂN HÓA NGÔN NGỮ ĐÔNG TÂY

KHO TÀNG

Ca dao  
Người Việt

A - Ă - Â

VDC Media – 2001

## LỜI NÓI ĐẦU

*Ca dao của người Việt hết sức phong phú và có giá trị. Đã có nhiều cuốn sách ghi chép khối lượng thơ ca dân gian này. Kế thừa và phát triển những thành tựu ấy, nhóm biên soạn chúng tôi bước đầu tập hợp khối lượng ca dao trong các sách, sưu tầm vào một công trình nhằm giới thiệu chung về ca dao cổ truyền người Việt.*

*Để phản ánh được nhiều mặt giá trị của ca dao, để giúp ích bạn đọc ở nhiều ngành chuyên môn theo nhiều yêu cầu, so với các sách biên soạn trước đây, công trình này có những cố gắng mới trong việc thu thập tư liệu và trong phương pháp biên soạn.*

*Trong sách này, khối lượng tư liệu tương đương với số liệu về dân ca, ca dao của tất cả 37 cuốn sách (gồm 46 tập) đã được biên soạn từ cuối thế kỷ XVIII đến năm 1975. Tất cả có 11.825 đơn vị.*

*Nội dung sách gồm có:*

- 1. Kho tàng ca dao người Việt sắp xếp theo trật tự chữ cái của tiếng đầu.*
- 2. Bảng tra cứu ca dao theo chủ đề*
- 3. Bảng tra cứu tên đất*
- 4. Bảng tra cứu tên người*
- 5. Mười tác phẩm ca dao qua sự cảm thụ, phân tích, tranh luận theo dòng thời gian.*
- 6. Ý kiến của một số nhà thơ, nhà văn, nhà chính trị, nhà nghiên cứu về ca dao, dân ca*
- 7. Thư mục về các tài liệu sưu tầm, biên soạn, nghiên cứu ca dao, dân ca người Việt.*

Với những nội dung trên, Kho tàng ca dao người Việt trước hết có thể phục vụ bạn đọc rộng rãi trong việc thưởng thức, tìm hiểu thơ ca dân gian; nhưng sách này chủ yếu là sách công cụ, là nơi cung cấp tư liệu cho các nhà nghiên cứu.

Nói chung, chúng tôi không đưa ra những kết luận, những nhận định mà chỉ trình bày những số liệu thống kê, những kết quả so sánh, chỉ đối chiếu các văn bản... Các tư liệu đó, tự nó dẫn đến những suy nghĩ, gợi ra những kết luận trong việc nghiên cứu tìm hiểu thơ ca dân gian. Chẳng hạn, ở hệ thống sắp xếp ca dao theo trật tự chữ cái, qua các tên sách sưu tầm, người đọc sẽ thấy tính chất phổ biến (số lần xuất hiện) của từng lời; qua việc trình bày bản chính và các bản khác, người đọc sẽ thấy rõ tính dị bản của ca dao; qua việc xác định thời điểm của sách sưu tầm, người đọc sẽ biết từng lời ca dao cụ thể đã được ghi lại sớm nhất từ năm nào, v.v...

\*

\* \*

Kho tàng ca dao người Việt được tiến hành biên soạn từ năm 1974 đến cuối năm 1994. Trong quá trình làm việc, Nhóm công trình đã lần lượt nhận được sự bảo trợ của Viện Văn học và Viện Nghiên cứu Văn hóa dân gian, đã nhận được sự quan tâm và giúp đỡ của nhiều vị (có người đến nay đã quá cố): Nhà thơ Hoàng Trung Thông, nguyên Viện trưởng Viện Văn học; Nhà nghiên cứu Hồ Tuấn Niệm, nguyên Phó Trưởng ban Ban Nghiên cứu Văn hóa dân gian (tiền thân của viện nghiên cứu Văn hóa dân gian hiện nay).

Đây là một công trình tập thể, do phó tiến sĩ Nguyễn Xuân Kính và Phó giáo sư Tiến sỹ Phan Đăng Nhật chịu trách nhiệm đồng chủ biên. Sách này được tổ chức biên soạn trong hai khoảng thời gian:

1) Từ năm 1974 đến cuối năm 1980, các soạn giả Phan Đăng Nhật, Nguyễn Xuân Kính, Phan Đăng Tài (đã mất năm 1991) tiến hành thu thập tài liệu, ghi phiếu tư liệu, chỉnh lý các phiếu này và biên soạn phần Kho tàng ca dao người Việt sắp xếp theo trật tự chữ cái của tiếng đầu. Trong thời gian này, có sự cộng tác của bà Vũ Tố Hảo. Trong năm 1981 phần bản thảo này đã được Ban văn hóa dân gian tổ chức nghiệm thu. Sau khi có sự thẩm định của các vị Định

*Gia Khánh, Kiều Thu Hoạch, và Nguyễn Vĩnh Long, phần bản thảo này được lưu ở thư viện Viện nghiên cứu Văn hóa dân gian.*

*2) Trong năm 1993, các soạn giả Nguyễn Xuân Kính, Nguyễn Thúy Loan, Đặng Diệu Trang hoàn chỉnh thêm phần Kho tàng ca dao người Việt sắp xếp theo trật tự chữ cái của tiếng đầu. Cụ thể là Nghiên cứu viên Nguyễn Thúy Loan trên cơ sở tham khảo những bản dịch, bản phiên âm đang lưu trữ tại Viện nghiên cứu Hán Nôm và viện Văn học, tiến hành phiên âm hàng nghìn phiếu tư liệu từ 12 cuốn sách Hán Nôm có nội dung sưu tầm, biên soạn ca dao; Phó tiến sĩ Nguyễn Xuân Kính và Cử nhân văn khoa Đặng Diệu Trang thay các yếu tố xuất xứ mới và tiếp tục xử lý vấn đề lời và bản khác, vấn đề xem thêm giữa những lời có một số dòng giống nhau.*

*Trong các năm 1993, 1994 các tác giả Nguyễn Xuân Kính, Nguyễn Thúy Loan, Đặng Diệu Trang biên soạn các phần còn lại: Bảng tra cứu ca dao theo chủ đề; Mười tác phẩm ca dao qua sự cảm thụ, phân tích, tranh luận theo dòng thời gian; Ý kiến của một số nhà thơ, nhà văn, nhà chính trị, nhà nghiên cứu về ca dao, dân ca; Thư mục về các tài liệu sưu tầm, biên soạn, nghiên cứu ca dao, dân ca của người Việt.*

*Ngoài ra, Phó tiến sĩ Nguyễn Xuân Kính viết Lời nói đầu, phạm vi sưu tập và quy cách biên soạn, các Lời dẫn của các hệ thống biên soạn; Phó giáo sư tiến sĩ Phan Đăng Duật chịu trách nhiệm chính trong việc chú thích các điển tích, các từ cổ, các địa danh, các tiếng địa phương...*

*Năm 1994, cùng với bốn soạn giả, Thạc sĩ Phạm Quỳnh Phương, Cử nhân văn khoa Nguyễn Phương Châm, Thạc sĩ Trương Minh Hằng tham gia vào việc sửa bản in thử. Năm 1995, với sự giúp đỡ của Nhà xuất bản Văn hoá – Thông tin và nhà văn Đoàn Tử Huyền, Kho tàng ca dao Người Việt đã được công bố.*

*3) Trong các năm 1998, 1999 với sự tham gia của Phó Giáo sư Nguyễn Xuân Kính, Nhà giáo Nguyễn Luân và Cử nhân Phan Lan Hương, đã có sự bổ sung, sửa chữa để tái bản Kho tàng ca dao người Việt. Sự bổ sung, sự sửa chữa này thể hiện ở các điểm sau:*

*a. Bổ sung tư liệu từ ba cuốn sách Câu hát góp (Huỳnh Tịnh Của, xuất bản năm 1897), Nam quốc phương ngôn tục ngữ bị lục (chưa rõ soạn giả, xuất bản năm 1914). Ngạn ngữ ca dao (Nguyễn Can Mộng, xuất bản năm 1936). Trong lần xuất bản trước, số tư liệu được trích từ 37 cuốn sách (46 tập) gồm có 11.825 lời (đơn vị)*

ca dao. Trong lần xuất bản này, số tư liệu được trích từ 40 cuốn sách (49 tập), gồm có 12.487 lời ca dao.

b. Có sự thay đổi khi sắp xếp một số lời ca dao theo trật tự chữ cái. Thí dụ, trong lần trước, tư liệu được sắp xếp theo hai phần độc lập là C và Ch; ở lần này chỉ có phần C, sau Ca, Că, Câ là Ch rồi đến Co, Cô, Cơ...

c. Từ sự bổ sung ở điểm a và sự thay đổi ở điểm b dẫn đến việc thay đổi, bổ sung ở Bảng tra cứu ca dao theo chủ đề.

d. Bổ sung, sửa chữa một số chú thích. Trong lần trước, việc chú thích chủ yếu do Phó Giáo sư, Tiến sĩ khoa học Phan Đăng Nhật đảm nhiệm. Trong lần này, việc bổ sung chú thích chủ yếu do Nhà giáo Nguyễn Luân thực hiện. Ngoài ra, trong lần xuất bản này, về việc chú thích, chúng tôi cũng đã tranh thủ sự giúp đỡ của Giáo sư Đinh Gia Khánh.

đ. Bổ sung các bảng tra cứu tên đất, tên người.

e. Bổ sung, sửa chữa Thư mục.

\*

\* \*

*Kính thưa bạn đọc!*

Đây là lần đầu tiên chúng tôi thực hiện một cách làm mới trong việc biên soạn ca dao. Do vậy, mặc dù Nhóm công trình đã hết sức cố gắng nhưng do công việc khó khăn, phức tạp, chúng tôi rất khó tránh khỏi thiếu sót, sai lầm...

Nhân dịp Kho tàng ca dao người Việt ra mắt bạn đọc, xin trân trọng cảm tạ các cơ quan, các cá nhân đã quan tâm giúp đỡ chúng tôi trong hai mươi năm qua, xin chân thành cảm ơn Nhà thơ Quang Huy, Giám đốc và ông Nguyễn Tất Hòa, Trưởng ban biên tập Nhà xuất bản Văn hóa, đã tạo điều kiện công bố sách này.

*Hà Nội, tháng 2 năm 1995*

*Nhóm biên soạn*

## I. PHẠM VI SỬU TẬP VÀ QUY CÁCH BIÊN SOẠN

## I. PHẠM VI SƯU TẬP

### A. SÁCH “KHO TÀNG” CHỈ TẬP HỢP NHỮNG LỜI DÂN CA, CA DAO

Trong nhân dân chưa có những tên gọi mang tính chất khái quát cao chỉ các hiện tượng và hoạt động ca hát.

Trong các nhà Nho có sưu tầm, ghi chép ca dao, trong giới nghiên cứu văn học dân gian, thuật ngữ ca dao được hiểu theo ba nghĩa rộng hẹp khác nhau:

1. Ca dao là danh từ ghép chỉ chung toàn bộ những bài hát lưu hành phổ biến trong dân gian có hoặc không có khúc điệu. Trong trường hợp này ca dao đồng nghĩa với dân ca<sup>1</sup>.

2. Ca dao là danh từ chỉ thành phần ngôn ngữ từ (phần lời ca) của dân ca (không kể những tiếng đệm, tiếng láy, tiếng đưa hơi)<sup>2</sup>.

3. Không phải toàn bộ những câu hát của một loại dân ca nào đó cứ tước bớt tiếng đệm, tiếng láy, tiếng đưa hơi... thì sẽ đều là ca dao. Ca dao là những sáng tác văn chương được phổ biến rộng rãi, được lưu truyền qua nhiều thế hệ, mang những đặc điểm nhất định và bền vững về phong cách. Và ca dao đã trở thành một thuật ngữ dùng để chỉ một thể dân gian<sup>3</sup>

Trong sách này chúng tôi hiểu ca dao theo nghĩa thứ hai. Với các kiểu này, các lời được gọi là ca dao sẽ được tập hợp ở đây; ngoài ra phần lời các bài dân ca cũng sẽ là đối tượng được tập hợp với sự hạn chế sau đây:

1. Tạm thời không tập hợp về và hát giặm Nghệ Tĩnh nói chung. Nhóm biên soạn chỉ đưa vào sách này một số ít bài về trữ

---

<sup>1</sup> (1) và (2) “Ca dao”, Từ điển thuật ngữ văn học, Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi chủ biên, H, Nxb Giáo dục, 1992, tr 22-23.

<sup>3</sup> Nguyễn Xuân Kính, *Thi pháp ca dao*, Hà Nội, Nxb Khoa học xã hội, 1992, tr 56.

ình, vài bài hát giặm Nghệ Tĩnh đặc sắc trong số những bài đã được in trong sách *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam. Văn học dân gian (1972)*;

2. Chưa tập hợp ca Huế;
3. Chỉ tập hợp một ít bài đồng dao.

Trong các hoạt động diễn xướng (nói, hát, kể, đọc,...) cũng như trong khi được ghi chép, dân ca và ca dao đều có từng khúc dài ngắn khác nhau tùy theo nội dung thông báo.

Các nhà nghiên cứu đã từng gọi những khúc ấy là câu (khi thấy hai dòng thơ), là bài (khi thấy nhiều dòng hơn), là *đơn vị*<sup>1</sup>, là *tác phẩm ca dao dân ca*<sup>2</sup>. Chúng tôi gọi những hiện tượng từng được gọi là *câu*, là *bài*, là *đơn vị*, là *tác phẩm* ấy là những lời dân ca, ca dao. Thuật ngữ *lời* vừa có tính chất văn học lại vừa khá quen thuộc trong ngôn ngữ quần chúng:

*Hỡi anh đi đường cái quan  
Dừng chân đứng lại em than vài lời.*

Mỗi lời là một cơ cấu tương đối trọn vẹn về nội dung, về hình thức nghệ thuật. Nội dung của lời diễn đạt một tình cảm, thông báo một vấn đề, một điều cụ thể. Hình thức của lời chính là từ ngữ, nhịp điệu, vần thơ...

Phần lớn những *lời* ca dao được tập hợp trong sách này thuộc loại ca dao trữ tình. Về dân ca, sách này chủ yếu tập hợp loại dân ca trong *đời sống gia đình và xã hội*. Hai loại *dân ca nghi lễ* và *dân ca lao động* chỉ chiếm một tỷ lệ rất nhỏ<sup>3</sup>. Vì thế, đa số những lời dân ca, ca dao trong sách Kho tàng... mang nội dung trữ tình.

Sách này cũng tập hợp những lời có cả tính chất của ca dao và tính chất của tục ngữ.

Trong quá trình biên soạn, nhóm biên soạn sẽ loại những trường hợp là văn học viết (thơ Nguyễn Du, thơ Nguyễn Công Trứ, thơ Tú Xương, thậm chí cả thơ Thợ Rèn...) nằm trong các sách sưu

<sup>1</sup> Nguyễn Đồng Chi, “Qua việc khoanh vùng sưu tầm văn học dân gian tại một xã thí điểm”. Tạp chí văn học, H, 1971, số 6.

<sup>2</sup> Đinh Gia Khánh và Chu Xuân Diên, Văn học dân gian, in lần thứ hai, H, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1977, Tập II, tr 165.

<sup>3</sup> Về những loại dân ca này, Chu Xuân Diên đã phân biệt trong *Văn học dân gian*, tập II, sđd, tr 300 – 301.



tập ca dao trước đây. (Tất nhiên chúng tôi không loại những trường hợp chỉ sử dụng một vài dòng văn học viết làm bộ phận cấu thành chặt chẽ của một lời dân ca, ca dao).

Nhóm biên soạn cũng chưa tập hợp những sáng tác ca dao mới, có tên tác giả.

Nhóm biên soạn cũng loại bỏ những hiện tượng mà ca dao bị cắt (hoặc bị chắp) thành những mảnh khó hiểu, chưa trọn nghĩa, những lời quá tục (cái tục nhiên chủ nghĩa, cái tục không bao hàm ý nghĩa thẩm mỹ và đấu tranh), một vài lời nếu giới thiệu sẽ không có lợi cho khối đoàn kết dân tộc, không có lợi trong mối quan hệ hòa bình, ổn định với các nước láng giềng.

Những hiện tượng bị loại nêu trên chỉ chiếm một tỷ lệ rất nhỏ so với số lượng 11.825 lời dân ca, ca dao có mặt trong kho sách *Kho tàng...* Như tên gọi của nó đã chỉ ra, sách này không phải là một tập chỉ tuyển chọn chững lời hay mang nội dung tiêu cực (mê tín, bảo thủ, chịu ảnh hưởng của giai cấp thống trị); bên cạnh những lời mà nghệ thuật ngôn ngữ từ đạt đến trình độ mẫu mực còn có một số lời mộc mạc đến mức dễ dãi, thô vụng. Điều này không có gì lạ. Người xưa, bên cạnh những mặt tiến bộ, đúng đắn, do hạn chế của thời đại và lịch sử, còn có những mặt tiêu cực. Dân ca, ca dao là sản phẩm văn hóa tinh thần của người lao động xưa. Và như vậy, dân ca, ca dao sẽ phản ánh tòa bộ đời sống tâm tư, tình cảm và sinh hoạt của nhân dân lao động trước đây với cả hai mặt tiến bộ và lạc hậu, trong đó mặt tích cực là chủ yếu. Trong khối quần chúng là lực lượng sáng tác vô cùng đông đảo, có những người khả năng có hạn, ít tài hoa, ít thông minh hơn những người khác. Trong số hàng vạn lời ca, do một số nguyên nhân nhất định, có những lời ít được sự gia công, gọt rũa của nhiều thế hệ, nhiều địa phương. Đây chính là lý do để lại những lời mà trình độ nghệ thuật còn thô sơ, dễ dãi. Trong sách này, những lời như vậy chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ.

#### B. “KHO TÀNG CA DAO NGƯỜI VIỆT” CHỦ YẾU TẬP HỢP NHỮNG LỜI RA ĐỜI TỪ TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (1945)

Việc xác định một lời ca, ca dao ra đời trước Cách mạng tháng Tám sẽ gặp cả hai trường hợp đơn giản và phức tạp.

Những lời được ghi trong các sách xuất bản trước năm 1945 thì rõ ràng là thuộc về thời gian trước Cách Mạng.

Những lời được ghi trong sách xuất bản sau năm 1945 thì dù được người biên soạn ghi là ca dao cổ (trước 1945) cũng có thể có

trường hợp nhầm lẫn. Để xét đoán một trường hợp cụ thể, cần dựa vào rất nhiều yếu tố như từ ngữ, phong cách, thể thơ, nhịp điệu.. Ngoài ra còn phải đối chiếu với tư liệu trong những sách sưu tầm xuất bản trước Cách Mạng tháng Tám.

Như đã hói ở trên, tổng số sách chúng tôi dùng để biên soạn là 37 cuốn (46 tập). Trong số đó, kể cả sách Hán Nôm và sách quốc ngữ, những sách có thể xác định được là xuất bản trước Cách Mạng gồm 14 cuốn. Đó là NPGT, CHG, NQPN, THQP, NGKC, ĐNQT, QPHT, VNPS, NASL, NPNN, KSK, ANPT, THPD, TrCD, PDCD (Xem Bảng chữ tắt ở các trang 35, 36).

Mới nhìn qua, người ta sẽ nghĩ số tư liệu nằm trong 23 cuốn còn lại là tư liệu của những sách được in sau năm 1945. Trong số tư liệu đó, những lời nào ra đời trước Cách mạng? Điều băn khoăn đó quả là chính đáng. Nhưng đi vào thực chất công việc biên soạn, chúng tôi thấy phần lớn những lời nằm trong sách xuất bản sau Cách mạng đã có mặt trong những cuốn ra đời trước năm 1945. Vì vậy có thể nói sách *Kho tàng ca dao người Việt* chủ yếu tập hợp những lời ra đời từ trước Cách mạng Tháng Tám.

### C. NHỮNG SÁCH DÙNG ĐỂ BIÊN SOẠN.

Từ trước đến nay, nếu kể tất cả những sách bên cạnh những nội dung khác, có ghi lại một số lời ca dao, nếu kể cả những sách in ở các địa phương và những sách viết bằng tiếng nước ngoài - nếu tập hợp như vậy thì quy cách biên soạn sẽ rất phức tạp. Thêm một lý do nữa là tình hình sưu tầm vừa qua ở các địa phương không đều. Bên cạnh một số nơi tiến hành công tác này mạnh mẽ lại có một số tỉnh chưa làm được bao nhiêu hoặc bây giờ mới bắt tay vào thực hiện.

Do đó, với sự thận trọng cần thiết, để có sự nhất quán tương đối, chúng tôi chỉ sưu tầm tư liệu từ trong những sách Hán Nôm và viết bằng chữ quốc ngữ với những quy định đối với từng loại sách.

#### . Sách Hán Nôm

Những sách viết bằng chữ Hán và chữ Nôm tuy không nhiều nhưng lại khá phức tạp. Có một số cuốn đã được khắc in, có nhiều cuốn mới ở dạng chép tay. Có cuốn đã xác định được năm và mới ra đời, có cuốn chưa. Một số cuốn, có những lời bình giải nhiều gấp bội số tư liệu ca dao, nếu nói thật chính xác thì đây chưa phải là những sách sưu tập.

Tuy vậy, sách Hán Nôm lại ra đời sớm hơn. Điều này giúp ích cho việc tìm hiểu lịch sử thơ ca dân gian. Hơn nữa, qua những sách này, chúng ta có dịp tìm hiểu quan niệm của các nhà Nho đối với dân ca, ca dao: những lời thuộc loại nào thì được ghi chép nhiều, những lời nào thì ít được chú ý? Cũng qua sách Hán Nôm, người nghiên cứu sẽ chứng kiến quá trình thay đổi ở một lời ca dao cụ thể: vốn ở trong sách Hán Nôm như thế nào và khi có mặt ở sách quốc ngữ thì được thêm, bớt, sửa đổi ra sao? Chúng ta thử so sánh hai trường hợp sau đây:

*An nam phong thổ thoại* (tr 20a), *Đại nam quốc túy* (tr 81a)  
*Lí hạng ca dao* (tr 4b) ghi:

*Mang chiêng đi đấm nước người  
Chẳng kêu cũng thử một vài tiếng chơi.*

*Tục ngữ phong dao, tập I* (bản in 1957, tr114) ghi:

*Đem chuông đi đấm nước người  
Chẳng kêu, tôi vác chuông tôi, tôi về.*

Chúng ta thấy lời có từ *chiêng* ở những sách cổ hơn.

Chính vì những lý do trên mà khi chọn sách Hán Nôm, Nhóm biên soạn đã không áp dụng chặt chẽ các tiêu chuẩn chọn sách sẽ nêu ở phần dưới đây đối với các sách được in bằng chữ quốc ngữ. Sau đây là phần giới thiệu sơ lược từng cuốn. Trật tự các sách xếp theo thứ tự thời gian biên soạn, những sách chưa được xác định năm ra đời thì để xuống cuối cùng.

### *1) Nam phong giải trào (viết tắt là NPGT)*

Đây là sách đem ca dao diễn giải thành thơ chữ Hán, theo lối *Kinh Thi* của Trung Quốc. Như vậy, người soạn không quan tâm đến việc sưu tầm, chỉ cốt thưởng thức những phần đặc sắc của thơ chữ Hán, của một lối mô phỏng. Nhưng muốn thấy được cái hay của phần diễn giải thì họ buộc phải ghi nhớ những lời ca dao tương ứng. Chính vì vậy, ngày nay chúng ta còn được thấy những lời ca dao ghi bằng chữ Nôm trong sách này.

Vấn đề tác giả sách *Nam phong giải trào* khá phức tạp. Đầu tiên, khoảng 1988 - 1789, Trần Danh An soạn một số lời. Khoảng từ 1827 trở đi, Ngô Hạo Phu (tức Ngô Thế Mỹ) sưu tập những lời ca dao được Trần Danh An dịch, đồng thời dịch thêm một số lời khác

và chép thành sách. Về sau, sách này được Trần Doãn Giác bổ sung, chỉnh lý và đặt tên là *Nam phong giải trào*. Cả cuốn gồm 68 chương.

Sách này được Nxb Liễu Văn Đường khắc in lần đầu năm 1910. Trong một bài khảo cứu về *Nam phong giải trào*, Kiều Thu Hoạch đặt dấu hỏi: bản in vừa nói lấy từ nguyên cáo của Trần Doãn Giác hay chỉ lấy từ một văn bản trung gian, thậm chí một bản chép lại từ văn bản trung gian này<sup>1</sup>.

Tóm lại, NPFT ra đời khoảng cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX; bản mà nhóm biên soạn sử dụng là bản in từ năm 1910 (đầu thế kỷ XX).

Bản NPGT do Nxb Liễu Văn Đường in mang ký hiệu AB 348 của Thư viện Viện nghiên cứu Hán Nôm (viết tắt TVHN). Người dịch và phiên âm: Đỗ Thị Hảo. Tài liệu đánh máy (bản dịch và phiên âm) mang ký hiệu D9 của TVHN.

### 2) Thanh Hóa quan phong (THQP)

Đây là sách viết bằng chữ Nôm, sưu tập ca dao tỉnh Thanh Hóa sắp xếp theo địa phương lưu truyền (theo từng huyện) do Vương Duy Trinh soạn năm 1903. Khi phiên âm, Hoàng Mạnh Trí dựa vào bản mang ký hiệu AB 159 của TVHN.

Tài liệu đánh máy bản phiên mang ký hiệu DH 424 của TVVH.

Ở miền Nam trước đây, *Thanh Hóa quan phong* được Nguyễn Duy Tiếu phiên âm, xuất bản năm 1973 tại Sài Gòn. Sách này hiện có ở Thư viện Viện Văn học mang ký hiệu VL 88.

### 3) Nam giao cổ kim lí hạng ca dao chú giải (NGCK)

Đây là tập ca dao chữ Nôm, chép trong cuốn *Vị thành giai cú tập biên* do Trường Viên Đông bác cổ thuê chép trước đây sách mang ký hiệu AB 184 của TVHN.

Người soạn đã chú trọng đến việc sưu tập và giải thích từng lời. Có khi người soạn chép hai hay nhiều lời có những khía cạnh giống nhau thành một cụm chủ đề giải thích.

---

1 Kiều Thu Hoạch, *Nam phong giải trào*, Lịch sử văn bản và giá trị văn học dân gian, Tạp chí Văn học, Hà Nội, số 6, 1978.

Hiện nay chưa xác định được người soạn NGKC, người phiên âm: Nguyễn Tá Nhí. Theo lời giới thiệu trong tài liệu đánh máy bản phiên âm thì NGKC được soạn trong khoảng 1902 - 1905. Tài liệu phiên âm chia làm hai tập, kí hiệu D511, D512 của TVHN.

#### *4) Đại Nam quốc tuý (ĐNQTT)*

Sách do Ngô Giáp Đậu biên soạn năm 1908. Sách này viết bằng chữ Nôm, chia làm hai phần. Phần đầu sưu tập tục ngữ, thành ngữ. Phần sau sưu tập ca dao. Phần tục ngữ, thành ngữ có phân loại. Phần ca dao không phân loại rõ ràng.

Bản chữ Nôm mang kí hiệu AB 178 của TVHN. Người phiên âm: Phan Ngọc.

Tài liệu đánh máy phiên âm mang kí hiệu Điều kiện 7 của TVHN.

#### *5) Quốc phong thi tập hợp thái (QPHT)*

Là tập sách chép tay, gồm những lời ca dao viết bằng chữ Nôm được dịch ra chữ Hán có lời bình bằng chữ Hán kèm theo. Sách chia làm bốn mục lớn: Thừa Thiên, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Sơn Tây. Sách mang kí hiệu AB 182 của TVHN. Người phiên âm và dịch: Hồ Tuấn Niêm. Người hiệu đính: Nguyễn Thị Trang.

Tài liệu đánh máy bản dịch mang kí hiệu DH 406 của TVVH.

Về tác giả sách này, hiện có ba ý kiến khác nhau. Có người cho là Nguyễn Đăng Tuyển. Có người cho là Nguyễn Khắc Tuấn. Có người cho rằng không phải cả hai.<sup>1</sup>

Về năm soạn, theo lời người dịch bản Hán Nôm, sách này không ghi năm tháng biên soạn. Theo sự khảo cứu của Kiều Thu Hoạch, sách này được Nxb Quan văn đường khắc in vào mùa đông năm Duy Tân, Canh Tuất (1910)<sup>2</sup>.

<sup>1</sup> Xin xem:

+ Lời giới thiệu của người dịch, bản đánh máy, kí hiệu DH406 của TVVH.

+ Đinh Gia Khánh, Chu Xuân Diên, Văn học dân gian, tập I, Hà Nội, Nxb Đại học và trung học chuyên nghiệp, bản in lần thứ hai, 1977, tr 95.

+ Kiều Thu Hoạch, “Nam phong giải trào”, lịch sử văn bản và giá trị văn học dân gian, Bài đã dẫn.

<sup>2</sup> Xem: Kiều Thu Hoạch, “Nam phong giải trào” lịch sử văn bản và giá trị văn học dân gian, bài đã dẫn.

### 6) *Việt Nam phong sử (VNPS)*

Sách gồm 100 chương. Trong mỗi chương có một lời ca dao làm tiêu đề, viết bằng chữ Nôm, còn phần giải nghĩa, bàn bạc viết bằng chữ Hán. Nguyễn Văn Mại biên soạn năm 1914.

Bản Hán Nôm mang ký hiệu AB 320 của TVHN. Bản dịch chia làm hai tập, tập I mang ký hiệu D15 của TVHN, tập II mang ký hiệu D51 của TVHN.

Ở miền Nam trước đây, VNPS được xuất bản năm 1972 tại Sài Gòn, bản dịch của Tạ Quang Phát. Sách này hiện có ở Thư viện Viện Văn học mang ký hiệu VV 53.

### 7) *Nam âm sự loại (NASL)*

Vũ Công Thành soạn năm 1925. Sách này sưu tập cả tục ngữ và ca dao. Người soạn chia làm bốn quyển, sắp xếp tục ngữ, ca dao theo chủ đề và biểu tượng. Sách này mang ký hiệu HN249, HN251, HN252 của TVVH.

Người phiên âm: Phan Ngọc và Trần Văn Thụy. Tài liệu phiên âm mang ký hiệu D246, D247, D248 của TVHN.

### 8) *Nam phong nữ ngôn thi (NPNN)*

Sách này chia thành từng chương, mỗi chương gồm có phần ca dao Nôm và phần thơ chữ Hán bắt chước Kinh Thi.

Bản Hán Nôm mang ký hiệu AB 343 của TVHN, được dịch và phiên âm trong năm 1978. Bản phiên âm mang ký hiệu DH564. Theo lời dịch giả Lê Văn Quỳnh, bản AB 343 này được sao chép từ một bản nào đó. Người dịch cũng chưa xác định được người biên soạn, năm biên soạn, người sao chép, thời gian sao chép mà chỉ mới xác định là NPNN xuất hiện sau NPGT. Những ý kiến khác cũng chưa đi đến kết luận thống nhất về tác giả sách này<sup>1</sup>.

### 9) *Khẩu sử kí (KSK)*

Là tập sách viết tay bằng chữ Nôm, có lẫn một số rất ít chữ Hán, sắp xếp ca dao theo từng chủ đề. Có tài liệu nói chưa rõ tác

---

<sup>1</sup> Xem:

+ Đinh Gia Khánh, Chu Xuân Diên, Văn học dân gian, tập I, sách đã dẫn, tr. 95.

+ Kiều Thu Hoạch, “*Nam phong giải trào*” lịch sử văn bản và giá trị văn học dân gian, bài đã dẫn.

giả và năm biên soạn; có tài liệu cho biết Nguyễn Hữu Quý (đỗ cử nhân năm 1886) ghi.

Bản chữ Nôm mang kí hiệu AB 417 của TVHN. Người dịch: Nguyễn Đức Vân, người hiệu đính: Nguyễn Thị Trang. Tài liệu đánh máy bản phiên âm mang kí hiệu DH408 của TVVH.

### *10) An Nam phong thổ (ANPT)*

Trong sách này, bên cạnh những câu tục ngữ, những lời ca dao bằng chữ Nôm, thỉnh thoảng có xen vài lời chú thích bằng chữ Hán. Phần lớn tục ngữ, ca dao được xếp theo địa phương lưu truyền. Tác giả là Trần Tất Văn, chưa xác định được năm soạn.

Bản chữ Nôm là một tài liệu chép tay kí hiệu AB 483 của TVHN. Người phiên âm: Hồ Tuấn Niêm.

Tài liệu đánh máy bản phiên âm mang kí hiệu D10 của TVHN.

### *11) Phỏng thi kinh quốc (PTK)*

Là cuốn sách viết toàn bằng chữ Nôm, ghi chép ca dao, không xếp theo một trật tự nào. Sách này phụ chép trong cuốn Lưu Bính tiểu thuyết, kí hiệu Ab479 của TVHN.

Sách không đề năm soạn và năm sao chép, cũng không ghi tên người soạn và người chép.

### *12) Lí hạng ca dao (LHCD)*

Sách chia làm 165 thiên, sắp xếp ca dao theo chủ đề, TVHN hiện có bản chép tay chữ Nôm, kí hiệu VNv303. Người chép bản này là ông Đặng Duy Ôn, chép năm 1964. Không thấy nói đến năm soạn, tên người soạn bản chính. Người phiên âm: Phan Ngọc. Người hiệu đính: Hà Huy Chương.

Tài liệu đánh máy bản phiên âm mang ký hiệu D68 của TVHN.

Như vậy là số sách Hán Nôm gồm 12 đầu sách (15 tập). Trong số đó có 7 sách đã xác định được năm biên soạn. Hầu hết các sách này đều do Viện Nghiên cứu Hán Nôm và Viện Văn học tổ chức phiên âm, dịch và hiệu đính.

*. Sách vừa viết bằng chữ Hán Nôm vừa viết bằng chữ quốc ngữ*

Thuộc loại này có một cuốn:

*Nam quốc phương ngôn tục ngữ bị lục (NQPN)*

Sách không đề tên người biên soạn, do Nxb Quan Văn Đường khắc in năm Giáp Dần niên hiệu Duy Tân (1914).

Sách in ván gỗ trên giấy bản thường, dày 45 tờ (90 tr). Mỗi trang chia thành hai tầng: tầng trên bằng chữ Nôm, tầng dưới bằng chữ quốc ngữ phiên âm nội dung tầng chữ Nôm.

Sách chủ yếu tập hợp thành ngữ, tục ngữ, có một số lời ca dao.

Sách mạng kí hiệu R 276 của TVQG, mang kí hiệu AB 619 của TVHN.

Tình trạng bản ở TVHN không hoàn toàn tốt: một số trang đầu bị mối xông và rách ở tầng chữ quốc ngữ, phần sau còn khá nguyên vẹn.

Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Khắc Xuyên, tại Thư viện Viễn Đông bác cổ (Pari, Pháp) có sách *Nam phương tục ngữ bị lục*, mang kí hiệu AB 619, MF 170, số 2265 DS. Ông cũng được phép chụp lại ra giấy và cung cấp cho Nhóm biên soạn *Kho tàng ca dao người Việt* bản chụp này.

*. Sách quốc ngữ*

Đối với những sách sưu tầm in bằng chữ quốc ngữ, Nhóm người biên soạn chỉ tập hợp tư liệu ở những cuốn có ba tiêu chuẩn dưới đây:

1. Có nội dung chủ yếu là sưu tầm dân ca, ca dao trước Cách mạng;
2. Xuất bản từ 1975 trở về trước;
3. In ở một trong ba địa điểm trung tâm của nước ta là Hà Nội, Huế, Sài Gòn.

Đối với những cuốn sách được xuất bản nhiều lần, chúng tôi cố gắng chọn bản in sớm nhất trong số những bản mà khả năng tìm sách của Nhóm biên soạn có thể đạt tới được. Việc chọn bản in sớm nhất nhằm phục vụ một công tác nghiên cứu sau này. Bởi vì



biết được năm ra đời của sách là xác định được thời gian ghi trên giấy của từng lời; từ đó bằng cách phối hợp nhiều biện pháp (chẳng hạn đối chiếu với văn học thành văn; dựa vào sự viện chứng của sử học, khảo cổ học; phân tích các kiểu cấu trúc ngữ pháp; xét mô hình câu và cách hiệp vần...), tiến tới xác định lịch sử thơ ca dân gian - một đề tài khoa học vô cùng lý thú và cần thiết nhưng lại có nhiều khó khăn, phức tạp.

Có một ngoại lệ thể hiện trong việc sử dụng cuốn sách của Vũ Ngọc Phan. Ở những trang sau, chúng tôi sẽ có dịp nói rõ điều này. Theo trật tự thời gian ra đời của các sách, dưới đây chúng tôi giới thiệu sơ lược từng cuốn.

### 1. *Câu hát góp (CHG)*

Huỳnh Tịnh Của biên soạn, in năm 1897 tại Sài Gòn.

Sách dày 32 trang, gồm hơn một nghìn lời ca dao, xếp liên văn với hình thức như sau:

+ Dạo chơi quán Sở lầu Tề, hữu duyên thiên lí ngộ ai dè gặp em.

+ Đôi ta như lửa mới nhen, như trăng mới mọc như đèn mới khêu.

+ Chuông già đồng điệu chuông kêu, anh già lời nói em xiêu tấm lòng.

Trong khi biên soạn “Mục lục các tài liệu về Văn học dân gian Việt Nam” in trong sách *Tìm hiểu tiến trình văn học dân gian Việt Nam* (của Cao Huy Đình, Hà Nội, Nxb Khoa học xã hội, 1974) các soạn giả Nguyễn Quang Vinh, Trần Đức Các, Vũ Tố Hảo chỉ tìm thấy ở TVQG bản in lần thứ tư *Câu hát góp*, S. 1910.

Nhà nghiên cứu Nguyễn Khắc Xuyên đọc và chụp được tại Thư viện Quốc Gia Pháp bản in năm 1897 mang kí hiệu 80 Ý 2140. Ông đã cung cấp cho Nbs bản chụp này.

### 2. *Tục ngữ phong dao (TNPD)*

Nguyễn Văn Ngọc biên soạn. Nxb Vinh Hưng Long in lần đầu tại Hà Nội năm 1928. Nhóm biên soạn chép tư liệu từ bản in của Nxb Minh Đức. Bản này cũng in tại Hà Nội, năm 1957.

Sách này sưu tập cả thành ngữ. Sách gồm hai tập. Tập I gồm những loại từ “ba chữ” (tức ba tiếng) đến “hai mươi chữ”. Tập II

gồm những loại dài từ “bốn câu” (tức bốn dòng) trở lên. Trong mỗi tập, ở từng loại, tục ngữ, ca dao lại được xếp theo trật tự chữ cái.

Như vậy, THPD đã kết hợp cả hai tiêu chuẩn độ dài (số tiếng) và trật tự chữ cái của tiếng đầu để sắp xếp ca dao.

### *3. Tục ngữ ca dao (TNCD)*

Phần đầu cuốn sách là tục ngữ, phần sau là ca dao. Sách do Phạm Quỳnh biên soạn, xuất bản tại Hà Nội, năm 1932. Sách mang kí hiệu P. 14116 của TVQG.

### *4. Phong dao, ca dao, phương ngôn, tục ngữ (PDCD)*

Tuy sách có tên gọi như thế nhưng thực ra, theo quan niệm của Nhóm biên soạn thì nội dung sách này chỉ tập hợp ca dao.

Sách được in hai lần, lần thứ nhất: 1934; lần thứ hai: 1936. Tên sách, số trang ở cả hai lần in giống hệt nhau. Có điểm khác là ở lần xuất bản đầu, tên tác giả là Nguyễn Tấn Chiếu; ở lần xuất bản sau, tên tác giả là Nguyễn Văn Chiếu. Đối chiếu kỹ thuật thì hai lần in có khác nhau một số chỗ về mặt chính tả.

Sách xuất bản năm 1934 mang ký hiệu P.16218 của TVQG.

Sách xuất bản năm 1936 mang ký hiệu Q.8° 208 của TVXH.

### *5. Trẻ con hát, trẻ con chơi (TCH)*

Soạn giả: Nguyễn Văn Vĩnh. Lần thứ nhất in trong tạp chí *Tứ dân văn uyển*, số 1 năm 1935. Lần thứ hai in thành sách. Nxb Alexandre de Rhodes, Hà Nội, 1943. Bản in thành sách, lưu trữ ở phòng mi-cơ-rô-phim TVQG. Nhóm biên soạn chép tư liệu từ bản in trong *Tứ dân văn uyển*.

### *6. Ngạn ngữ phong dao (NNPD)*

Soạn giả: Nguyễn Can Mộng. Lần thứ nhất in trong tạp chí *Tứ dân văn uyển*, số 16, 18, 20, 22 năm 1936. Lần thứ hai in thành sách, Nxb Alexandre de Rhodes, Hà Nội, 1941. Nbs chép tư liệu từ bản in trong *tứ dân văn uyển*. Để có tài liệu này, Nbs cũng nhận được sự giúp đỡ của cụ Nguyễn Khắc Xuyên.

### *7. Hương hoa đất nước (HHĐN)*

Trọng Toàn biên soạn, Sài Gòn, Nxb Dân Chủ, năm 1949. Sách sắp xếp ca dao theo từng chủ đề và biểu tượng. Trong mỗi chủ

đề (hoặc biểu tượng), ca dao còn được xếp theo trật tự chữ cái. Sách mang kí hiệu Vv 3176 của TVVH.

### *8. Tiếng hát đồng quê (THĐQ)*

Sách không ghi tên tác giả, Hà Nội, Nxb Nguyễn Du, 1952. Sách mang kí hiệu M 20543 của TVQG.

### *9. Cổ Việt phong giao (CVPD)*

Sản Đình Nguyễn Văn Thích tập hợp 300 lời ca dao (mỗi lời hai dòng) liền vần. Sách không đề năm và nơi xuất bản. Theo sự tìm hiểu của chúng tôi, CVPD có thể được xuất bản ở Huế, khoảng những năm năm mươi.

### *10. Tục ngữ và dân ca Việt Nam (VNP1)*

Vũ Ngọc Phan biên soạn, Hà Nội, Nxb Văn Sử Địa, 1956. Sách gồm hai tập, chia làm nhiều chương mục, trong mỗi chương mục, sau phần tiểu luận là phần sưu tầm. Như vậy, sách này sắp xếp tư liệu theo chủ đề.

### *11. Hò miền Nam (HMN)*

Sách không đề tên tác giả. Lê Thị Minh xuất bản tại Sài Gòn năm 1956.

### *12. Hát phường vải (HPV)*

Ninh Viết Giao biên soạn, Hà Nội, Nxb Văn hóa, 1961. Sách này sưu tầm hát phường vải ở Nghệ Tĩnh. Sau phần giới thiệu, phần sưu tập sắp xếp các lời ca theo trình tự cuộc hát; những bài mở đầu, hát vào cuộc, hát từ già.

### *13. Dân ca quan họ Bắc Ninh (QHBN)*

Hà Nội, Nxb Văn hóa, 1962. Sau ba chương tiểu luận, Nguyễn Văn Phú, Lưu Hữu Phước, Nguyễn Viêm, Tú Ngọc đã sắp các lời ca theo bốn phần: những bài mở đầu, những bài vào giữa cuộc, những bài từ già, những bài chưa rõ giọng, loại nào nhất định. Trong ba phần đầu, lời ca lại được xếp theo giọng (làn điệu).

### *14. Hát xoan (HX)*

Sách không tên tác giả, Hà Nội, Nxb Âm nhạc, 1962. Trong tập này, lời ca được giới thiệu kèm với nhạc.

### *15. Dân ca miền Nam Trung bộ (DCNTB)*

Hà Nội, Nxb Văn hóa, 1963. Sách gồm hai tập. Tập I do Tráng Việt Ngữ, Trương Đình Quang, Hoàng Chương sưu tầm, Xuân Diệu giới thiệu. Tập II do Trần Việt Ngữ, Trương Đình Quang sưu tầm, Xuân Diệu viết lời bạt. Sách sắp xếp dân ca theo từng thể loại nhỏ: hò hố, lí, hát, bài chòi...

### *16. Ca dao Việt Nam trước Cách mạng (CDTCM)*

Viện Văn học, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội và Trường Đại học Sư phạm Vinh tổ chức sưu tầm, biên soạn Hà Nội, Nxb Văn học, 1963. Sách này sắp xếp ca dao theo chủ đề.

### *17. Ca dao sưu tầm ở Thanh Hóa (CDTH)*

Nhóm Lam Sơn sưu tầm biên soạn, Vũ Ngọc Khánh giới thiệu, Hà Nội, Nxb Văn học, 1963. Sách này cũng sắp xếp ca dao theo chủ đề.

### *18. Hát gheo (dân ca Phú Thọ) (HGPT)*

Hà Nội, Nxb Văn hóa nghệ thuật, 1963. Lời giới thiệu của Nxb cho biết Ngọc Oánh là người ghi âm những bài trong tập này.

### *19. Dân ca Thanh Hóa (DCTH)*

Nhóm Lam Sơn sưu tầm, biên soạn. Vũ Ngọc Khánh giới thiệu, Hà Nội, Nxb Văn học, 1965. DCTH sắp xếp dân ca theo từng thể loại nhỏ: hát gheo, hò sông Mã, hát khúc Tĩnh Gia...

### *20. Dân ca Bình Trị Thiên (DCBTT)*

Trần Việt Ngữ, Thành Duy sưu tầm, biên soạn, Thanh Tịnh, Trần Việt Ngữ giới thiệu, Hà Nội, Nxb Văn học, 1967. Ở đây dân ca được xếp theo ba thể loại nhỏ: hò, hát, lí.

### *21. Tuyển tập văn chương nhi đồng, quyển I: Ca dao nhi đồng (CDND)*

Doãn Quốc Sĩ biên soạn, Sài Gòn, Nxb Sáng tạo, 1969.

### *22. Thơ dân ca dân gian Việt Nam (chọn lọc) (TCDG)*

Bùi Văn Nguyên, Đỗ Bình Trị biên soạn, Hà Nội, Nxb Giáo dục, 1969.

### *23. Thi ca bình dân Việt Nam (TCBD)*

Nguyễn Tấn Long và Phan Canh biên soạn, Sài Gòn, Nhà xuất bản Sống mới, Sách gồm bốn tập. Tập I: xuất bản năm 1969, tập II: 1970, tập III: 1971. Trong ba tập đầu, ca dao được xếp theo chủ đề, trong mỗi chủ đề, ca dao còn được xếp theo trật tự chữ cái. Trong tập cuối, dân ca được sắp xếp theo từng thể loại cụ thể nhỏ.

### *24. Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam (VNP7)*

Trong các lần xuất bản trước, Sách này mang tên *Tục ngữ và dân ca Việt Nam*. Lần xuất bản thứ bảy này không đơn thuần chỉ có việc thay đổi tên sách.

Trong lần xuất bản này, sách gồm một tập với số trang khá đồ sộ (556 tr). Số lời ca dao, dân ca được bổ sung khá nhiều. Ngược lại, cũng có một số ít lời chỉ thấy ở lần xuất bản đầu, ở lần này không có. Có một số lời tuy đã có mặt ở cả hai lần xuất bản nhưng ở lần này có sự sửa đổi một số từ ngữ... Tục ngữ, ca dao vẫn được xếp theo chủ đề. Khác với những lần in trước, lần này dân ca được tách thành một phần riêng. Trong phần này, dân ca được xếp theo từng thể loại nhỏ: hát xẩm, hát trống quân, hát ru em...

Vì những lý do trên. Nhóm biên soạn dùng cả cuốn sách này để lấy tư liệu. Sách xuất bản năm 1971, Hà Nội, Nxb Khoa học xã hội.

### *25. Ca dao ngôn ngữ Hà Nội (CDHN)*

Chu Hà, Tảo Trang, Triều Dương, Phạm Hòa biên soạn. Hội văn nghệ Hà Nội xuất bản lần đầu năm 1971, lần thứ hai năm 1972. Sách chia làm hai phần, phần đầu là ca dao; phần sau; tục ngữ. Trong mỗi phần, tư liệu đều được sắp xếp theo chủ đề.

Nhóm biên soạn chép tư liệu từ bản in năm 1972.

### *26. Hợp tuyển thơ văn Việt Nam. Văn học dân gian (HT)*

Vũ Ngọc Phan, Tạ Phong Châu, Phạm Ngọc Hi biên soạn, Hà Nội, Nxb Văn học, 1972. Sách gồm nhiều phần. Phần ca dao xếp theo chủ đề. Phần dân ca xếp theo từng thể loại nhỏ: hát vui chơi trẻ em, hát ru em, hát trống quân...

### 27. *Hát ghẹo (dân ca Vinh Phú) (HGVP).*

Nguyễn Đăng Hòe sưu tầm và ghi âm, Hà Nội, Nxb Văn hóa, 1974. Trong sách này, lời ca được giới thiệu kèm với nhạc.

Về sách quốc ngữ, chúng tôi đã giới thiệu vắn tắt từng cuốn. Tất cả gồm 25 đầu sách (gồm 31 tập). Những sách này đều có nội dung chính là sưu tầm, biên soạn dân ca, ca dao. Về nơi xuất bản, 20 cuốn được xuất bản ở Hà Nội, 4 cuốn ở Sài Gòn, 1 cuốn ở Huế(?). Về thời gian xuất bản, những sách in trước năm 1945 là 4 cuốn (gồm 5 tập), trong số này chỉ có một cuốn in trước năm 1930 là Tục ngữ phong dao (hai tập).

## II. QUY CÁCH BIÊN SOẠN

### A. PHÂN BIỆT LỜI, BẢN KHÁC, BẢN SAI

Một lời thường có nhiều bản khác nhau. Hiện tượng có bản khác (thường được gọi là *dị bản*) là một đặc điểm của dân ca, ca dao. Một lời A cụ thể luôn luôn được lưu truyền trong không gian và thời gian. Từng năm tháng, từng địa phương, từng nhóm người, từng cá nhân tiếp thu, ghi nhớ, diễn xướng, lưu truyền một lời đều in dấu vào nó, làm cho nó biến đổi. Sự biến đổi này là liên tục này và hiện tượng có bản khác là tất yếu trong quá trình này: Vận động đến một thời điểm nhất định, (hoặc một địa phương nhất định), lời A sẽ thay đổi với một trong hai khả năng:

1. A thay đổi vượt quá độ, trở thành lời khác, là B chẳng hạn.
2. A thay đổi chưa vượt quá độ, vẫn là nó nhưng có thêm sắc thái mới là A, chẳng hạn.

A và B là hai lời. Còn A và A, là hai bản khác nhau của một lời. (Trong cá sách sưu tầm dân ca, ca dao trước đây, khi trình bày những lời gồm nhiều bản khác nhau, người soạn sách thường chọn một bản làm *bản chính* với khổ chữ in nhỏ hơn và có khi chỉ ghi những tiếng khác so với bản chính).

Các lời với những bản khác của chúng lưu hành trong dân gian. Những người sưu tầm đã ghi lại với nhận thức chủ quan của họ. Khi nhận thức này phù hợp với thực tế khách quan của mỗi lời

thì các bản khác trong sách sưu tầm là đáng tin cậy. Trái lại, khi nhận thức này là sai thì những hiện tượng được gọi là bản khác trong sách sưu tầm ấy thực chất là những bản sai vì chúng không phản ánh đúng những bản khác có thực của mỗi lời dân ca, ca dao.

Chẳng hạn khá nhiều sách đã chép:

*Lươn ngấn lại chề trách dài  
Thờn bơn méo miệng chề trai lệch mồm<sup>1</sup>*

Nếu chép thế này thì không ít người đã hiểu trai ở đây là “loài động vật thân mềm, vỏ cứng sống ở sông hồ, vùi trong cát bùn”<sup>2</sup>. Và có lẽ những người chép cũng hiểu như vậy. Nhưng trong thực tế làm gì có con trai lệch mồm? Chính ra lời này nói đến con cá chai là “loại cá dẹt mình và lệch miệng”<sup>3</sup>. Như vậy, Thờn bơn méo miệng chề Trai lệch mồm là bản sai, không phải dị bản của Thờn bơn méo miệng chề chai lệch mồm.

Chúng ta còn có thể dẫn ra nhiều thí dụ nữa. Đây là một bản sai:

*Chẳng ngon cũng bán la dong  
Dấu em có đại cũng dòng con quan<sup>4</sup>.*

Đúng ra là:

*Chả ngon cũng bán lá dong  
Tuy rằng xấu xí cũng dòng con quan.<sup>5</sup>*

Đây lại là một bản sai:

*Chi ngon bằng gói cá nhồng  
Chi vui bằng được tin chồng vu qui.<sup>6</sup>*

Đúng ra là:

*Chi ngon bằng gói cá nhồng  
Chi vui bằng được tin chồng vinh qui.<sup>7</sup>*

---

<sup>1</sup> Xem LHCD (Sđd) tr 27a, NASLI (Sđd) tr 46a, TNPD (Sđd) tr 180, VNP7 (Sđd) tr 95, HT (Sđd) tr 226.

<sup>2</sup> Văn Tân (chủ biên), Từ điển tiếng Việt, Hà Nội, Nxb Khoa học xã hội, 1967.

<sup>3</sup> Từ điển tiếng Việt (Sđd).

<sup>4</sup> HHĐN 79.

<sup>5</sup> NASL I 27b NASL III 7a.

<sup>6</sup> TCBD 604

<sup>7</sup> HHĐN 79.

Trong khi biên soạn, gặp những bản sai, chúng tôi sửa lại theo bản đúng.

Đứng trước nhiều bản. Nhóm biên soạn cố gắng nhất quán theo một quy ước để xác định đâu là những bản khác nhau của cùng một lời, đâu là những lời khác biệt.

Như chúng tôi đã trình bày, mỗi lời là một cơ cấu tương đối trọn vẹn, có mặt nội dung và mặt hình thức. Quy ước mà chúng tôi căn cứ để xác định lời và bản khác được thể hiện trong ba trường hợp sau đây:

1. Là hai *lời* khác biệt khi hai bản có nội dung khác nhau

Thí dụ:

*Con vua thì lại làm vua  
Con sãi ở chùa lại quét lá đũa.*

và:

*Trời mưa cho ướt lá nem  
Mua giấy, mua bút, mua nghiên học hành.*

2. Là hai *lời* khác biệt khi hai bản có nội dung giống nhau mà hình thức nghệ thuật khác nhau:

Thí dụ:

*Con vua thì lại làm vua  
Con nhà kẻ khó bắt cua cả ngày.*

và:

*Con quan thì lại làm quan  
Con nhà kẻ khó đốt than cả ngày.*

Hai *lời* trên khác nhau về mặt hình thức thể hiện ở vần thơ là hình ảnh (bắt cua và đốt than).

3. Là một *lời* khi hai bản có cùng một nội dung, nhưng mặt hình thức khác nhau về chi tiết.

Thí dụ:

*Chẳng thơm cũng thể hoa nhài  
Dẫu không lịch sự cũng người Tràng An.*

và:

*Chẳng thơm cũng thể hoa nhài  
Dẫu không lịch sự cũng người Thượng Kinh.*



## B. VẤN ĐỀ CHÍNH TẢ VÀ MỘT SỐ QUY ƯỚC

Về mặt chính tả, chúng tôi căn cứ vào cuốn *Từ điển chính tả phổ thông* do Viện văn học xuất bản, Hà Nội, 1963 và cuốn *Từ điển chính tả tiếng Việt* của nhóm tác giả Hoàng Phê (chủ biên), Lê Anh Hiền, Đào Thán, - Hà Nội, Nxb Giáo dục, 1988. Khi gặp trường hợp mà các sách trước đây không theo đúng cách viết ấy, Nhóm biên soạn sẽ sửa lại. Chẳng hạn TCBD IV tr 343 - 345 và THPD II tr 140 - 141 đều chép:

*Ông trắng ông trắng*

*Xuống chơi ông Chính*

*Ông Chính cho mõ*

*Xuống chơi nôi trõ*

*Nôi trõ cho vung*

...

Những tiếng *trõ* đều được sửa lại là *chõ*. Trong những trường hợp như vậy, để khỏi rườm, khi sửa lại cho đúng chính tả, chúng tôi xin được miễn chú thích.

Nhóm biên soạn cũng bỏ các dấu chấm (.), dấu phẩy (,) cuối các dòng thơ, trừ dấu chấm hết một lời.

Qui tắc viết hoa hiện nay chưa được thống nhất. Trong sách này, tên đất, tên người đều viết hoa, không có dấu gạch nối giữa các tiếng. Thí dụ:

+ Hà Nội, Huế, Nam Hà, Nghệ Tĩnh, Nội Duê, Yên Thế...

+ Nguyễn Văn Mai, Nguyễn Đăng Tuyển, Lê Thị Minh, Phan Canh...

Chúng tôi viết hoa các tiếng: Bụt, Phật, Tiên, Nguyệt Lão, (ông) Tơ, (bà) Nguyệt.

Riêng trời và trăng, có khi viết hoa, có khi không. Viết hoa trong những trường hợp như sau:

*Ông Trăng mà bảo ông Trời*

*Những người hạ giới là người như Tiên*

*Ông Trời mới bảo ông Trăng:*

*Những người hạ giới mặt nhăn như tườu.*

Viết thường trong những trường hợp như sau:

*Trên trời có đám mây xanh  
Ở giữa mây trắng, xung quanh mây vàng.*

Những tiếng sau đây viết thường: chề mạn hảo, giường tàu, nón nghệ, mắ nghệ...

Nhóm biên soạn chỉ phân biệt *chả* và *chẳ*, *dầu*, *dẫu* và *dù*, *phụng* và *phượng* trong trường hợp những tiếng này đứng đầu một lời.

Thí dụ:

1. *Chả nên cơm cháo gì đâu  
Trở về đất cũ hái dâu nuôi tằm*  
(NASL IV 55a)
2. *Chẳ nên cơm áo gì đâu  
Ta về ở bãi hái dâu chăn tằm.*  
(NGCK 113b, PTK 14a)

Trường hợp trên thì phân biệt. Còn trường hợp sau thì coi là một.

1. *Trách cha, trách mẹ nhà chàng  
Cầm cân chẳ biết rằng vàng hay thau.*  
...  
(TNPĐ II 171)
2. *Trách cha, trách mẹ nhà chàng  
Cân cân chả biết là vàng hay thau.*  
...  
(VNP 1I 121)

Những trường hợp sau duy trì cả hai cách viết: biển=bể; (lúa) giỗ=trỗ, rỗ; đậu = đỗ; Nam vô = Nam ô, Nam mô; nàng = nương; nhành = cành; phụng (hoàng) = phượng; thời = thì; vằng (trắng) = vừng; (quan) võ = vũ...

### C. LƯỢC BỎ TIẾNG ĐỆM, TIẾNG LÁY, TIẾNG ĐƯA HƠI

Đối với dân ca, khi tập hợp lời ca vào công trình này, Nhóm biên soạn lược bỏ một số tiếng. Thí dụ về việc bỏ tiếng đệm, tiếng đưa hơi: VNP7 ghi nguyên văn như sau:

*A la khoan ố khoan a,  
 Ô rô tía, bạc hà cũng tía.. (á là phàn a)  
 Ngọn lang giâm, ngọn mía cũng giâm (á là phàn a)  
 Anh thấy em tốt mã anh lắm (á là phàn a)  
 Bây giờ anh rõ lại (á là phàn a)  
 Vàng cầm là anh cũng buông (là khoan hò khoan).*

Khi đưa vào sách này, chúng tôi ghi l à:

*Ô rô tía, bạc hà cũng tía  
 Ngọn lang giâm, ngọn mía cũng giâm  
 Anh thấy em tốt mã anh lắm  
 Bây giờ anh lại rõ, vàng cầm anh cũng buông.*

Thí dụ về việc bỏ tiếng láy: VNP 7 425 ghi:

*Nhất quế, nhị lan  
 Nhất xinh, nhất lịch, khôn ngoan đủ trăm chiều  
 Ai chả nâng niu  
 Người khôn ai chả nâng niu  
 Hoa thơm ai chả chắt chiu trên cành  
 Cho hay là thói hữu tình  
 Vì hoa nên phải lánh mình tìm hoa  
 Cho trọn một bề...*

Bản mà Nhóm biên soạn ghi sau khi lược bỏ là:

*Nhất quế, nhị lan  
 Nhất xinh nhất lịch khôn ngoan trăm chiều  
 Người khôn ai chả nâng niu  
 Hoa thơm ai chả chắt chiu trên cành  
 Cho hay là thói hữu tình  
 Vì hoa nên phải lánh mình tìm hoa  
 Cho trọn một bề...*

## BẢNG CHỮ TẮT

## I

1. ANPT	An Nam phong thổ thoại
2. CDHN	Ca dao ngạn ngữ Hà Nội
3. CDNĐ	Ca dao nhi đồng
4. CDTCM	Ca dao Việt Nam trước Cách mạng
5. CDTH	Ca dao sưu tầm ở Thanh Hoá
6. CHG	Câu hát góp
7. CVPD	Cổ Việt phong dao
8. DCBTT	Dân ca Bình Trị Thiên
9. DCNTB I	Dân ca miền Nam Trung bộ, tập I
10. DCNTB II	Dân ca Nam Trung bộ, tập II
11. DCTH	Dân ca Thanh Hoá
12. ĐNQT	Đại Nam quốc túy
13. HGPT	Hát gheo (dân ca Phú Thọ)
14. HGVP	Hát gheo (dân ca Vĩnh Phú)
15. HHĐN	Hương hoa đất nước
16. HMN	Hò miền Nam
17. HPV	Hát phường vải
18. HT	Hợp tuyển thơ văn Việt Nam. Văn học dân gian
19. HX	Hát xoan

20. KSK	Khẩu sử ky
21. LHCD	Lý hạng ca dao
22. NASL I	Nam âm sử loại, quyển I
23. NASL II	Nam âm sử loại, quyển II
24. NASL III	Nam âm sử loại, quyển III
25. NASL IV	Nam âm sử loại, quyển IV
26. NGCK	Nam giao cổ kim lý hạng ca dao chú giải
27. NNPD	Ngạn ngữ phong dao
28. NPGT	Nam phong giải trào
29. NPNN	Nam phong nữ ngạn thi
30. NQPN	Nam phong nữ ngạn thi
31. PDCD	Phong dao, ca dao, phương ngôn, tục ngữ
32. PTK	Phỏng thi kinh quốc phong
33. QHBN	Dân ca quan họ Bắc Ninh
34. QPHT	Quốc phong thi hợp thái
35. TCBD I	Thi ca bình dân Việt Nam, tập I
36. TCBD II	Thi ca bình dân, tập II
37. TCBD III	Thi ca bình dân, tập III
38. TCBD IV	Thi ca bình dân, tập IV
39. TCDG	Thơ ca dân gian Việt Nam chọn lọc
40. TCH	Trẻ con hát, trẻ con chơi
41. THĐQ	Tiếng hát đồng quê
42. THQP	Thanh Hóa quan phong
43. TNCD	Tục ngữ ca dao
44. THPD I	Tục ngữ phong dao, tập I
45. THPD II	Tục ngữ phong dai, tập II
46. TNPD II	Tục ngữ và dân ca Việt Nam
47. VNP1 II	Tục ngữ và dân ca Việt Nam, xuất bản lần thứ nhất, tập II

48. VNP7 Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam,  
xuất bản lần thứ bảy
49. VNPS Việt Nam phong sử

## II

- bđm bản đánh máy
- BK bản khác
- bk bản khác
- đđ đã dẫn
- Khd khuyết danh
- Nbs nhóm biên soạn
- Nxb nhà xuất bản
- tlct tài liệu chép tay
- tr trang
- TVHN Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm
- TVQG Thư viện Quốc Gia
- TVVH Thư viện Văn học
- TVXH Thư viện Viện thông tin khoa học xã hội.

**KHO TÀNG CA DAO NGƯỜI VIỆT  
SẮP XẾP THEO TRẬT TỰ CHỮ CÁI  
CỦA TIẾNG ĐÀU**

## LỜI DẪN

### 1) ĐẶC ĐIỂM VÀ YÊU CẦU CỦA HỆ THỐNG NÀY

Phần này là kho chứa dân ca, ca dao của sách *Kho tàng ca người Việt*. Tất cả số lời dân ca, ca dao được sắp xếp theo trật tự chữ cái.

Qua đây chúng tôi sẽ giới thiệu với bạn đọc:

- khối lượng dân ca, ca dao Việt Nam nằm trong 46 tập sách đã giới thiệu ở phạm vi sưu tập và qui cách biên soạn;

- bản chính và các bản khác của từng lời với xuất xứ cụ thể;

- số lần xuất hiện trên các sách của từng bản chính và bản khác;

- thời gian xuất hiện trên các sách của từng lời, kể cả bản chính và bản khác (căn cứ vào thời gian ra đời của những cuốn sách ghi lời đó);

- các phân, các yếu tố trùng lặp và ổn định của từng lời; các yếu tố khác biệt, biến đổi trong quá trình lưu truyền qua các thời kỳ lịch sử và qua từng địa phương.

Do những yêu cầu nhiều mặt đó và trước một khối lượng dân ca, ca dao đồ sộ, cần phải có một quy cách giới thiệu tỉ mỉ, và tương đối nhất quán. Sau đây là quy cách cụ thể.

### 2) CÁC KHÁI NIỆM, KÝ HIỆU

a) Tên gọi của lời: gồm chữ cái đứng đầu mỗi lời và số thứ tự của lời đó. Thí dụ:

-A1. là tên gọi của lời:

*Ai ăn cau cưới thì đền  
Tuổi em còn bé chưa nên lấy chồng.*



- **B177** là tên gọi của lời:

*Bao giờ cho gạo bén sàng  
Ch trắng bén gió cho nàng lấy anh.*

- **C 380** là tên gọi của lời:

*Cha đòi cái áo rách này  
Mất chúng mất bạn vì máy áo ơi.*

**b) Bản chính, bản khác:** Khi một *lời* được ghi ở nhiều Sách, chúng ta có nhiều bản của lời đó. Một trong những bản này được chọn làm *bản chính*, những bản còn lại là *bản khác*. Có trường hợp nhiều bản giống *bản chính* thì tất cả các bản đó đều là *bản chính*. Việc phân ra các *bản chính* và các bản khác chủ yếu nhằm giúp cho việc biên soạn, trình bày được dễ dàng, tiết kiệm về mặt ấn loát. *Bản chính* sẽ được in toàn bộ, bản khác sẽ chỉ in những dòng có tiếng khác biệt. Bản được chọn làm *bản chính* có giá trị nhất định đối với việc nghiên cứu, thường thức nhưng không phải bao giờ bản chính cũng có giá trị hơn bản khác. Sự đối chiếu, so sánh giữa bản chính và các bản khác, trong những trường hợp cụ thể, sẽ đem lại cho người nghiên cứu nhiều kết luận thú vị.

*Bản khác* thường được viết tắt bằng hai ký hiệu BK (viết hoa) và bk (viết thường). BK là bản khác rút ra từ một cuốn sách khác với các cuốn có *bản chính*; bk là bản khác của một BK (trong trường hợp cả hai bản bk và BK đều cùng ở một sách).

**c) Dòng:** dòng xét về mặt hình thức, không xét theo nội dung. Cứ một dòng thơ là một dòng. Chữ cái in thường, không đặt trong ngoặc đơn, để ở cuối dòng, là tên gọi của dòng đó.

**d) Dạng:** Có hiện tượng một lời gồm nhiều bản và sự khác nhau giữa các bản này rất phức tạp (tuy nhiên chưa khác đến mức trở thành lời riêng biệt). Gặp những trường hợp như vậy. Nhóm biên soạn sẽ qui những bản gần nhau thành một dạng. Chữ cái in thường đặt trong ngoặc đơn ở cạnh tiếng đầu của một bản là kí hiệu của một dạng.

**đ) Sửa lại và Xem thêm** là hai ký hiệu của nhóm biên soạn để ở cuối một số lời.

Sau đây là một số thí dụ:

*Thí dụ 1:*

33. *Dao vàng tiện đốt mía mừng*  
*Ta chưa quên bạn, bạn đừng quên ta.*

HVP 118

Đây là lời D33 và là trường hợp đơn giản nhất. Chỉ có một bản được ghi trong một cuốn sách.

*Thí dụ 2:* Loại lời phức hơn, có bản chính là BK:

1. *Ai ăn cau cưới thì đèn* a  
*Tuổi em còn bé chưa nên lấy chồng.* b

HPV 164 NASL I 22b NGCK 118b TCBD I 199 TNPĐ I 17

- BK a - Ai ăn cau cưới thì *xin* AJPT 19a  
- Ai ăn *trầu* cưới thì đèn LHCD 41a NPNN 7b  
b - Tuổi *tôi* còn bé *chửa* nên lấy chồng ĐNQT 104b  
- Tuổi em còn bé *chửa* nên lấy chồng ĐNQT NPGT 26b  
- Tuổi *tôi* còn *nhỏ chửa* nên lấy chồng LHCD  
- Tuổi em còn *nhỏ chửa* nên lấy chồng NPNN

Chúng ta thấy lời A1 này có một bản chính được ghi trong 5 sách (*Hát phường vải*, trang 164; *Nam âm sự loại*, tập I, trang 22b; *Nam giao cổ kim lí hạng ca dao chú giải*, trang 118b; *Thi ca bình dân Việt Nam*, tập I, trang 199; *Tục ngữ phong dao*, tập I, trang 17) và 5 bản khác.

Đây là bản khác ở ANPT (*An Nam phong thổ thoại*, tr19a):

*Ai ăn cau cưới thì xin*

*Tuổi em còn bé chưa nên lấy chồng.*

Bản khác ở ĐNQT (*Đại Nam quốc túy*, tr 104b):

*Ai ăn cau cưới thì đèn*

*Tuổi tôi còn bé chửa nên lấy chồng.*

Bản khác ở LHCD (*Lí hạng ca dao*, tr 26b):

*Ai ăn trầu cưới thì đèn*

*Tuổi tôi còn nhỏ chửa nên lấy chồng.*

Bản khác ở NPGT (*Nam phong giải trào*, tr26b):

Ai ăn cau cưới thì đền

Tuổi em còn bẻ *chửa* nên lấy chồng.

Bản khác ở NPNN (*Nam phong nữ ngạn thi*, tr 7b):

Ai ăn *trầu* cưới thì đền

Tuổi em còn *nhỏ chửa* nên ấ y chồng.

Như thế là *lời A1* có một *bản chính* được ghi trong 5 sách và 5 *bản khác* được ghi trong 3 sách. *Nam phong giải trào* ra đời vào cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX. Vậy trong tình hình tài liệu hiện có, ta có thể kết luận *lời A1* được ghi lại sớm nhất từ cuối thế kỷ XVIII đầu XIX.

*Thí dụ 3:* Loại *lời* có ký hiệu bk:

909. Chim khôn đậu nóc nhà quan  
 Trai khôn tìm vợ, gái ngoan tìm chồng  
 Xưa nay những bạn má hồng a  
 Thà hầu quân tử hơn chồng tiểu nhân. b

QPHT 14a

BK a - Xưa nay *cùng* bạn má hồng NGCK 106a

- Xưa nay những *kẻ* má hồng ĐHQT 104a

- *Bảo cho* những *khách* má hồng bk TNPD II 58

b - Thà hầu quân tử hơn chồng *đần ngu*

TCBD III 146 THPD II

- *Đã* hầu quân tử hơn chồng tiểu nhân PTK 17a

Ở *lời C 909*, ta thấy có một *bản chính* được ghi ở QPHT và bốn BK được ghi 4 sách (ĐNQT 104a TCBD III 146, THPD II 58, PTK 17a). Hiện tượng đáng chú ý ở đây là sách TNPD tập II, cùng một trang 58 có hai bản.

Đây là một bản:

Chim khôn đậu nóc nhà quan

Trai khôn tìm vợ, *khái* ngoan tìm chồng

Xưa nay những bạn má hồng

Thà hầu quân tử hơn chồng *đần ngu*.

Đây là bản nữa:

Chim khôn đậu nóc nhà quan  
 Trai khôn tìm vợ, gái ngoan tìm chồng  
*Bảo* cho những *khách* má hồng  
 Thà hầu quân tử hơn chồng *đần ngu*.

Cả hai bản này đều là bản BK của *bản chính* in trong QPHT, nhưng bản dưới lại là *bản khác* của bản trên (cùng một cuốn sách).

*Thí dụ 4:* Loại lời có dạng:

1752. (a) Cổ tay em trắng như ngà  
 Con mắt em liếc như là dao cau  
 Miệng cười như thể hoa ngâu  
 Cái khăn đội đầu như thể hoa sen.  
 HHĐN 165 HT 158 THĐQ 3 THPD II 49  
 VNP1 I 67 VNP7 192

BK PDCD 3:

Cổ tay em trắng như ngà  
 Con mắt em *sắc* như là dao cau  
 Miệng *cô* cười *tựa* hoa ngâu  
*Thế cô còn đợi đến bao lấy chồng.*

(b) Cổ tay em trắng như ngà  
 Con mắt em liếc như là dao cau  
 Miệng em cười như thể hoa ngâu  
 Cái nón em đội trên đầu như thể hoa sen  
 Nón trắng em buộc với thao đen  
 Em thấy chàng lịch sự em muốn làm quen với chàng.

HASL II 10a

BK RDCD 10:

Cổ tay em trắng như ngà  
 Con mắt em *sắc hơn* *đũa* *dao cau*

Miệng cười như *cánh* hoa ngâu  
 Nón đội trên đầu như *cánh* hoa sen  
*Đáy vàng đáy cũng đồng đen*  
*Đáy hoa sói trắng đáy sen Tây Hồ.*

*Thí dụ 5:* Trường hợp Nbs phải sửa lại:

1720. Cô kia con gái nhà ai  
 Mà cô ăn nói dông dài hử cô  
 Cô điên cô dại cô rồ  
 Cô ra kẻ chợ cô vô lấy trai.

Sửa lại: Cô *điều*... = cô *điên*...

*Thí dụ 6:* Trường hợp có dạng và mục *Xem thêm:*

95. (a) Cái cò mày mổ cái tôm  
 Cái tôm quặp lại, lại ôm cái cò  
 Cái cò mày mổ cái trai  
 Cái trai quặp lại lại nhai cái cò.

HT 268 TCBD IV 335 THPD II 28 VHP1 II 33

(b) Con cò mà mổ cái trai  
 Cái trai quặp lại mà nhai cái cò  
 Cái cò mà mổ cái tôm  
 Cái tôm quặp lại mà ôm cái cò.

NASL IV 35a

*Xem thêm C 134*

“*Xem thêm C 127*” nhắc bạn đọc tham khảo lời C 127 có một phần nội dung gần gũi với C 92.

134. Cái trai mày há miệng ra  
 Cái cò nó mổ muốn tha thịt mày  
 Cái cò mày mổ cái trai  
 Cái trai quặp lại muốn nhai cái cò.

HHĐN 44 - 45 TCBD I 553

*Xem thêm C 95*



trang 88 và 330. Đây là trường hợp phức tạp hơn, trường hợp hai bản ở hai trang trong cùng một sách mà có những chỗ khác nhau thì Nhóm biên soạn sẽ ghi cả ký hiệu tên sách và số trang kèm theo trong tất cả các dòng ở mục BK.

Về mặt biên soạn, lời đơn giản nhất chỉ có một bản chính. Những *lời* phức tạp hơn có *bản chính* là BK, số BK càng nhiều thì việc theo dõi càng khó hơn. Nhất là đối với trường hợp phải dùng ký hiệu bk (Xem lời C 909 đã dẫn ở mục 2). Tuy vậy, dù có phức tạp đến đâu, với cách phục hồi đã nêu, người đọc vẫn có thể nắm được đầy đủ các BK. Trong trường hợp BK có số dòng khác biệt nhiều quá nửa tổng số dòng của *bản chính* thì BK này sẽ được in toàn bộ (Xem lời C 1752 đã dẫn ở mục 2).

Những *lời* phức tạp nhất là những *lời* gồm có *dạng* (trong mỗi *dạng* có *bản chính* và các BK), mục *Sửa lại* và cuối cùng là mục *Xem thêm*.

Chúng tôi sắp xếp các *lời* theo trật tự chữ cái của tiếng đầu. Nếu tiếng đầu giống nhau thì căn cứ vào tiếng thứ hai, nếu tiếng thứ hai cũng giống nhau thì căn cứ vào tiếng thứ ba... và thậm chí nếu cả dòng sau (của hai *lời*) giống nhau thì căn cứ vào dòng thứ hai...

Trật tự các chữ cái được dùng trong cuốn sách này là: A Ă Â B C CH D Đ E Ê G H I K K L M N O Ô Ớ P Q R S T U Ư V X Y.

Hệ thống dấu giọng là: không dấu, huyền, hỏi, ngã, sắc, nặng.

#### 4) QUI TẮC BIÊN SOẠN

##### a) Về việc chọn bản chính

Có nhiều nguyên tắc áp dụng cho từng trường hợp cụ thể:

+ Trong trường hợp một *lời* được nhiều sách ghi. Nhóm biên soạn chọn bản nhiều sách ghi nhất làm bản chính. Số còn lại là BK. Cách làm này áp dụng trong việc biên soạn *lời* A1 (đã dẫn ở mục 2).

+ Trong trường hợp các bản có số lần xuất hiện trên sách bằng nhau thì nói chung bản nào in ở sách xuất bản sớm hơn sẽ được chọn làm *bản chính*.

+ Trong trường hợp các bản có số lần xuất hiện bằng nhau mà trong đó có bản được ghi rõ địa phương lưu truyền thì bản này được chọn làm *bản chính*.

+ Có trường hợp một bản chỉ được một sách ghi, nhưng lại chọn làm *bản chính*, vì xét nó có giá trị về mặt nào đó: thời gian ghi trên văn bản sớm hơn, hoặc nội dung chính xác hơn các *bản khác*... Theo nguyên tắc này chúng tôi đã chọn bản ĐNQT làm *bản chính* của lời C 1888:

Cơm sôi cả lửa thì khê a

Sự làm hay hỏng là lẽ thế gian. b

ĐNQT 104a LHCD 36a

**BK a-** Cơm *vần* cả lửa thì khê NASL III 11a

b - Việc *làm* hay hỏng là lẽ thế gian NASL III NNPĐ 41

TCBD I 502 THPD 69

- Sự *làm* hay hỏng là lẽ thế gian THCD 101

### *b) Về việc qui thành dạng*

Khi gặp trường hợp có một lời có nhiều bản khác nhau, mà những chỗ khác nhau này chưa đến mức thành những lời riêng biệt. Nhóm biên soạn qui các bản đó vào một số dạng theo các nguyên tắc sau:

+ Đối với những bản khác nhau về độ dài thì Nbs sẽ giải quyết theo một trong hai hướng sau đây, tùy tình hình thực tế ở các bản đặt ra:

. Nếu các bản dài là những bản được ghi trong những cuốn sách có năm in (hoặc năm xuất bản) sớm hơn và nếu xét thấy nội dung của những bản này đã có mối liên hệ hợp lí, hình thức vần điệu nhuần nhuyễn thì Nbs quy những bản này thành dạng a. Những bản còn lại ngắn hơn mà có thể là do những bản dài bị vỡ ra thì sẽ được quy thành dạng b,c... Trong mỗi dạng lại ghi thành bản chính và bản khác theo những nguyên tắc biên soạn đã trình bày ở trên.

. Nếu các bản ngắn được ghi lại trong những sách có năm in (hoặc năm xuất bản) sớm hơn, và nếu xét thấy những bản dài có thể là sự phát triển về sau từ những bản ngắn thì những bản ngắn



được quy thành dạng a, còn các bản dài tùy theo mức độ gần gũi với dạng a sẽ được quy thành dạng b,c...

+ Đối với những bản cùng độ dài nhưng có sự khác biệt hơi xa về nội dung nghệ thuật cũng được quy thành những dạng riêng.

### c. Về việc sửa lại

Trong số hàng vạn bản được người trước biên soạn không tránh khỏi một số trường hợp nhầm lẫn. Những trường hợp này có thể quy thành ba loại:

+ Trường hợp sai một vài tiếng do ghi chép, ấn loát. Cũng có khi do người soạn hiểu chưa đúng một từ khó, một tiếng địa phương...

+ Trường hợp một bản hoàn chỉnh bị người soạn tách ra làm hai mảnh xếp thành hai lời riêng biệt.

+ Trường hợp người trước chấp nhiều lời thành một lời.

Đối với một số trường hợp trên, Nbs đã sửa lại; khi sửa chúng tôi ghi rõ bản sửa lấy ở sách nào, sửa như thế nào? Việc sửa lại chủ yếu dựa vào những tiếng đúng, những trường hợp biên soạn đúng ở những bản ghi trong những sách khác. Khi không có BK để đối chiếu, so sánh thì dựa vào các từ điển và kết quả điều tra trong nhân dân.

### d) Về chú thích

Phần chú thích chủ yếu dựa vào chú thích của các soạn giả đi trwoocs, thí dụ ở lời A 138, những giải thích về phố Nhớn, phố Lai, về địa danh Canh là sử dụng từ sách *Ca dao ngàn ngữ Hà Nội* bản in 1972, tr 106.

Định chú thích từ nào, Nhóm biên soạn ghi số (1) hoặc (2)... vào ngay từ đó ở bản chính.

Những chú thích do nhà giáo Nguyễn Luân thực hiện năm 1999 được đánh dấu\* ở cuối. Thí dụ:

633.

Anh về sấm bộ sào tương

Cho anh chung vốn ngược lòng cùng anh.

CDTCM 17

(1) *Sào tương*: sào là cây sào để đẩy thuyền. Tương (chữ Hán0 là mái chèo nhỏ (theo GS Đình Gia Khánh)\*.

Những chú thích không có dấu \* ở cuối là do PGS. TS Phan Đăng Nhật thực hiện năm 1994.

*đ) Về thông báo Xem thêm*

Khi gặp những lời riêng biệt nhưng có chỗ giống nhau, Nhóm biên soạn sẽ ghi ở dưới những lời đó kí hiệu *Xem thêm*. Những trường hợp giống nhau là:

- + Giống nhau ở dòng đầu hoặc ở hai dòng đầu
- + Trong một bản dài, có vài dòng ở giữa giống với một bản ngắn hơn.
- + Hai bản có độ dài như nhau nhưng khác biệt một vài tiếng làm khác hẳn nội dung từng lời. Thí dụ:

*Thóc bồ thương kẻ ăn đong*

*Có chồng thương kẻ nằm không một mình.*

và:

*Dốc bồ thương kẻ ăn đong*

*Vắng chồng thương kẻ nằm không một mình.*

Hai lời có những chỗ giống nhau như trên mà được sắp xếp cách nhau từ 5 số thứ tự trở lên sẽ được ghi kí hiệu *Xem thêm* ở cuối lời.

## 5. KẾT LUẬN

Phần *Kho tàng ca dao người Việt* sắp xếp theo trật tự chữ cái của tiếng đầu gồm tuyệt đại đa số dân ca, ca dao lấy từ 49 tập sách (của 40 cuốn), là nơi tập hợp đầy đủ số lượng lời cũng như số lượng của từng lời.

Ngoài ra, qua phần này, người đọc còn thấy được số lần xuất hiện, thời gian được ghi lại trên sách của từng lời dân ca, ca dao với các yếu tố ổn định và các yếu tố biến đổi.

Hệ thống ca dao sắp xếp theo trật tự chữ cái sẽ chưa thoả mãn bạn đọc khi các bạn muốn tìm hiểu, tập hợp dân ca, ca dao theo chủ đề, theo nội dung tư tưởng. Yêu cầu này sẽ được giải quyết ở *Bảng tra cứu ca dao theo chủ đề*. Và trọn bộ sách *Kho tàng ca dao người Việt* sẽ đem đến cho bạn đọc một công cụ giúp cho việc tìm hiểu, thưởng thức dân ca, ca dao ở nhiều góc độ, với nhiều yêu cầu khác nhau.

## A

1. Ai ăn cau cưới thì đèn a  
 Tuổi em còn bé chưa nên lấy chồng. b

HPV 164 NASL I 22b NGCK 118b

TCBD I 199 TNPĐ I 17

BK a - Ai ăn cau cưới thì *xin* ANPT 19a

- Ai ăn *trầu* cưới thì đèn NPNN 7b LHCD 41a

b - Tuổi *tôi* còn bé *chưa* nên lấy chồng NPGT 26b

- Tuổi *tôi* còn nhỏ *chưa* nên lấy chồng LHCD

- Tuổi *tôi* còn nhỏ, *chưa* nên lấy chồng NPNN

- Tuổi em còn nhỏ, *chưa* nên lấy chồng NPNN

2. Ai bì anh có tiền bồ  
 Anh đi anh lấy bảy cô một lần  
 Cô hai buôn tảo bán tần<sup>(1)</sup>  
 Cô ba đòi nợ chỗ gần chỗ xa  
 Cô tư dọn dẹp trong nhà  
 Cô năm sắc thuốc mẹ già dưỡng nuôi  
 Cô sáu trải chiếu, treo mùng  
 Một mình cô bảy nằm chung với chồng

CDTCM 197 – 198

(1) *Buôn tảo bán tần*: buôn bán tảo tần

3. (a) Ai bưng bầu rượu đến đó  
 Phải chịu khó bưng về

*Em đang ở hầu thầy mẹ cho trọn bề hiếu trung.*

HPV 164

(b) Ai bưng bầu rượu tới đó thì chịu khó bưng về

Kéo em đây đang còn theo chân thầy mẹ

cho trọn bề hiếu trung

CDTCM 15

(c) Ông mai ơi!

Ông xách bầu rượu tới đó

Ông hãy chịu khó ông xách trở về

Tôi còn ở nuôi phụ mẫu, cho trọn bề hiếu trung.

DCBTB II 15

(c) Ông mai ơi!

Ông xách bầu rượu tới đó

Ông hãy chịu khó ông xách trở về

Tôi còn ở nuôi phụ mẫu, cho trọn bề hiếu trung

DCNTP II 15

(d) Ai bưng trầu rượu tới đó

Chịu khó bưng về

Em đây thiệt vẫn không chê

Ở làm ri nuôi thầy với mẹ, cho trọn bề hiếu trung

DCBTT 187

4. Ai bưng trầu rượu tới đó

Chịu khó bưng về

Em thương anh lắm thiết trăm bề

Heo vay cau tạm áo mượn vông thuê

Thầy mẹ bên em nay nhún mai trề

Dạ không nở dạ, em không dám chê anh nghèo.

DCBTT 17

5. Ai có chồng nói chồng đừng sợ  
 Ai có vợ nói vợ đừng ghen  
 Tôi đây hò hát cho quen  
 Rạng ngày ai về nhà nấy, không há dễ  
 ngọn đèn hai tim.

HPV 63 HT 383 TCBD I 548 – 549

Sửa lại: *khá* dễ ngọn đèn... TCBD = *há* dễ ngọn đèn...

6. Ai cùng gặt lúa đỏ đuôi  
 Chàng về mà đập mà phơi kịp ngày  
 Ai về giã gạo ba chày  
 Giã đi cho trắng, gửi ngay cho chàng  
 Sẵn tiền mua bạc, mua vàng  
 Sẵn tiền sắm áo cho chàng trắng tinh  
 Sáng trời chàng mới tập binh  
 Em ngồi vò võ một mình em lo  
 Ruộng nương không ai cày cho  
 Trâu bò hèn mọn, em lo đường nào!  
 Ruộng người cày cấy lao xao  
 Ruộng em bỏ cỏ mọc cao ngoài đồng  
 Người ta có vợ có chồng  
 Ruộng cạn mạ úa trong lòng cũng vui  
 Nhà anh có một mình tôi  
 Ruộng cạn mạ úa, em ngồi em lo...

VNP1 II 51 – 52

BK a- Ai mà giã gạo ba chày VNP 7 351

b - Nhà *chàng* có một mình *em* VNP7

7. Ai chẳng ham sang trọng  
 Ai chẳng vọng sang giàu  
 Nhưng mà em xét lại câu:

*Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu<sup>1</sup>*

Vậy nên em bỏ thăm bỏ sầu

Đành cam chịu cực, hơn cơ cầu về sau.

8. Ai chèo ghe bí qua sông  
Đạo vợ nghĩa chồng nặng lắm anh ơi!  
TCBD II 325

9. Ai cho chín lạng không mừng  
Chỉ mừng một cổ chồi xuân non cành.  
CDTCM 15

10. Ai cho sen muống một bồn  
Ai từng chanh khế sánh cùng lựu lê  
TCBD I 495 TNPĐ I 17

11. Ai chồng ai vợ mặc ai  
Bao giờ ra bảng ra bài sẽ hay a  
Bao giờ tiền cưới trao tay  
Tiền treo rấp nước, mới hay vợ chồng b  
TCBD I 199 TNPĐ II 9 VNP1 I 106 VNP7 247

**BK** a- Bao giờ ra bảng ra bài hãy hay

DNQT LHCD 45a

b- Tiền treo lại mặt mới hay vợ chồng

DNQT LHCD

*Xem thêm B 484*

12. Ai đem con kéc<sup>2</sup> vô vườn  
Cho nên con kéc ăn buồng chuối tiêu  
HHDN 43 TCBD I 597  
BK a- Để cho con kéc ăn buồng chuối tiêu.  
VNP1 II 116 VNP7 522

<sup>1</sup> *Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu*: nghĩa đen là những vật cùng một thứ tiếng thì ứng với nhau, những vật cùng một khí loại thì tìm nhau.

<sup>2</sup> Kéc: loại chim vẹt lớn.

13. Ai đem con sáo sang sông  
 Để cho con sáo sổ lồng nó bay  
 TCBD I 316 TNPD I 17  
 BK a - Ai xui con sáo sang sông HGPT 21  
 - Ai đem con sáo qua sông  
 HHĐN 43 TCBD I 548 VNP1 II 116  
 - Ai đem con *khướu* sang sông NASL IV 54a  
 b - Cho nên con sáo sổ lồng bay xa  
 DCNTB I 113 TCBD I 548  
 - Nên chi con sáo sổ lồng bay xa CVPD9  
 - Để cho con sáo sổ lồng bay xa VNP1 II  
 - Để cho con sáo sổ lồng sáo bay HGVP 30 VNP7 522  
 - Nên chi con sáo sổ lồng sáo bay VNPS 87b  
 - Để cho con khướu sổ lồng khướu ra NASL IV  
 Sửa lại: VNP7 chấp thêm A12, Nbs đã tách ra.
14. Ai đem em đến chốn này  
 Thức khuya dậy sớm mắt cay như gừng.  
 HHĐN 123 TCBD II 210
15. Ai đem em tới giữa đồng  
 Chân bùn tay lấm mà lòng anh say  
 CDTH 88
16. Ai đem nhân ngãi xuống đồng  
 Chân bùn tay lấm cực lòng anh thay!  
 CDTH 88
17. Ai đem mình quạt tới đây  
 Cho nên quạt ồm quạt gầy, còn một nắm xương  
 Hai bên giấy phát tư lương  
 Tay cầm lấy quạt thì vương lấy sầu.  
 DCNTB I 264

18. Ai đem núi Nít<sup>1</sup> sang sông  
Giữa dòng nước chảy bên đông có chùa.  
CDTH 48
19. Ai đem tôi đến chốn này  
Bên kia thì núi bên này thì sông  
Ai đem tôi đến đồng không  
Để tôi vợ vẫn tôi mong tôi chờ  
PDCD 12  
*Xem thêm A 34*
20. Ai đi bờ đắp một mình a  
Phất phơ chéo áo giống hình phu quân. b  
CHG 14 HHĐN 211, 265  
BK a - Ai đi bờ *đổ* một mình DCNTB I 182  
- Ai đi bờ *đập* một mình TCBD I 121  
b- Phất phơ chéo áo giống hình *lang quân*.  
TCBD I
21. Ai đi bờ *đổ* một mình  
Cha chả là xinh!  
Bận áo màu *đinh*<sup>2</sup>  
Quần thao cánh kiến  
Tay đeo bông giếng  
Lại có xuyên vàng  
Bịt khăn màu *ngại*<sup>3</sup>  
Chân lại mang giày  
Anh tưởng là em thực nữ đồng trinh  
Hay đâu em *bậu*<sup>4</sup> lại goá chồng  
Trời xui đất khiến đem lòng anh thương.  
DCNTB II 39

---

<sup>1</sup> *Núi Nít*: ở tỉnh Thanh Hoá

<sup>2</sup> *Màu đinh*: màu đỏ bầm

<sup>3</sup> *Màu ngại*: màu xanh dương

<sup>4</sup> *Bậu*: em, cô em, bạn,... (đại từ ngôi thứ hai, thường chỉ nữ, thân mật)\*



22. Ai đi đâu đấy hỡi ai  
Hay là trúc đã nhớ mai đi tìm  
Tìm em như thể tìm chim  
Chim ăn bể bắc đi tìm bể đông  
Tìm bể đông thấy lông chim nhận  
Tìm bể cạn thấy đàn chim bay  
Hôm qua là chín, hôm nay là mười  
Tìm em đã vượt mồ hôi  
Lại dứt nút áo, lại rơi khăn đầu  
Tìm em chẳng thấy em đâu  
Lội sông thì ướt, quanh cầu thì xa.  
TCBD I 121
22. Ai đi đợi với tôi cùng  
Tôi còn dở mối tơ hồng chữa xe  
Có nghe nín lặng mà nghe  
Những lời anh nói như xe vào lòng.  
TCBD I 121 TNPD II 8
23. Ai đi đợi với tôi cùng  
Tôi còn dở mối tơ hồng chữa xe  
Có nghe nín lặng mà nghe  
Những lời anh nói như xe vào lòng.  
TCBD I 121 TNPD II 8
24. Ai đi đợi với tôi cùng  
Tôi còn sắp sửa cho chồng đi thi  
Chồng tôi quyết đỗ khoa này  
Chữ tốt như rắn, văn hay như rồng  
Bỏ khi xắn váy quai cồng  
Cơm niêu nước lọ nuôi chồng đi thi.  
HHĐN 79

25. Ai đi đường ấy hỏi ai a  
 Hay là trúc đã nhớ mai đi tìm  
 BK a - Ai đi *đâu đấy* hỏi ai? TNPD I 17
26. Ai đi đâu đấy hỏi ai a  
 Hay là trúc đã nhớ mai đi tìm  
 Tìm em như thể tìm chim  
 Chim ăn bể bắc, đi tìm bể đông. b  
 TNPD II 8  
 BK a- Ai đi *đăng* ấy hỏi ai PDCD 15  
 Ai về đường ấy hỏi ai PDCD 9  
 b- Chim ăn bể bắc, đi tìm bể *nam* PDC 9, 15  
*Xem thêm* H 231
27. Ai đi giống dạng anh đi  
 Giống chân anh bước, ruột em thì quặn đau.  
 DCNTB I 183
28. Ai đi ngoài ngõ ào ào  
 Hay là ông tượng đập rào ông vô.  
 DCNTB I 179
29. Ai đi qua đò Do<sup>1</sup> mới biết  
 Dòng nước trong, xanh biết là bao  
 Gái thời da đỏ hồng hào  
 Mắt đen lay láy người nào chẳng yêu.  
 CDTH 29  
 BK a – Dòng nước trong, xanh *biếc* là bao HT 141
30. Ai đi qua phố Khoa Trường<sup>2</sup>  
 Dừng chân ngắm cảnh núi rừng xanh xanh  
 Dòng sông uốn khúc chảy quanh

<sup>1</sup> Đò Do: thuộc xã Hoàng Phương, huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

<sup>2</sup> Phố Khoa Trường: ở xã Tùng Lâm, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá.

Trên đường cái lớn bộ hành ngược xuôi

CDTH 25

31. Ai đi trẩy hội chùa Hương  
 Làm ơn gặp khách thập phương hỏi giùm  
 Mớ rau sắng<sup>1</sup>, quả mơ non  
 Mơ chua, sắng ngọt, biết còn thương chăng?
32. Ai đi Uông Bí, Vàng Danh  
 Má hồng để lại má xanh mang về.  
 VNP7 363
33. (a) Ai đưa sông Trước thì đưa  
 Sông Sau mắc miếu thờ vua thì đừng  
 HHĐN 105  
 (b) Muốn đưa sông trước thì đưa  
 Sông sau mắc miếu, mắc chùa đừng đi  
 DCNTB I 202
34. Ai đưa em đến chốn này  
 Bên kia thì núi, bên này thì sông.  
 HHĐN 43 TCBD I 548 TCBD II 210  
 TNPD I 17 VNP1 I 78 VNP7 201  
*Xem thêm A 19*
35. Ai kêu ai hú bên sông  
 Tôi đang nấu nướng cho chồng tôi ăn.  
 HHĐN 211
36. Ai kêu, ai hú bên sông?  
 Tôi đang sắm sửa cho chồng xuống ghe  
 Chồng xuống ghe, quạt che tay ngoắt  
 Cát mái chèo ruột thắt từng cơn...  
 HT 197 VNP1 I 140 VNP7 286

---

<sup>1</sup> Rau sắng: một loại rau ngọt, còn được gọi là rau bông ngọt

37. Ai kêu léo nhéo bên sông a  
 Tôi đương vá áo cho chồng tôi đây. b  
 NASL II 15a NGCK 96a  
 BK a - Ai kêu veo véo bên sông TCBD II 418 TNPĐ I 16  
 - Ai kêu xeo xéo bên sông VNP1 I 440 VNP7 286  
 b - Tôi đương *sắm thuốc* cho chồng tôi đây bk NGCK  
 - Tôi đương *bắt ốc* cho chồng tôi đây bk NGCK  
 Tôi *đang* vá áo cho chồng tôi đây  
 TNPĐ I TCBD II  
 - Tôi còn vá áo cho chồng tôi đây VNP1 I VNP7
38. Ai kêu vòi vọi bên tai  
 Tôi đang bắt chấy cho người tình nhân.  
 TNPĐ I 17  
 BK a – *Ta* đang bắt chấy cho người tình nhân TCBD I 122
39. Ai khôn bằng Tiết Đình Sang<sup>1</sup>  
 Cũng còn mắc kế nàng Phàn Lê Huê.  
 CHG 16
40. Ai kia một mạn thuyền bông  
 Kẻ loan người phượng, mặc lòng ngược xuôi.  
 DCTH 121
41. Ai làm bát bể cơm rơi  
 Đĩa nghiêng cá đổ, rã rời đôi ta.  
 DCNTB II 23
42. Ai làm bầu bí đứt dây  
 Chàng nam thiệp bắc, gió tây lạnh lùng.  
 TCBD II 266

---

<sup>1</sup> *Tiết Đình Sang*: tức Tiết Đình Sơn, danh tướng đời Đường (Trung Quốc), con trai Tiết Nhân Quý. Tiết Đình Sơn mang quân đánh nước Hồ để cứu cha đang bị vây hãm, Sơn bị Phàn Lê Huê (tức Phàn Lê Hoa) nữ tướng của đối phương bắt sống. Để cứu cha, Tiết Đình Sơn đã phải cầu hôn Phàn Lê Hoa. (*Thuyết Đường*).

43. Ai làm cá bóng đi tu  
Cá thu nó khóc, cá lóc nó rầu  
Luy rơi hột hột, cơ cầu lằm bớ em!  
DCNTB II 83 HT 447  
*Xem thêm A 63*
44. Ai làm cái nón quai thao  
Để cho anh thấy cô nào cũng xinh  
HHĐN 149
45. Ai làm cách trở sâm thương<sup>1</sup>  
Ai làm rời rã oan ương đường này.  
CHG 32
46. Ai làm cho bể kia đầy  
Cho ao kia cạn cho gầy cò con.  
TCDG 64
47. Ai làm cho bến xa thuyền  
Cho Trăng xa Cuội<sup>2</sup>, cho bạn hiền xa ta.  
HT 184
48. Ai làm cho bến xa thuyền  
Cho Trăng xa Cuội, bạn hiền xa nhau  
Cha mẹ sao nghĩ chẳng sâu  
Để thương để nhớ để sầu cho cả hai ta.  
DCNTB I 266
49. Ai làm cho biển cạn khô  
Tàu sang không được Hán Hồ<sup>3</sup> xa nhau,  
HPV 154

<sup>1</sup> *Sâm thương*: sao Hôm và sao Mai, không bao giờ cùng xuất hiện, chỉ sự xa cách.\*

<sup>2</sup> *Trăng, Cuội*: những đêm trăng tròn và trời quang người ta thấy một hình mờ giống như cây đa và hình người ngồi dưới gốc ấy. Tương truyền rằng đó là chú Cuội. Cuội là một chàng trai nghèo, giàu lòng thương người, được một cây đa thần, lá dùng làm thuốc cứu người. Do phạm điều kiêng kị, cây đa phải bay lên mặt trăng kéo luôn cả chú Cuội, mãi mãi Cuội và đa phải ở cung trăng.

<sup>3</sup> *Hán Hồ*: Hán: tộc người Hán; Hồ: một tộc ít người ở Trung Quốc. Ở đây chỉ sự xa cách.\*

50. Ai làm cho bướm lìa hoa  
 Cho chim xanh nở bay qua vườn hồng  
 Ai đi muôn dặm non sông  
 Để ai chứa chất sầu đong vơi đầy.  
 HT 175 TCBD I 248, 495 TNPĐ II 8 VNP1 66 VNP7 190
51. Ai làm cho cải tôi vòng a  
 Cho dưa tôi khú cho chồng tôi chê. b  
 NPGT 16a  
 BK a - Vì ai cho cải tôi *ngồng* NASL IV 28a  
 - Ai làm cho cải lên *ngồng* HHĐN 123  
 - Ai làm cho cải tôi *ngồng* PTK 19a  
 - Ai làm cho cải em *ngồng* NPNN 1b  
 b - Cho dưa *hôi* khú cho chồng *em* chê HHĐN  
 - Cho dưa em *thối* cho chồng *em* chê NPNN
52. Ai làm cho cải tôi *ngồng* a  
 Cho dưa tôi khú, cho chồng tôi chê  
 Chồng chê thì mặc chồng chê  
 Dưa khú nấu với cá trê ngọt lừ. b  
 HT 198 TCBD I 495 TNPĐ II 8 VNP1 I 142 VNP7 288  
 BK a - Ai làm cho cải tôi *vòng*  
 ANPT 18b ĐNQT 113b LHCD-48b NGCK 101a  
 - Vì ai cho cải tôi *vòng* NASL II 2b  
 b - Cái dưa khú nấu cá trê *càng mềm* NASL II  
 - Dưa khú nấu cá trê *càng bùi* ANPT NGCK bk TNPĐ II
53. Ai làm cho cực tấm lòng  
 Càng nhắc càng nhớ, càng trông càng sầu  
 Hễ về nhớ đến lời nhau  
 Bắc cầu mà chả được cầu ái ân  
 Dầu xa nhích lại cho gần

Làm thân con nhện mấy lần vương tơ  
 Tầm ươm tơ, nhện cũng giăng tơ  
 Gan vàng sao khéo thờ ơ dạ vàng  
 CDTCM 126

54. Ai làm cho chỉ lia kim  
 Cho bèo giạt sóng cho em phong trần.  
 HPV 154

55. Ai làm cho dạ em buồn  
 Cho con bướm luy, chuồn chuồn luy theo.  
 HHĐN 211

56. Ai làm cho đó bỏ đấng  
 Cho con áo trắng bỏ thằng áo đen.  
 CHG 20

57. Ai làm cho đó xa đây  
 Cho chim chèo bẻo xa cây măng vôi  
 BKa – Cho chim *minh liễu* xa cây ngô đồng TCBD I 445

58. Ai làm cho đó xa đây  
 Cho trăng xa Cuội<sup>1</sup>, cho mây xa trời  
 Ai làm cho bến xa thuyền  
 Cho Trăng xa Cuội, cho bạn hiền xa ta.  
 HPV 154

59. Ai làm cho mắt em bông  
 Cho dưa em khú cho chồng em chê.  
 KSK 4b

60. Ai làm cho nước chảy xuôi  
 Cho thuyền xuôi ngược cho người nhớ nhau<sup>2</sup>  
 Chàng đi để thiếp sao đành

<sup>1</sup> *Trăng, Cuội*: xem chú thích ở A 47.

<sup>2</sup> “Cho thuyền lên ngược cho người nhớ nhau” thì đúng hơn.

Thiếp xin khoá cửa, buông màn thiếp theo.

CDTCM 187

61. Ai làm cho ngược lái chiếc thuyền tình  
 Sao em chẳng biết giữ gìn tiết trinh  
 - Thôi anh đừng có đem dạ đổi đời  
 Anh nghe chi thế sự, rã rời gia cang<sup>1</sup>  
 - Chẳng phải anh kiếm điều đặn dứt nghĩa là tình  
 Bởi anh thấy em lắm sự bất bình nên phải xa.

DCNTB I 137

62. Ai làm chùa ngã xuống sông  
 Phật trôi lổm ngổm, chuông đồng chìm theo.

DCNTB I 137

63. Ai làm con cá bống đi tu  
 Con cá thu nó khóc  
 Con cá lóc nó rầu  
 Phải chi ngoài biển có cầu  
 Em ra em vớt cái đũa sâu cho anh.

CHG 29

*Xem thêm A 4a*

64. Ai làm miếu nọ xa đình  
 Hạc xa hương án, đôi đưa mình đừng xa  
 Lìa cây, lìa cội, ai nữ lìa hoa  
 Lìa người bội bạc, chớ đôi đưa ta đừng lìa.

CDTCM 60

65. Ai làm nên nổi nước này  
 Vợ ở đàng này chồng lại đàng kia.

CHG 10

66. Ai làm nông nổi nước này

---

<sup>1</sup> *Gia cang*: tức gia cương; nề nếp gia đình.



Chùa Tiên vắng vẻ, tứ thầy xa nhau.

DCNTB II 158

67. Ai làm Ngư Chức<sup>1</sup> đôi đàng  
 Để cho quân tử đa mang nặng tình  
 Thuyền quyền lấp ló dạng hình  
 Em đành chẳng chịu gởi mình cho anh  
 Trách ai nữ phụ lòng thành  
 Đêm nằm thổn thức tam canh ưu sầu  
 Ai làm ra cuộc biển dâu<sup>2</sup>  
 Gối luông chẳng đặng giao đầu từ đây.

TCBD IV 37

68. Ai lên Biện Thượng, Lam Sơn<sup>3</sup>  
 Nhớ Lê Thái Tổ chặn đường quân Minh.

CDTH 43 DCTH 51 HT 121 VNP7 119

69. Ai lên cho tới cung trăng  
 Nhấn con vịt nước đừng ăn cá trời  
 Hỡi con vịt nước kia ơi  
 Sao mày vùng vẫy ở nơi sông Hà<sup>4</sup>

PDCD 10

70. Ai lên điệu dạn quai dài  
 Cái xe bít bạc

<sup>1</sup> *Ngư Chức*: Chức nữ là tên một ngôi sao ở phía Bắc sông Ngân hà đối diện với sao Khiên Ngưu. Theo *Kinh sử tuệ thời kí*, Chức Nữ (A Chức) là cháu Trời, làm nghề dệt vải rất siêng năng. Trời đem gả cho Khiên Ngưu (chàng ngư) làm nghề chài trâu. Hai vợ chồng quá âu yếm nhau không giữ đúng phép trời. Trời phạt đem đày mỗi người ở một bên sông Ngân Hà. Mỗi năm, Trời chỉ cho phép hai vợ chồng qua sông gặp nhau một lần vào đêm mồng bảy tháng bảy âm lịch (thất tịch), đi qua cái cầu của chim Ô Thước (chim quạ và chim khách) bắc (cầu Ô). Vợ chồng gặp nhau than khóc về cảnh li biệt, nước mắt chan chứa, rơi xuống trần gian thành mưa dầm tằm tã, tục gọi là "mưa Ngâu tháng Bảy". Điển tích này còn được dùng là: Ngư Lang, Chức Nữ, Cầu ô.

<sup>2</sup> *Biển dâu*: từ câu chữ Hán thương Hải biến vi tang điền" nghĩa là biển xanh biến thành ruộng dâu, chỉ sự đổi thay lớn trong thiên nhiên và xã hội.

<sup>3</sup> *Biện Thượng, Lam Sơn*: các địa điểm ở miền tây Thanh Hóa.

<sup>4</sup> *Sông Hà*: còn gọi là Ngân Hà, sông Ngân, được lấy từ tích Ngư Lang, Chức Nữ (xem chú thích ở A 67).

Cái bát gỗ trắng  
 Nó kêu canh cách  
 Cái điều bít vàng  
 Ngon thật là ngon.

QHBN 313

71. Ai lên Đồng Tỉnh, Huê Cầu<sup>1</sup>  
 Đồng Tỉnh bán thuốc, Huê Cầu nhuộm thâm. a  
 ĐNQT 9 1b LHCD 9b  
 BK a - Đồng Tỉnh bán thuốc, Huê Cầu nhuộm *răng*  
 NGCK 169b
72. Ai lên Đồng Tỉnh, Huê Cầu  
 Đồng Tỉnh bán thuốc, Huê Cầu nhuộm thâm  
 Nào ai đi chợ Thanh Lâm<sup>2</sup>  
 Mua anh một áo vải thâm hạt giền.  
 HT 134 TCBD II 515 VNPL II 162 VNP7 126  
 Sửa lại: Đồng Tỉnh TCBD = Đồng Tỉnh
73. Ai lên Hương Tích<sup>3</sup> chùa Tiên  
 Gặp cô sư bác, anh khuyên đôi lời  
 Đem thân làm cái kiếp người  
 Tu sao cho trọn nước đời mà tu?  
 TNPD II 7 VNP 1 II 44 VNP7 110
74. Ai lên nhấn chị hàng cau a  
 Chiếu buồm dập nước, giữ màu cho tươi. b  
 ĐNQT 91a LHCD 9b TCBD I 597 TNPDI I?  
 BK a - Ai về nhấn *nhủ* cô hàng cau KSK 6b  
 - Ai về nhấn *nhủ* hàng cau NGOK 101b

<sup>1</sup> Đồng Tỉnh, Huê Cầu: cả hai nơi này trước thuộc tỉnh Bắc Ninh sau thuộc tỉnh Hưng Yên.

<sup>2</sup> Chợ Thanh Lâm: một địa điểm thuộc tỉnh Hải Dương.

<sup>3</sup> Hương Tích: nằm trong khu vực thắng cảnh Hương Sơn, thuộc xã Hương Sơn, huyện Mĩ Đức, tỉnh Hà Tây.

- Ai về nhấn chị hàng cau VNP7 183
- b - Chiều buồm dập nước, giữ màu cho *anh* KSK
- Chiều buồm *sấp* nước, giữ màu cho *anh* NGCK
- *Giật* buồm dập nước, giữ màu cho tươi VNP7

Chiều buồm *thấm* nước, *mượn* màu cho tươi THQP 5b

75. Ai lên nhấn gửi lời lên  
Lời chung thăm thầy mẹ lời riêng thăm chàng.

CDTCM 15

76. Ai lên nhấn nủ hàng bông a  
Có muốn lấy chồng thì xuống Nguyệt Viên<sup>1</sup>  
Nguyệt Viên lắm lúa nhiều tiền b  
Lại có sông liền tắm mát nghỉ ngơi c  
Chiều chiều ba dây cá tươi  
Chẳng ăn thời thiệt, chẳng chơi thời hèn d

THQP 6a

BK a - Ai lên nhấn *chị* hàng bông

HT 139 TCBD II 478 TNPĐ II 9 VNPL II 162 VNP7 126

- b - Nguyệt Viên lắm *thóc* nhiều tiền ĐNQT 107b

HT TBCD II TNPĐ II VNPL II VNP7

Nguyệt Viên *nhiều thóc lắm tiền* L'HCD 44b

c Có sông *tắm mát* có *miền* nghỉ ngơi VNPL II VNP7

d - Chẳng ăn *cũng* thiệt, chẳng chơi *cũng* hèn ĐNQT

HT TCBD II TNPĐ II VNPL II VNP?

Chẳng ăn *cũng* thiệt, chẳng chơi *cũng* hèn ĐNQT

77. Ai lên nhấn với trăng già  
Nủ trắng khoan lặn, nủ gà khoan kêu.

HPV 169

78. Ai lên Phú Thọ thì lên

<sup>1</sup> Nguyệt Viên: thuộc xã Hoàng Quang, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Lên non Cổ Tích, lên đền Hùng Vương  
 Đền này thờ tổ Nam Phương  
 Quy mô trước đã sửa sang rõ ràng  
 Ai ơi nhận lại cho tường  
 Lối lên đền Thượng sẵn đường xi măng  
 Lên cao chẳng khác đất bằng  
 Đua nhau lũ lượt lên lăng vua Hùng

CDTCM 280

79. Ai lên ta gửi lời lên  
 Lời chung kính mẹ, lời riêng thăm thầy  
 Còn lời ta gửi cô bay  
 Sông sâu chớ lội đò đầy chớ đi  
 Phòng xa sẩy bước nhớ khi  
 Cha sầu mẹ tủi, khách nam nhi cũng buồn

DCTH 114

80. Ai mà đánh trống phụ kèn  
 Đặng chuông phụ mõ, đặng đèn phụ trắng

CVPD 19

81. Ai mà đi đánh trả Trời?  
 Ai mà giết giặc lên ngôi trị vì  
 Ai mà một chân biết đi?  
 Ai mà hóa phép giặc thì sợ kinh  
 Ai mà quyết chí tung hoành  
 Ai mà bán mình chuộc tội cho cha  
 Ai mà bán nguyệt buôn hoa  
 Buôn đi bán lại đà ba bốn lần  
 Đại Thánh<sup>1</sup> đi đánh trả Trời

---

<sup>1</sup> Đại Thánh (tức Tôn Ngộ Không): nhân vật trong tác phẩm *Tây du kí* của Ngô Thừa Ân (1500 - 1581) (Trung Quốc).

Vua Lê giết giặc lên ngôi trị vì  
 Đức thánh Độc<sup>1</sup> một chân biết đi  
 Phù Đổng<sup>2</sup> hóa phép giặc thì sợ kinh  
 Từ Hải<sup>3</sup> quyết chí tung hoành  
 Thúy Kiều<sup>3</sup> bán mình chuộc tội cho cha  
 Tú Bà<sup>4</sup> buôn nguyệt bán hoa  
 Buôn đi bán lại đã ba bốn lần

DCTH 169 – 170

82. Ai mà đội đá vá trời  
 Mười ba mẫu ruộng tiếng cười đến nay?  
 - Bà Nữ Oa<sup>4</sup> đội đá vá trời  
 Mười ba mẫu ruộng tiếng cười đến nay

HPV 90

83. Ai mà nói dối cùng ai  
 Thì Trời giáng hạ cây khoai giữa đồng. a

TCBD I 549 TNPD I 17

BK a Thì Trời *giáng hạ* cây khoai giữa đồng NGCK 98b

84. Ai mà nói dối với ai  
 Thì Trời giáng hạ cây khoai giữa đồng

<sup>1</sup> Thánh Độc: tức thần Độc Cước ở Sầm Sơn (Thanh Hóa) có đền thờ thần này (gọi là đền Độc Cước).\*

<sup>2</sup> Phù Đổng: tức Thánh Dóng, một nhân vật trong thần thoại và truyền thuyết Việt Nam.\*

<sup>3</sup> Từ Hải, Thúy Kiều, Tú Bà: các nhân vật trong Truyện Kiều của Nguyễn Du. *Tóm tắt truyện*: Gia đình Vương ông có hai cô con gái là Thúy Kiều, Thúy Vân và một con trai là Vương Quan. Thúy Kiều rất xinh đẹp và tài hoa. Nàng yêu một văn nhân là Kim Trọng. Cuộc tình duyên đang nồng thắm thì Kim Trọng phải về Liêu Dương hộ tang chú. Giữa lúc đó, gia đình Vương ông gặp tai biến, Thúy Kiều phải bán mình chuộc cha và em. Được Thúc Sinh chuộc về làm vợ lẽ, nàng lại bị vợ cả là Hoạn Thw hành hạ. Trốn khỏi nhà họ Hoạn đến tu ở chùa của Giác Duyên thì lại rơi vào cạm bẫy Bạc Hà, Bạc Hạnh. Được người anh hùng Từ Hải cứu khỏi lầu xanh, đền ơn báo oán, Kiều lại mắc lừa Hồ Tôn Hiến để Từ Hải bị hại. Cùng đường nàng phải nhảy xuống sông Tiền Đường tự vẫn. Nhờ Giác Duyên cứu, Kiều được đoàn tụ với gia đình và chàng Kim.\*

<sup>4</sup> Nữ Oa: Nhân vật thần thoại cổ, nữ giới, có công tạo dựng nên đất, trời, vũ trụ. Cũng như các nhân vật cùng loại, bà có một thân thể khổng lồ, có tám vóc vũ trụ. Nữ Oa thường đi với một nhân vật khổng lồ thuộc nam giới là Tứ Tượng.

- Ai mà nói dối với chồng  
Thì Trời giáng họa cây hồng bờ ao.  
VNP7 100
85. Ai mà nói dối cùng chồng  
Thời Trời giáng hạ cây hồng bờ ao.  
TCBD I 548 TNPĐ I 17
86. Ai mà ở lỗi lời nguyên a  
Xuống ghe ghe úp, xuống thuyền thuyền trôi.  
DCNTB II 22  
BK a - Ai mà sai *hẹn* lỗi lời nguyên bk DCNTB II
87. Ai mà phụ nghĩa quên công  
Thì đeo trăm cánh hoa hồng nhung thơm.  
NGCK 98b TCBD I 45(J TNPĐ I 17
88. Ai mua con quạ bán cho a  
Đen lông đen cánh, bộ giò cũng đen.  
DCNTB I 113 HRĐN 43, 105 TCBD I 316  
TCBD II 490 TCBD III 222 TNPĐ I 17  
BK a - Đen lông đen *lá* bộ giò cũng đen VNPS 48a CVPĐ 20
89. Ai nói với anh, em lại chưa chồng  
Anh đà chỉ sá băng đồng tới đây  
DCBTT 125
90. Ai nữ lông nào vác sào thọc cá  
Ai nữ lòng nào lấy ná bắn chim  
Xứng đôi mà chẳng xứng duyên  
Gái trau phận gái, trai phiên phận trai.  
DCNTB II 127
91. Ai ngờ bạc lại sắp ba  
Để cho quan tướng dở ra về trần.  
NASL III 38b

92. Ai ngờ mật sứa gan hùm  
 Rấp toan gà luộc rượu tắm thỏa lòng  
 Khác nào như nhện đánh vòng  
 Ếch kia trong giếng còn trông kẻ dò  
 Đói thì đầu gối biết bò  
 No cơm ấm cật còn lo lắng gì.  
 TCBD I 597
93. Ai nhất thì tôi thứ nhì a  
 Ai mà hơn nữa tôi thì thứ ba.  
 TCBD I 316 TCBD II 490 TNBD I 17  
 BK a -Ai nhất thì tôi *chịu* nhì NGCK 148b
94. Ai ơi! Ăn bát cơm rau  
 Còn hơn chồn khác mâm thau chậu đồng.  
 CDTH 70
95. Ai ơi ? Bụng bát cơm đầy  
 Đẻo thơm một hột, đắng cay muôn phần.  
 TCBD II 453 TNPD I 16  
*Xem thêm L 53*  
 Sửa lại: .... đắng cay *một* phần TCBD = ... đắng cay *muôn* phần
96. Ai ơi có biết cho không  
 Chăn loan còn đợi, gối huê phong còn chờ.  
 HPV 108
97. Ai ơi có câu thơ rằng:  
 "Gửi thư rồi lại phong thư  
 "Lá thăm cành xanh  
 "Lênh đênh nổi giữa dòng nước chảy  
 "Nhác trông lên bức gấm đề thư  
 "Sao thầy mẹ người chả thương kẻ đào tơ liễu yếu  
 "Sao thầy mẹ người chả khéo liệu khéo lo

"Để cho ngựa Hồ chim Việt<sup>1</sup>  
 "Chim Việt đủ đôi  
 "Chim Việt đôi nơi  
 "Gần chả nên gần  
 "Xa chả nên xa  
 "Nhớ khách trăng già  
 "Dan díu chi mãi  
 "Biết bao giờ cho nên danh phận".

QHBN 265

98. Ai ơi cứ ở cho lành  
 Tu nhơn tích đức để dành về sau.

HKĐN 75 1

99. Ai ơi chớ lấy học trò  
 Dài lưng tốn vải ăn no lại nằm  
 Mùa đông trời rét căm căm.  
 Đi cấy được ba mươi sáu đồng kềm về,  
 nó lại nằm nó ăn.

TCBD III 142 TNPD II 9

Xem thêm T 546, 547

100. Ai ơi? Chớ lấy học trò  
 Dài lưng tốn vải ăn no lại nằm  
 Ngày thời cấp sách đi rong  
 Tối về lại giữ đèn chong một mình.

TCBD I 199 VNPL I 110 VNP? 254

Xem thêm T 546, 547

101. Ai ơi Chớ phụ Cồn Hàu<sup>2</sup>

<sup>1</sup> *Ngựa Hồ, chim Việt* : Từ câu chữ Hán “Việt điều sào Nam chi, Hồ mã tê Bắc phong” nghĩa là con chim Việt (quê phương Nam) làm tổ ở cành cây phía Nam, con ngựa Hồ (quê phương Bắc) hí mỗi khi gió Bắc thổi.

<sup>2</sup> *Cồn Hàu*: ở làng Vân La, Lệ Ninh (nay thuộc Đông Hới) tỉnh Quảng Bình.



- Làm cho hai huyện cả giàu cả sang.  
DCBTT 291.
102. Ai ơi chớ phụ đèn chai  
Thấp trong Càn Chánh<sup>1</sup> rặng ngoài Ngọ Môn<sup>2</sup>.  
DCBTT 219
103. Ai ơi! Chớ vội cười nhau  
Cây nào là chẳng có sâu chạp cành.  
HT 266 TCBD I 597 TNPĐ I 16  
*Xem thêm B 270, C 1991*
104. Ai ơi! chớ vội cười nhau  
Ngẫm mình cho tỏ, trước sau sẽ cười. a  
NASL II 42b  
BK a - *Ngẫm mình cho tỏ, trước sau hãy cười*  
TCBD I 597 TNPĐ I 16  
- *Ngẫm mình cho kĩ, trước sau hãy cười* TNPĐ I HT 226  
- *Ngẫm mình cho tỏ, trước sau hãy cười*  
VNPL II 84 VNP7 86  
- *Ngẫm mình cho trót, buổi sau ai cười* LHCD 27a  
- *Ngẫm mình cho trợn, mai sau ai cười* ĐNQT 100a  
- *Ngẫm mình cho tỏ, trước sau sẽ cười* KHĐN 259  
*Xem thêm B 270, C 1991*
105. Ai ơi! Chớ vội khoe mình  
Giang hồ lắm kẻ tài tình hơn ta.  
TCTH 105  
*Xem thêm C 1042*
106. Ai ơi? Chớ lấy kéo chày  
Xem hoa bốn mắt, đi giày ba chân

<sup>1</sup> *Càn Chánh*: điện Càn Chánh là một trong những nơi làm việc của vua thuộc nội thành Huế.

<sup>2</sup> *Ngọ Môn*: cửa chính của thành Huế, dưới mở 5 cửa, trên có lầu ngũ phượng.

- TCBD I 487 TNPĐ I 16  
BK a Xem hoa bốn *mặt* đi giấy ba chân LHCD 37a
107. Ai ơi chơi lấy kéo già  
Măng mọc có lúa đôi ta có thì. a  
ANPT 18b ĐNQT 104b LHCD 37a NGCK 100b  
NPGT 16a NPNN 1b  
BK a - Măng mọc *quá* lúa đôi ta có thì PTK 19a
108. Ai ơi chơi lấy kéo già  
Măng mọc có lúa người ta có thì  
Chơi xuân kéo hết xuân đi  
Cái già sòng sọc nó thì theo sau.  
THĐQ 1 TNPĐ II 7
109. Ai ơi! đã quyết thì hành a  
Đã đan thì lện<sup>1</sup> tròn vành mới thôi.  
HT 222 TCBD II 467 TNPĐ I 15 VNPL II 95 VNP7 97  
BK a - Đôi ta đã quyết thì hành HPV 122
110. Ai ơi! đã quyết thì hành a  
Đã dẫn thì vác cả cành lẫn cây.  
HT 222 TNPĐ I 15 VNPL II 95 VNP7 9?  
BK a - *Lòng ta* đã quyết thì hành TCBD II 469 TNPĐ I 179  
- Đã quyết thì hành ĐNQT 96a LHCD 55a
111. Ai ơi đợi mấy tôi cùng a  
Tôi còn đốt mã cho chồng tôi đây  
Chồng tôi mới được ba ngày  
Ai ơi có đợi tôi rày hay không.  
PDCD 12  
BK a - Ai ơi đợi *với tôi* cùng CDTCM 267  
*Xem thêm A 449*

---

<sup>1</sup> *Lện*: một thao tác trong công việc đan các đồ dùng như rổ rá, thừng...

112. Ai ơi đợi mấy tôi cùng  
 Tôi còn gỡ mối tơ hồng<sup>1</sup> chưa xong  
 Tơ hồng hồ gỡ đã xong  
 Ai đem cái bối bông buộc vào.

PDCD 12

*Xem thêm C 177*

113. Ai ơi đợi với tôi cùng  
 Tôi còn dỡ mối tơ hồng<sup>2</sup> chưa xe  
 KSK 10b  
 BK a- Tôi còn gỡ mối tơ hồng chưa ra  
 TCBD II 268  
 NGCK 122a :

*Anh* ơi đợi với tôi cùng

Tôi còn gỡ mối tơ hồng chưa xong.

*Xem thêm C 177*

114. Ai ơi đừng lấy làm lo  
 Bóng son rồi cũng soi cho gương mờ. a  
 ĐNQT 79a LHCD 4a TCBD I 597 TNPD I 16  
 BK a - Bóng son *thì* cũng soi cho gương mờ ANPT 14a

115. Ai ơi! đừng lấy làm lo  
 Dương xuân rồi cũng soi cho âm hàn.

---

<sup>1</sup> *Tơ hồng, ông Tơ, Nguyệt lão*: theo Tục u quái lục, Vi Cố, người đời Đường, nhân qua chơi Tống Thành, gặp một ông già ngồi dưới bóng trăng đang kiểm sổ sách (Nguyệt Lão) trong túi có một cuộn dây đỏ. Vi Cố hỏi chuyện ông già cho biết: "Cuốn sách là sổ hôn nhân và cuộn dây đỏ dùng để buộc nam nữ lại với nhau. Dầu cho hai bên có thù hận với nhau hoặc dù ở cách xa nhau, đã lấy dây đỏ buộc đôi nam nữ lại thì tất sẽ thành vợ chồng. Do điển này mà những từ Xích thằng, Tơ hồng, chỉ hồng, chỉ thắm v.v... đều chỉ tình vợ chồng, và Nguyệt lão, Trăng Già, ông Tơ... đều chỉ người làm mai mối trong việc hôn nhân.

TCBD I 597 TNPĐ I 16

*Xem thêm* M 143

116. Ai ơi đừng phụ bát đàn  
Nâng niu bát sứ bể tan có ngày. a

HPV 154

BK a - Nâng niu bát sứ vỡ tan có ngày TCBD II 232

117. Ai ơi! đừng vội chớ lo  
Khăng khăng giữ lấy trượng phu cho bền  
Ai ơi! giữ lấy đạo hiền  
Trồng cây lấy đức, xây nền lấy nhân.

CDTH 70

118. Ai ơi đứng lại mà coi  
Kìa ông quản tượng cưỡi voi đánh công.

NASL IV 44b

119. Ai ơi đứng lại mà trông  
Kìa núi Thành Lọng, kìa sông Tam Cờ.<sup>1</sup>

TCDG 48

120. Ai ơi đứng lại mà trông  
Kìa vạc nấu đỏ, kìa sông đái bìa  
Kìa giếng Yên Thái<sup>2</sup> như kia  
Giếng sâu chín trượng nước thì trong xanh  
Đầu chợ Bưởi có điểm cầm canh  
Người đi kẻ lại như tranh họa đồ  
Cổng chợ có miếu thờ vua  
Đường cái chính xứ lên chùa Thiên Niên<sup>3</sup>  
Chùa Thiên Niên có cây vọng cách

<sup>1</sup> Thành Lọng, sông Tam Cờ (Tam Kỳ): ở tỉnh Lạng Sơn.

<sup>2</sup> Yên Thái: thuộc vùng Bưởi, quận Ba Đình, Hà Nội. Yên Thái có giếng xưa kia nổi tiếng là giếng nước trong, ở đầu làng.

<sup>3</sup> Chùa Thiên Niên: ngôi chùa nổi tiếng ở về phía tây Hồ Tây, chợ Bưởi đi lên.

Chùa Bà Sách<sup>1</sup> có cây đa lông  
 Cổng làng Đông<sup>2</sup> có cây khế ngọt  
 Con gái Kẻ Cót<sup>3</sup> thì đi buôn xê  
 Con trai làng Nghè<sup>4</sup> dệt cửi kéo hoa  
 An Phú<sup>5</sup> nấu kẹo mạch nha  
 Làng Vòng<sup>6</sup> làm cốm để mà tiến vua  
 Họ Lại<sup>7</sup> làm giấy sắc vua  
 Làng Láng<sup>8</sup> mở hội kéo cờ hùng ghê.

CDHN 102, 103

121. Ai ơi, được ngọc đừng cười  
 Ta đây mất ngọc rụng rời chân tay.

CNTCM 253

122. Ai ơi gương bể khó hàn  
 Chỉ đứt khó nối người ngoan khó tìm.

HPV 108

123. Ai ơi, giữ chí cho bền a  
 Dù ai xoay hướng đổi nền mặc ai. b

<sup>1</sup> *Chùa Bà Sách*: cũng gọi là chùa Tây Sách, một ngôi chùa nổi tiếng ở về phía Hồ Tây, chợ Bưởi đi lên.

<sup>2</sup> *Làng Đông*: tức Đông Xã, xưa kia là một trong ba thôn của xã Yên Thái nay thuộc quận Ba Đình, Hà Nội.

<sup>3</sup> *Kẻ Cót*: tên nôm Làng Hạ. Yên Quyết, làng này có nhiều người đi buôn, xưa thường đi buôn "xê" tức là những mảnh dầu mặt của tấm vỏ dó (tức là loại nguyên liệu thứ phẩm) để bán cho làng Giấy tức làng An Hòa để làm loại giấy xấu gọi là giấy "xê" kém hơn giấy moi. Có người cho rằng Kẻ Cót là tên chung cho cả Thượng Yên Quyết (có tên chính là làng Cót) và Hạ Yên Quyết (tên cũ của làng An Hòa tức làng Giấy) và "Kẻ Cót đi buôn xê" trong câu này ý bao gồm cả làng Cót và làng Giấy không phân biệt.

<sup>4</sup> *Làng Nghè* tức là làng Trung Nha, xã Nghĩa Đô, huyện Từ Liêm, Hà Nội cổ nghề dệt linh và nghề làm giấy.

<sup>5</sup> *An Phú*: tên một làng xưa nay thuộc xã Nghĩa Đô, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

<sup>6</sup> *Làng Vòng*: đây là làng Dịch Vọng Hậu, huyện Từ Liêm chuyên nghề làm cốm nổi tiếng gọi là cốm Vòng. Đúng ra tên Vòng chỉ toàn tổng Dịch Vọng tức là tổng Vòng xưa kia.

<sup>7</sup> *Họ Lại*: một họ ở làng Trung Nha, xã Nghĩa Đô, xã chuyên làm giấy lệnh cho triều đình phong kiến viết sắc chỉ.

<sup>8</sup> *Làng Láng*: Tên nôm làng Yên Lãng thuộc huyện Từ Liêm, Hà Nội. Làng Láng thờ Từ Đạo Hạnh vào những năm mở hội làng có rước thần và diễn lại tích Đạo Hạnh đánh nhau với sư Đại Điền, khi đám rước đi qua nơi thờ sư Đại Điền ở Dịch Vọng thì kéo cờ và đốt ống lệnh.

DCBTT 294 HT 220 TNPD I 15 VNPL II 94 VNP7 96

BK a - *Khuyên ai giữ ehí cho bền CVPD 9*

b - *Dầu ai đổi hướng xoay nền mặc ai CVPD*

- *Mặc ai xoay hướng đổi nền mặc ai TCBD IV 17*

*Xem thêm R 71*

124. *Ai ơi không nghĩ thân sau* a  
*Đất luôn còn lở hướng cầu bắc ngang.* b

DCBTT 238

BK a - *Ai ơi không nghĩ trước sau HT 22 1*

b - *Đất liền còn lở hướng cầu bắc ngang HT CVPD 5*

125. *Ai ơi không nhớ khi nghèo*  
*Buồm bê lái gãy ai chèo anh qua.*

126. *Ai ơi mỏng chín tháng tư*  
*Không đi hội Dóng cũng hư mất đời.*

CDHN 134

*xem thêm H 256*

127. *Ai ơi nghĩ lại cho mình*  
*Giang sơn nghìn dặm công trình biết bao?*

HPV 154

128. *Ai ơi! Nhớ lấy lời này:*  
*Tầm nuôi ba lúa, ruộng cày ba năm*  
*Nhờ trời hòa cốc phong đăng*  
*Cấy lúa lúa tốt, nuôi tầm tầm tươi*  
*Được thua dù có tại trời*  
*Chớ thấy sóng cả mà rời tay cò.*

HT 112

129. *Ai ơi, phải nghĩ trước sau*  
*Đừng tham lắm của nhà giàu làm chi*  
*Làm thì xem chẳng ra gì*

Làm tất làm tả nói thì điếc tai  
Đi ngủ thời hết canh hai  
Thức khuya dậy sớm mình ai dãi dầu  
Sớm ngày đi cắt cỏ trâu  
Trưa về lại bảo: ngồi đâu, không đây?  
Hết mẹ rồi lại đến thầy  
Gánh cỏ cỏ đây, vẫn nói rằng voi  
Nói thì nói thật là dai  
Lắm câu chua cạnh, đắng cay trăm chiều  
Phận em là gái nhà nghèo  
Lấy phải chồng giàu, ai thấu cho chăng  
Nói ra đau đớn trong lòng  
Chịu khổ, chịu nhục suốt trong một đời.  
CDTCM 208

130. Ai ơi sao chẳng đi về  
Ruộng ta ta để, cấy thuê sao đành  
Tổ tiên di sản để dành  
Ta không nhìn nhờ, vô tình thế chi?  
TCBD II 386

131. Ai ơi thương lấy cho ta  
Một niềm đợi bạn nay đà mấy đông.  
CDTCM 15

132. Ai ơi thương lấy lúc ni  
Nhịp cầu kẻ đứng người đi sao đành.  
CDTCM 15

133. Ai ơi thương lấy nhau cùng  
Đỗ ngâm ra giá đãi đùng nhau chi.  
HPV 107

134. Ai ơi trẻ mãi ru mà!

Càng so sánh lắm càng già mất duyên.

HHĐN 149 TCBD I 597 TNPD I 16

BK a - Càng đo đản lắm càng già mất duyên

HT 184 VNPL II 83

- *Càng đo đản mãi* càng già mất duyên VNP7 84

Sửa lại: ... *so sán* TCBD I = *so sánh*...

135. Ai ơi, trẻ mãi ru mà  
 Càng so sánh lắm, càng già mất duyên  
 Còn duyên như tượng tô vàng  
 Hết duyên như tổ ong tàn ngày mưa  
 Còn duyên đóng cửa kén chồng  
 Hết duyên ngòi gốc cây hồng lượm hoa  
 Còn duyên kén cá chọn canh  
 Hết duyên củ ráy dưa hành cũng trôi  
 Còn duyên kén những trai tơ  
 Hết duyên ông lão cũng vợ làm chồng  
 Còn duyên đóng cửa kén chồng  
 Hết duyên bán quán ngòi trông bộ hành.

THĐQ 21

*Xem thêm* C 1679

136. Ai ơi Trời chẳng theo nguyên  
 Túi thơ đủng đỉnh dạo miền thú quê.

ĐNQT 94a LHCD 13a

137. Ai qua núi Tản<sup>1</sup> sông Đà<sup>2</sup>  
 Ghé qua Tu Vũ<sup>3</sup> mặn mà tình thương.

CDTCM 278 HT 125

<sup>1</sup> *Núi Tản*: còn gọi là Tản Viên Sơn hoặc núi Ba Vì, ở tỉnh Hà Tây có ba ngọn, ngọn ở giữa phía dưới thắt cổ bồng, trên xòe ra như cái tán. Núi cao 1281m có đền thờ Sơn Tinh.

<sup>2</sup> Sông Đà: chảy từ Trung Quốc qua các tỉnh Sơn La, Hòa Bình, Vinh Phú, Hà Tây và nhập vào sông Hồng ở Việt Trì.

<sup>3</sup> Tu Vũ: tên làng thuộc huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.



138. Ai qua phố Nhớn<sup>1</sup> phố Lai<sup>2</sup>  
 Dừng chân ăn miếng chả dài thơm ngon  
 Ngọt thay cái quả cam tròn  
 Vừa thơm vừa mát hãy còn ở Canh.<sup>3</sup>  
 CDHN 106
139. Ai qua quán Cháo, Đồng Giao<sup>4</sup>  
 Má hồng để lại, xanh xao mang về.
140. Ai qua quán Trắng, phố Nhoi  
 Để thương, để nhớ cho tôi thế này!  
 Trèo lên cây khế nửa ngày  
 Ai làm chua xót lòng mà khế ơi?  
 Bây giờ tôi đứng người ngời  
 Con dao lá trúc bình vôi tèm trâu.  
 QHBN 189
141. Ai ra kẻ Chợ<sup>5</sup>  
 Nhấn ông hàng hương  
 Thơm tho giữ lấy đạo thường  
 Đừng châm lửa đuốc khó đường bền lâu.  
 CDHN 120
142. Ai ra ngoài Sãi ngoài Sòng  
 Nhấn o bán bưởi bán bông vô đây.  
 CVPD 27
143. Ai rằng ta chẳng khôn này

<sup>1</sup> *Phố Nhớn*: cũng gọi là ngã tư Nhớn chỗ gặp nhau giữa đường Cầu Giấy đi thị xã Sơn Tây và đường thị xã Hà Đông ngược lên khu vực Thượng Cát, Đại Cát ở bờ đê sông Hồng.

<sup>2</sup> *Phố Lai*: thuộc làng Lai Xá cách Nhớn hơn 1km trên đường đi thị xã Sơn Tây.

<sup>3</sup> *Canh*: chỉ những làng Phương Canh và Vân Canh cũ nay thuộc xã Xuân Phương huyện Từ Liêm (Hà Nội) và xã Thọ Nam nay thuộc huyện Hoài Đức (Hà Tây).

<sup>4</sup> *Quán Cháo, Đồng Giao*: thuộc huyện Yên Mô, Ninh Bình, ngày xưa là rừng rậm.

<sup>5</sup> *Kẻ Chợ*: tên cổ lưu hành trong dân chúng chỉ kinh thành Thăng Long cũ tức Hà Nội. Những bản đồ cũ của người phương Tây vào thế kỉ thứ 16, 17 đều ghi Kẻ Chợ để chỉ thành Thăng Long.

Đến khi nói đại, mặt ngay cán tàn.

TCBD I 348 TCBD II 478 TNPD I 17

144. Ai sang đò ấy bây giờ  
Ta còn ở lại ta chờ bạn ta  
Mưa nguồn chớp biển xa xa  
Ấy ai là bạn của ta ta chờ.

CDTCM 60 HHĐN 95 TCBD II 351 VNP7 218

145. Ai sang Hà Nội  
Nhấn nủ hàng hương  
Giữ lấy đạo thường  
Chớ đánh lửa mà đau lòng khói  
Có điều chi xin người cứ nói  
Có điều gì đã có chúng tôi đây.

a

bka - Giữ lấy *điệu* thường

QHBN 318

146. Ai sinh ra bãi cát bồi  
Để em lo thuyền cạn cho người kém xinh.

DCTH 121 HT 371

147. Ai từng con cú nó mọc sừng  
Ngày sau hoá ra cái gạc, cái gạc lại từng làm mưa  
Chắc rằng tránh khỏi nhau chưa  
Vắt tay lên bụng, nó mới nhúc, nó mới nhác  
Nó mới chịu chẳng được, lại lừa nhau ra.

TNPD II 9

148. Ai thương ta thời nói với ta  
Kéo mà năm tận tháng qua đi rồi.

HPV 108

149. Ai trao lời giục già em mê  
Áo em đắp có chồn em dựa kê nơi mô.

DCBTT 274

150. Ai trao thẻ bạc đừng cầm  
 Lòng đây thương đó thâm trầm đó ơi  
 Lòng đây thương đó ngùi ngùi  
 Ai trao thẻ bạc cũng chùi thẻ đi.  
 HPV 108
151. Ai trắng như bông, lòng tôi không chuộng  
 Người đó đen giòn, làm ruộng tôi thương  
 Biết rằng dạ có vấn vương  
 Để tôi cấy mối tìm đường sang chơi.  
 DCNTBI 104 HT431 VNP7 465  
*Xem thêm T 1573*
152. Ai treo đèn lên cột đày, cho nước chảy cột đèn rung  
 Biết cha với mẹ có bằng lòng hay không.  
 DCNTB I 182
153. Ai trồng cây sen cho nàng ăn quả  
 Ai trồng cây vả cho nàng hái hoa  
 TCBD I 548
154. Ai từng bận áo không bầu<sup>1</sup>  
 Ăn cơm không đũa, ăn trầu không vôi
155. Ai uốn câu cho vừa miệng cá  
 Tôi nghĩ như chàng chẳng khá hơn ai.  
 CDTH 125
156. Ai về ai ở lại đây  
 Chiều hôm vắng vẻ sớm mai lạnh lùng  
 Lạnh lùng ai đắp áo cho  
 Nghe lời ai dỡ, vầy vò áo đi.  
 CDTCM 598
157. Ai về ai ở mặc ai

Áo đà ở lại ngày mai sẽ về

a

CHG 14

BK a – Áo già ở lại đến mai sẽ về HHDN 211

158. Ai về ai ở mặc ai

Ta như dầu đượm thắp hoài năm canh.

HT 173 TCBDI 291 TNPDI 16 VNP1 II 96 VHP7 97

159. Ai về ai ở mặc ai

Tôi đi dầu đượm bắc dài năm canh

Đầu làng có cái chim xanh

Bay về nam ngạn đón anh bắc cầu

Anh dặn em từ trước đến sau

Mồng mười tháng tám đứng đầu giờ son

Rạng ngày đứng gốc cay bồ hòn

Mặt tuy thấy mặt dạ còn xôn xao

Bắc Đẩu sánh với Nam Tào<sup>1</sup>

Sao Mai sánh với Sao Hôm chằng chằng

Em liệu rằng em trốn khỏi anh chằng

Anh như lưới vét anh quăng giữa trời.

NGCK 138a

Sửa lại: dầu *dặm* = dầu *đượm*

*bác dài* = *bác dài*

160. Ai về anh dặn lời này

Phượng hoàng chỉ quyết đậu cây ngô đồng

Song le còn chút ngại ngùng

Biết rằng thầy mẹ thương cùng cho chằng?

Nẻo xa thắp thoáng bóng trăng

Cũng mong nhờ gió cát đằng<sup>1</sup> đưa dây

<sup>1</sup> *Nam Tào Bắc Đẩu*: Tên hai vì sao đồng thời là tên hai vị quan trên trời lo việc sống chết của người trần gian.

- Quảng Hàn<sup>2</sup> cách mấy lần mây  
Để cho duyên hiệp đẩy đây cho gần.  
TNCD 105
161. Ai về bên ấy bây giờ  
Cho tôi gửi một bức thư thăm chồng  
HHĐN 211 TCBDII 324
162. Ai về Cầu Ngói, Gia Lê  
Cho em về với, thăm quê bên chồng.  
DCBTT 279
163. Ai về chẻ nửa phết hồ  
Để tôi nhắn nhủ đôi cô hàng vàng.  
NGCK 158b
164. Ai về cho em về theo  
Ngó truông, truông rậm; ngó đèo, đèo cao.  
VNP1 I 60 VNP7 183
165. Ai về chợ Vạn thì về  
Chợ Vạn có nghề đặt rượu nuôi heo  
HHĐN 105 TCBDII 515  
BKa- Chợ Vạn có nghề *cát* rượu nuôi heo  
VNP1 II 165 VNP7 129
166. Ai về đặng ấy hôm mai  
Gửi dăm cái nhớ, gửi vài cái thương  
Gửi cho đến chiếu đến giường  
Gửi cho đến tận quê hương chàng nằm  
Vắng chàng em vẫn hỏi thăm

<sup>1</sup> *Cát đặng*: loài dây leo phải bám vào những cây to khác. Trong văn học cổ thường dùng cát đặng để chỉ sự phụ thuộc, lệ mọn.

<sup>2</sup> *Quảng Hàn*: nghĩa gốc là rộng và lạnh lẽo, theo Long thành lục, vua Đường Minh Hoàng, nhân đêm rằm tháng tám, được nhà thuật sỹ làm phép lạ đưa lên mặt trăng chơi, thấy cửa vào cung trăng có biển đề “Quảng hàn thanh hư chi phủ” (cái phủ trống rỗng, trong suốt, lạnh và rộng) do đó Quảng Hàn, Cung Quảng Hàn, Cung Quảng, Cung Hàn v.v đều dùng để chỉ mặt trăng.

- Nơi ăn đã vậy, nơi nằm làm sao?  
CDTCM 108
167. Ai về đến huyện Đông Anh<sup>1</sup> a  
Ghé thăm phong cảnh Loa Thành Thục Vương<sup>2</sup> b  
Cổ loa hình ốc khác thường  
Trái bao năm tháng nẻo đường còn đây. c  
HT 128  
BK a- Ai về *thăm* huyện Đông Anh CDHN 31-35  
b- Ghé *xem* phong cảnh Loa Thành Phục Vương  
CDHN VNP7 131  
c - *Ngàn năm dấu vết chiến trường* còn đây CDHN
168. Ai về Đông Hới<sup>3</sup> cho tôi gửi một lời a  
Cho không đừng có, cho có đừng không  
Có mua nôi, phải nhớ đến vung  
Dăng tơ phải nhớ ngãi con tầm ngày xưa. b  
VNP1 I 93 VNP7 223  
BK a- Ai về Đông Hới cho tôi gửi một *đôi* lời HT 422  
- *Dăng tơ phải nhớ ngãi tầm ngày xưa* HT
169. Ai về Đồng Tỉnh, Huê Cầu a  
Để thương để nhớ để sầu cho ai  
Để sầu cho khách vắng lại  
Để thương để nhớ cho ai chịu sầu. b  
ANPT 3a TCBD I 121 TCBD II 515  
NGCK 132 b TNPĐ II 7  
BK a- Ai *lên* Đồng Tỉnh, Huê Cầu

<sup>1</sup> Đông Anh: trước thuộc tỉnh Phúc Yên cũ, sau là ngoại thành Hà Nội.

<sup>2</sup> *Loa Thành Thục Vương, Cổ Loa*: Cổ Loa là kinh đô nước ta dưới thời Thục An Dương Vương khoảng nửa sau thế kỷ thứ ba trước công nguyên, nay còn dấu vết ở xã Cổ Loa huyện Đông Anh, Hà Nội và là một di tích lịch sử nổi tiếng.

<sup>3</sup> *Đông Hới*: Thị xã cách Hà Nội về phía Nam 491 km, theo đường số 1A và 522km theo đường sắt, thuộc tỉnh Quảng Bình.

b- Để thương để nhớ cho *người tình chung* NGCK

170. Ai về Đồng Tỉnh, Xuân Cầu  
Để thương để nhớ để sầu cho ai.

NASL II 26a

171. Ai về đọi với em cùng  
Thân em nay bắc mai đông một mình  
Chi bằng ruộng tốt rừng xanh  
Vui cha vui mẹ, vui anh em nhà.

a

TCBDII 232 TNPDII 8

BK a- Chi bằng ruộng tốt *đồng* xanh

HT212 VNP1I 150 VNP7 308-309

172. Ai về đường ấy hôm mai  
Gởi dăm điều nhớ gởi vài điều thương  
Gởi cho đến chiếu đến giường  
Gởi cho đến chốn buồng hương em nằm.

HT 171 TCBDI 122 TNPD II 9

173. Ai về đường ấy hôm nay  
Ngựa hồng ai cỡi, dù tay ai cầm  
- Ngựa hồng đã có tri âm  
Dù tay đã có người cầm thì thôi.

TCBDI 248, 495 TNPD II 9

BK a- *Anh về đã mấy sớm nay* NGCK 196 b

174. Ai về đường ấy mặc ai  
Ta về cày ruộng trồng đôi ta ăn  
Đỉnh chung<sup>1</sup> là miếng nợ nần  
Hay chi bó buộc mà lặn lưng vào  
Mùa xuân phơi phơi vườn hồng  
Ta về đắp đất mà trồng lấy cây

Trông lấy cây mong ngày ăn quả  
 Can chi mà vất vả ai ơi  
 Long đong nay ngược mai xuôi  
 Đỉnh chung là cạm trên đời hay chi  
 Ai giàu thì mặc ai giàu  
 Ta về ta ở hái dâu nuôi tằm  
 Ta chăn tằm lấy tơ ta dệt  
 May quần áo khỏi rét ai ơi!  
 Tham chi tấm áo của người  
 Họ cho ta mặc họ đòi lại ngay.

TCBDI 291

175. (a) Ai về đường ấy mấy đò  
 Mấy cầu mấy quán cho ta mượn tiền a  
 Ước gì quan đắp đường liền  
 Kéo ta đi lại tốn tiền đò ngang. b

ĐNQT 95b

BK a- Mấy cầu mấy quán *anh* cho mượn tiền

LHCD 29a THĐQ 3 TNCD 104

b- Để ta đi lại *khỏi* tiền đò giang TNCD

- Để ta đi lại *khỏi* phiền đò giang THQĐ

- Kéo *ai* đi lại tốn tiền đò ngang LHCD

- (b) Ai về đường ấy mấy đò  
 Mấy cầu mấy quán, anh cho mượn tiền a  
 Ước gì quan đặt đường liền b  
 Kéo ta đi lại tốn tiền đò ngang c  
 Em về dọn quán bán hàng  
 Để anh là khách đi đàng trú chân. d

TCBD I 121-122 TNPD II 9-10 VNP1 I 81

BK a- Mấy cầu mấy quán *ta* cho mượn tiền THQP 5a



- b - Ước gì quan *đắp* đường liền THQP  
 c - Để *anh* đi lại *khỏi* tiền đò ngang bk TNPD II  
 d - Để *anh* là khách *qua* đàng trú chân VNP7 204

*Xem thêm* A 546

176. Ai về em gửi bức thư  
 Hỏi người bạn cũ, bây giờ nơi nao  
 Non kia ai đắp mà cao  
 Sông kia, biển nọ ai đào mà sâu?  
 TCBD I 121 TNPD II 8  
*Xem thêm* N 947, 948, 949
177. Ai về em gửi bức tranh  
 Có con chim sáo đậu nhành lan chi a  
 Ai làm nên bước phân li  
 Cám công mưa nắng kẻ đi, người về  
 BK a – Tô con chim sáo đậu *cành* lan chi VNP1 I 87 VNP7 217
178. Ai về giã gạo ba giăng  
 Để *anh* gánh nước Cao Bằng về ngâm.  
 NASL I 20b
179. Ai về Giồng Dứa qua truông  
 Gió day bông sợi, bỏ buồn cho em. a  
 HHĐN 211 HT 452 TCBD II 324  
 BK a- Ai về *Vông* Dứa qua truông TCBSII 515
180. Ai về Hà Nội, ngược nước Hồng Hà  
 Buồm giông ba ngọn, vui đà nên vui! a  
 HT 129 VNP11 II 166 VNP7 131  
 BK a- Buồm *giăng* ba ngọn, vui đà nên vui CDHN 11
181. Ai về Hà Tĩnh thì về  
 Mặc lụa chợ Hạ, uống nước chè Hương Sơn.  
 HT 144

182. Ai về Hà Thủy xứ Duồng  
 Cho tôi nhắn gửi một luồng thơ duyên  
 Thơ rằng tôi nhớ bạn hiền  
 Nhưng buồn vì nổi hai miền cách xa.  
 TCBDII 516
183. Ai về Hậu Lộc Phú điền<sup>1</sup>  
 Nhớ đây bà Triệu trận tiền xung phong.  
 CDTH 45 HT 120 TCDG 50
184. Ai về Hoàng Hoá<sup>2</sup> mà coi  
 Chợ Quăng<sup>3</sup> một tháng ba mươi phiên chiều  
 Trai mĩ miều bút nghiên đèn sách  
 Gái thanh tân chợ búa cửu canh  
 Trai thì nhất bảng đề danh  
 Gái thời dật cửu vừa lanh vừa tài.  
 CDTH 29-30
185. Ai về Kẻ Nứa, Đông Hồ  
 Để tôi nhắn nhủ đôi cô hàng vàng  
 Chẻ lạt buộc vàng  
 Tre non đủ lá, đan sàng nên chăng?  
 Em dặn người rằng:  
 Đâu hơn người lấy, đâu bằng đợi chúng em đây.  
 QHBN 333
186. Ai về Kẻ Rậy<sup>4</sup>, nhắn chị hàng thùng  
 Thùng buôn có lỗ, xin đừng quên nhau.  
 CDTH 33

<sup>1</sup> *Phú Điền*: nay là xã Triệu Lộc thuộc huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Hiện nay ở đây còn có làng và đền thờ Bà Triệu.

<sup>2</sup> *Hoàng Hóa*: một huyện thuộc tỉnh Thanh Hóa

<sup>3</sup> *Chợ Quăng*: thuộc xã Hoàng Quang, Hoàng Hóa, Thanh Hóa.

<sup>4</sup> *Kẻ Rậy*: là làng có nghề đục nổi và đánh thùng ở Thiệu Hóa, Thanh Hóa.

187. Ai về khe Mọ<sup>1</sup> cùng đi  
 Đồng bằng thì ít, rú ri thì nhiều.  
 HT 143
188. Ai về ngô ấy ai ơi  
 Câu sấu ta để chia đôi cho đồng  
 CDRCM 15
189. Ai về nhắn họ Hi Hoà<sup>2</sup>  
 Nhuận năm sao chẳng nhuận và trồng canh.  
 TCBDII 538 TCBDIII 222 TNPDI 16
190. Ai về nhắn hỏi cô Ba  
 Năm nay mười tám hay là đôi mươi?  
 Để ta so thử hai người  
 Thử xem có được tốt đôi chăng là?  
 CDTCM 59
191. Ai về nhắn khách biên thiềm  
 Hỏi thăm đá luyệt đã mềm hay chưa?  
 HHĐN 256
192. Ai về nhắn nhủ cô hay  
 Có thương anh, thì đợi cho đầy ba đồng  
 Hay là cô vội lấy chồng  
 Mặc ý tùy lòng anh chẳng dám ngăn.  
 CDTH 121
193. Ai về nhắn nhủ chúa nhà  
 Có nhớ người cấy hay là bỏ quên?  
 CDTH 67

---

<sup>1</sup> *Khe Mọ*: thuộc xã Thanh Hương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

<sup>2</sup> *Hi Hòa*: theo thần thoại Trung Quốc, Hi Hòa là mẹ của người mặt trời. Khi mới sinh con, bà dùng nước trong suốt và ngọt của vực Cam Uyên để tắm cho mười mặt trời. Bà tắm như vậy làm cho các con đều sạch sẽ, sáng sủa. Bà còn chỉ bảo cho các mặt trời cách thức luân phiên nhau đi chiếu sáng cho nhân dân. (Xem: Đinh Gia Khánh Thần thoại Trung Quốc, H, Nxb Khoa học xã hội, 1991, tr,122.

194. Ai về nhắn nhủ mẹ cha a  
 Mua heo thì trả, trường ba<sup>1</sup> con hồng rồi. b  
 TCBDII 478  
 BK a- Ai về nhắn với *mẹ già* CVPD 22  
 b- Mua heo *trả lại* trường ba hồng rồi CVPD
195. Ai về nhắn nhủ ông câu a  
 Cá ăn thì giật để lâu mất môi a  
 - Mất môi này ta câu môi khác  
 Cá biển hồ sao xác thiếu chi. b  
 HPV 164  
 BK a- Cá ăn *không* giật, để lâu mất môi DCNTBI 137  
 b- Cá biển *nhiều* xác thiếu chi DCNTBI
196. Ai về nhắn nhủ ông sư  
 Đùng nhang khói nữa mà hư mất đời.  
 CDTCM 296
197. Ai về nhắn với bà cai  
 Giã gạo cho trắng, đến mai dâu về  
 Dâu về dâu chẳng về không  
 Ngựa ô đi trước, ngựa hồng đi sau  
 Ngựa ô đi tới vườn cau  
 Ngựa hồng chậm rãi đi sau vườn dứa.  
 DCNTB II 161
198. Ai về nhắn với bạn nguồn a  
 Mít non gửi xuống cá chuồn gửi lên a  
 Đôi đàn nhân ngãi có nên.  
 bk a- *Mãng non* gửi xuống cá chuồn gửi lên  
 - *Mãng le* gửi xuống cá chuồn gửi lên  
 DCNTBI 134

---

<sup>1</sup> Trường ba: Trong kỳ thi hương đỗ trường ba (tam trường) là tú tài. Hồng trường ba là không đỗ đạt gì.\*

199. Ai về nhắn với ông câu a  
Cá ăn thì giặt để lâu hết mùi. b  
DCBTT 261 HHĐN 255 HT 426  
BK a- *Biểu về nói* với ông câu TCBD I 317 TCBD II 490 TNPDI  
b- Cá ăn thì giặt *chớ* để lâu hết mùi CVPD 16  
- Cá ăn thì giặt để lâu *mất* mùi TCBD I TCBD II TCBD I 41
200. Ai về nhắn với quan Đề  
Bình Tây chẳng được, cứ kéo quân về hại dân.  
VNP1 II 59
201. Ai về nhắn với quan Thượng<sup>1</sup>  
Bình Tây sát tả<sup>(1)</sup> để dọn đường vua ra.  
VNP1 59 VNP7 357
202. Ai về nhớ vải Đình Hoà<sup>2</sup>  
Nhớ cau Hồ Bái, nhớ cà Đan Nê  
Nhớ dứa Quảng Hán Lựu Khê  
Nhớ cơm chợ Bản thịt dê Quán Lào  
HT 143
203. Ai về Nhượng Bạ<sup>3</sup> thì về  
Gạo nhiều, cá lắm, dễ bề làm ăn.  
HT 144
204. Ai về Phú Lộc<sup>4</sup> gửi lời  
Thư này một bức nhắn người tri âm  
Mối tơ chín khúc ruột tằm  
Khi tháng, tháng đợi mà năm năm chờ a

<sup>1</sup> Quan Thượng, Bình Tây sát tả: “Bình Tây sát tả” là khẩu hiệu của phong trào Cần Vương, Quan Thượng có người cho là Thượng biện Nguyễn Thuận. Năm 1892 trong phong trào Cần Vương, ông mang nghĩa quân đến vây hãm thành Hà Tĩnh, giải thoát cho hàng trăm người bị giam cầm.

<sup>2</sup> Thuộc huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá

<sup>3</sup> *Nhượng Bạ*: tức của Nhượng thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

<sup>4</sup> *Phú Lộc*: thuộc huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Vì tình, ai lẽ làm ngơ  
 Cầm sào chỉ quyết đợi chờ nước xuân  
 Ước sao chỉ Tấn tở Tần  
 Sắt cầm hảo hợp lựa vắn quan thư b  
 Đôi bên ý hợp lòng ưa  
 Mới phu công thiệp mới vừa lòng anh  
 Thiếp thời tần tảo cử canh  
 Chàng thời nấu sủ sôi kinh kịp thì  
 Một mai chiếm bảng xuân vi  
 Ấy là đề điệp tình kỳ từ đây  
 Ai ơi nghe thiệp lời này.

THQP 10a

BK a- Khi tháng tháng đợi, *khi* năm năm chờ TCBD I 122

TCBD I chỉ ghi đến dòng thứ năm.

b- Sắt cầm *hòa* hợp lựa vắn quan thư

TNPD II 10

205. Ai về tôi gửi buồng cau  
 Buồng trước kính mẹ, buồng sau kính thầy.

TCBD II 292 TNPD I 16

BK a- *Em về anh gửi* buồng cau HHDN 173

206. Ai về tôi gửi buồng cau  
 Buồng trước kính mẹ buồng sau kính thầy  
 Ai về tôi gửi đôi giày  
 Phòng khi mưa nắng cho thày mẹ đi.

NASL I 31b

BK a- Phòng khi *sương* nắng để thày mẹ đi NGCK 153 a

- Phòng khi mưa *gió* để thày mẹ đi HT 213

207. Ai về tôi gửi bức thư  
 Cô Tám ở lại, cô Tư lấy chồng.

TCBD I316 TNPD I 16

208. Ai về tôi gửi đôi giày  
Phòng khi mưa gió để thày mẹ đi  
TCBD II 292 TCBD III 142 TNPD I 16
209. Ai về Tuy Phước<sup>1</sup> ăn nem  
Ghé qua Hưng Thạnh<sup>2</sup> mà xem Tháp Chàm.  
HT 147
210. Ai về thăm huyện Đông Ngàn<sup>3</sup>  
Ghé thăm thành ốc rùa vàng tiên xây.  
CDHN 35
211. Ai về thăm huyện Đông Ngàn  
Ghé thăm thành ốc rùa vàng tiên xây  
Cắm hờn giếng Ngọc tràn đầy  
Máu pha thành lũy ngàn cây bóng tà.  
CDHN 35
212. Ai về Thông Lạng<sup>4</sup> mà coi  
Bắc niêu lên bếp, xách oi<sup>5</sup> ra đồng.
213. Ai về xẻ gỗ cho dầy  
Bắc cầu qua bể cho thày mẹ sang.  
NASL I 16a  
BK NGCK 153a  
Ai về xẻ ván cho dầy  
Bắc cầu qua *con sông Cái* để thày mẹ sang  
*Xem thêm A 654, 655.*

<sup>1</sup> *Tuy Phước*: thuộc tỉnh Bình Định.

<sup>2</sup> *Hưng Thạnh*: ở đầu ngoại ô thị xã QUY Nhơn, gần huyện lỵ Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

<sup>3</sup> *Đông Ngàn*: tên huyện cũ, xưa thuộc phủ Từ Sơn trấn Kinh Bắc. Một phần huyện này bị cắt ra vào năm 1876 để sáp nhập với một phần huyện Kim Anh, thành lập một huyện mới là huyện Đông Anh, Hà Nội.

<sup>4</sup> *Thông Lạng*: thuộc xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, Nghệ An.

<sup>5</sup> *Oi*: là cái ghỏ, làng Thông Lạng ở xa chợ, thức ăn rất hiếm nhân dân phải xách oi ra đồng mò cua bắt ốc.

214. Ai vô Bình Định mà coi a  
 Đàn bà cũng biết cầm roi đi quyền b  
 HHĐN 105  
 BK a - Ai về Bình Định mà coi TCBD II 515  
 - Anh về Bình Định anh coi TCDG 49  
 b - Đàn bà cũng biết *đánh* roi đi quyền TCBD II  
 - Con gái Bình Định bỏ roi đi quyền TCDG  
 Sửa lại: đi *gườn*... HHĐN = đi *quyền*...
215. Ai vô phân trần tác loạn  
 Thiếp gặp đặng chàng đồng bạn xướng ca  
 Đêm khuya gió mát trăng loà  
 Đợi người tri kỷ hay là tri âm?  
 DCBTT 201
216. Ai vô Quảng Nam cho tôi gửi mua đôi ba lượng quế  
 Ai ra ngoài Nghệ cho tôi gửi mua tám chín lượng sâm  
 Dem về nuôi dưỡng phụ thân  
 Hai ta đền đáp công ơn sinh thành.  
 DCBTT 201
217. Ai vợ rơm rác thì vợ  
 Nồi đồng kiềng sắt đợi chờ than lim.  
 HPV 164
218. Ai xinh thì mặc ai xinh  
 Ông Tư chỉ quyết xe mình với ta.  
 HT 162
219. Ai xô ông Tế, ông Tế ngã  
 Ai lôi ông Phàn mà ông Phàn Tri<sup>1</sup>  
 Chàng mà đối được, thiếp nữ nhi theo về?  
 - Ai đập ông Cô mà Cô Trúc<sup>1</sup>

---

<sup>1</sup> Tế Ngã, Phàn Trì: hai học trò của Không Tử.



- Ai đơm vua Vũ mà vua Vũ Vương<sup>2</sup>?  
 Anh mà đối được thì nường tính sao?  
 HPV 93,94
220. Ai xui ai khiến bất nhơn  
 Tôi nay gặp bạn thương hơn vợ nhà.  
 TCBD I 445
221. Ai xui ai khiến trong lòng  
 Mau chân nhạy miệng mắc lòng gian nan. a  
 HHĐN 55  
 BK a- Mau chân nhạy miệng mắc vòng *thế gian* TCBD I 495
222. Ai xui anh lấy được mình  
 Để anh vun xới ruộng tình cho xanh  
 Ai xui mình lấy được anh  
 Bỏ công bác mẹ sinh thành ra em.  
 CDTCM 187
223. Ai xui đất thấp trời cao  
 Để cho tôi đứng, tôi gào hết hơi.  
 TCBD II 324
224. Ai xui đất thấp trời cao  
 Để cho tôi đứng tôi gào hết hơi  
 Hết hơi chẳng thấy trả lời  
 Thấy trong trời đất có tôi đứng gào.  
 CDTCM 297 HHĐN 211
225. Ai xui em có má hồng  
 Để người quân tử chưa trông đã thèm.  
 HHĐN 149
226. Ai xui em lấy học trò

<sup>1</sup> *Cô Trúc*: vua nước Cô Trúc.

<sup>2</sup> *Vũ Vương*: Thái Tổ nhà Chu. Hai câu này vừa dùng điển tích vừa chơi chữ. Người ta cũng như người đối đều dùng bốn chữ Ngã, Tri, Trúc, Vương.

Thấy nghiên thấy bút những lo mà gầy.

HHĐN 150

227. Ai xui má đỏ hồng hồng  
Để anh nhắc thấy đem lòng thương yêu.

HHĐN 150 TCBD I 371

228. Ai xui tôi đến chốn này  
Trồng hoa hoa héo, trồng cây cây tàn.

HPV 154

229. Anh ăn cơm cũng thấy ghen  
Uống nước cũng thấy ghen  
Nghe lời em bậu hẹn, ra bãi đứng trông  
Biển xanh bát ngát, nhìn không thấy người  
Mênh mông sông nước xa vời  
Biết rằng còn nhớ những lời thề xưa  
Trông ai như cá trông mưa  
Ngày đêm tưởng nhớ, như đồ đưa trông nôm  
Bậu ơi! bậu có nhớ không?  
Anh trông ngóng bậu, như rông ngóng mưa.

DCNTB I 263-264

230. Anh Ba yêu đến tôi chẳng?  
Gió đưa trăng là trăng đưa gió  
Thung thẳng cá vượt qua đặng  
Xin đừng lăm chốn, nhiều nơi nhớ nhàng.

HT 338QHBN 180

231. Anh bắt tay em cho thỏa tấm lòng  
Chùng nào nam đáo nữ phòng sẽ hay  
- Anh cũng đã hay:  
Tôi ngay phò chúa thánh  
Gái chẳng lấy hai chồng

Biết em buông mối chỉ hồng  
Tiếc anh đi chậm nên đứng ngoài phòng bớ vợ.

HHĐN 150

BK. TCBD I 199 bắt đầu từ dòng thứ ba cho đến hết.

232. Anh bởi mảng lo nghèo  
Nổi trôi như cánh bèo mặt nước  
Biểu cho em hay trước: anh đã có vợ rồi  
Đôi ta vụng chắng xứng đôi  
Em khá về chốn kiếm lựa người trao thân.

HT 458

Sửa lại: *Mãn = mảng* Anh bởi *mãn...* = Anh bởi *mảng...*

233. Anh buồn có chốn thở than a  
Em buồn như ngọn đèn tàn sắp khuya. b

CDTCM 18

BK a- Anh *sầu còn chổ* thở than HT 171

- *Em sầu còn chổ* thở than CHG 30

b- Em buồn như ngọn *nhang* tàn thấp khuya TCBD I 446

- *Em sầu khác thể nhang* tàn *đêm* khuya HT

- *Anh sầu khác thể nhang* tàn *đêm* khuya CHG

234. Anh buồn có lẽ than ra  
Em buồn như quạt thàng ba long lái.

HPV 155

Anh buồn cười ngựa buông cương  
Thấy em bạn cũ tình thương cạn rồi  
Giậm chân ba tiếng kêu trời  
Cớ sao bạn ngọc đổi đời hai phương  
CHG 26

Sửa lại: CHG tách làm hai lời. Nbs đã gộp lại

236. Anh búng cây trúc  
 Anh trồng cây trúc  
 Chẳng may gặp chỗ đất xấu  
 Sùng đục  
 Trúc mục, trúc tàn  
 Anh ở sao cho đá nọ thành vàng  
 Trước hiển vinh cha mẹ, sau đến nàng anh mới ưng.  
 DCNTB II 51 HT 441
237. Anh bút cỏ ngựa<sup>1</sup> ngòi đầu cửa ngõ  
 Kẻ bán con nây<sup>(2)</sup> ngòi cội cây non  
 Chàng mà đối được thiếp trao tròn một quan?  
 - Con cá đối<sup>(3)</sup> nằm trên cối đá  
 Con mèo cụt<sup>(4)</sup> nằm trên mút kèo  
 Trai thanh tân đã đối được, tiền cheo mô mà?  
 HPV 94
238. Anh cầm cây viết, anh dứt đàng nhân ngãi  
 Em cầm cây kim, em thêu chữ ân tình  
 Chữ ân tình anh nghe cũng phải  
 Đường nhân ngãi anh nắm cũng vừa  
 Hòn núi Liên Sơn cây chặt cây chừa  
 Anh thương em, có kẻ đón ngựa, nói gian.  
 DCNTB II 51 HT 440
239. Anh có muốn gần, em vẽ chước cho  
 Cầm một buồng cau, chia rượu anh giả đồ đến chơi.  
 DCBTT 192
240. Anh có tiền riêng cho em mượn ít đồng  
 Mua gan công mật cóc thuốc chông theo anh.  
 HHĐN 123

---

<sup>1</sup> <sup>(2)</sup><sup>(3)</sup><sup>(4)</sup> Đây là cách nói lái của miền Trung khác với cách nói lái miền Bắc.

241. Anh có thương hay không thì em nỏ biết  
 Anh thốt nhiều lời thảm thiết hơn thương.  
 Thiếu chi quân tử bốn phương  
 Thấy anh có ngãi em ôm duyên đợi chờ.  
 DCBTT 157
242. Anh còn son em cũng còn son  
 Ước gì ta được làm con một nhà.  
 TCBD I 123 VNP7 184
243. Anh cùng em thề đã trước sau  
 Dầu cho điên đảo thế nào  
 Búa rìu sấm sét, gươm dao chẳng rời.  
 DCNTB II 184
244. Anh chào bên nam thì mất lòng bên nữ  
 Anh chào quân tử bỏ bụng thuyền quyên  
 Cho anh chào chung một tiếng kẻ chào riêng khó chào.  
 DCBTT 148
245. Anh chẻ tre bện sáo ngăn sông  
 Cho đến khi đó vợ đây chồng kết hai  
 Anh chẻ tre bện sáo cho dày  
 Ngăn sông Trà Khúc<sup>1</sup>, tất có ngày gặp em.  
 DCNTB I 217
246. Anh chèo thuyền thúng chẳng đi  
 Anh có thuyền ván có khi gặp ghềnh  
 Ba chìm bảy nổi lênh đênh!  
 ĐNQT 116b NGCK 117b  
 Xem thêm E 14 N 539
247. (a) Anh chèo thuyền thúng chẳng đi

---

<sup>1</sup> Sông Trà Khúc: sông ở tỉnh Quảng Ngãi, bắt nguồn từ Kon Tum, có ba nhánh tụ lại ở gần huyện lỵ Sơn Trà, chảy ra biển ở cửa Cổ Lũy.\*

Anh có thuyền ván có khi gặp ghềnh a

Ba chìm bảy nổi lênh đên!

- Em chề thuyền ván chẳng đi

Em đi thuyền thúng có khi trùng triềng b

Có khi đổ ngã đổ nghiêng

LHCD 30a

BK a- Anh đi thuyền ván có khi *rập rênh*

TCBD I 549 TNPD II 12

b - Em đi thuyền thúng có khi *rập rênh* TCBD I THPD II

- Em đi thuyền thúng có khi *chòng chành*

- Em đi thuyền thúng có khi *gập ghềnh*

NGCK 117b QPHT 34a

(b) Em chề thuyền ván chẳng đi

Em chề thuyền thúng có khi chòng chành

Anh chề thuyền thúng chẳng đi

Anh đi thuyền ván có khi gặp ghềnh.

NASL II 9b, NASL II 55b

Xem thêm E14 Ng 539

- 248.** Anh chết ba năm sống lại một giờ  
Để xem người ngọc phụng thờ ra sao?

CDTCM 178

Xem thêm C 672

- 249.** Anh chờ em như liễu chờ đào  
Em còn mơ tưởng cây cao bóng dài.

DCNTB 56

- 250.** Anh chờ em từ thuở mô tê  
Không hề bóc lá, không hề để nha  
Bóc lá, kinh em mau già  
Để nha sợ nữa ra cành mía lau

Khoan hò khoan!  
 Thiếp như mía tiến vừa tơ  
 Chàng như mía tiến dật dờ đợi ai?  
 Núi cao sông hãy còn dài  
 Thương nhau đã hể hằng ngày gặp nhau  
 Khoan hò khoan!

TCBD I 124 TNPD II 13-14

Sửa lại: *Rật* chờ đợi ai = *dật* dờ đợi ai

Xem thêm T 576

251. Anh chờ em từ thuở mô tê  
 Không hề bóc lá không hề để nha  
 Bóc lá kinh em mau già  
 Để nha sợ nữa ra cảnh mía lau.  
 Khoan hò khoan!

THQP 3a

252. Anh chơi cho rặng đông ra  
 Em về đi chợ, anh ra đi cày.

HPV 171

253. Anh chơi cho rặng đông ra  
 Nhà em gần cạnh mời quan ăn trầu  
 Ước gì anh rể, em dâu  
 Lo chi những sự ăn trầu rứa em.

HPV 170

254. Anh chơi hoa mà chẳng biết hoa  
 Anh hái không đúng lúc để vườn ba<sup>1</sup> chóng tàn.

DCBTT 182

255. Anh chưa có vợ như chợ chưa có đình  
 Trời mưa dông đôi ba hột, biển ẩn mình vô mô?

HPV 110 HT 389

---

<sup>1</sup> Ba: hoa (tiếng địa phương).

256. Anh dặn em như Thuấn dặn Nghiêu<sup>1</sup>  
Gắng công nuôi mẹ, chớ xiêu tắc lòng.  
DCNTB II 155
257. Anh dựa hơi em như trầm hương mộc  
Một mai anh xa em rồi như tùng lộc mất sương.  
DCBTT 124
258. Anh đã có vợ con chưa?  
Mà anh ăn nói gió đưa ngọt ngào.  
Mẹ già anh ở nơi nao?  
Để em tìm vào hầu hạ thay anh.  
VNP1 I 115 VNP7 258  
*Xem thêm S 49 V 75, 76*
259. Anh đã có vợ anh rồi  
Sao anh còn ước hoa hồi cầm tay?  
Hoa hồi nó đắng, nó cay  
Nó mặn như muối, nó cay như gừng.  
CDTCM 59  
BK CDTH 74 HT 207:  
Anh *kia* có vợ con rồi  
Mà anh còn *muốn* hoa hồi cầm tay  
Hoa hồi vừa đắng vừa gậy  
Vừa mặn như muối, vừa cay như gừng.
260. Anh đã có vợ con riêng  
Như bông hoa riêng nửa đắng nửa cay  
Anh đã có vợ cầm tay  
Anh còn tơ tưởng chốn này làm chi?  
CDTCM 58

---

<sup>1</sup> *Thuấn, Nghiêu*: hai ông vua hiền đức trong lịch sử ở thời kỳ truyền thuyết của Trung Quốc (khoảng thế kỷ 23-24 trước Công nguyên), được coi là các vị vua trị vì một xã hội thái bình.



261. Anh kia có vợ sau lưng  
 Có con trước mặt, anh đừng chơi hoa  
 Chơi hoa tan cửa nát nhà  
 Lia con, bỏ vợ, chơi hoa làm gì!  
 CDTCM 186  
 BK CDTH 75  
 Anh *kia* có vợ sau lưng  
 Có con đằng *trước*, anh đừng chơi hoa  
 Chơi hoa tan cửa nát nhà  
 Vợ *lia con* bỏ rồi ra có ngày.
262. Anh đương cỡi ngựa qua kiêu (cầu)  
 Thấy em đứng đó lỡ chiều anh thương.  
 HPV 109
263. Anh đánh thì tôi chịu đòn. a  
 Tính tôi hoa nguyệt mười con chẳng chừa. b  
 TCBD II 189 TNPĐ I 18  
 BK a - Anh đánh *thời* tôi *đau* đòn NASL III 45a  
 b - *Lòng* tôi hoa nguyệt mười con *chả* chừa NASL III
264. Anh đánh thì tôi chịu đòn  
 Tính tôi hoa nguyệt mười con chẳng chừa  
 Đánh tôi thì tôi chịu đau  
 Tính tôi hoa nguyệt chẳng chừa được đâu  
 Tính quen chừa chẳng được đâu  
 Lệ làng, làng bắt mấy trâu mặc làng.  
 HHĐN 123
265. Anh đánh thời tôi đau đòn  
 Cái lòng hoa nguyệt chín mười con tôi cũng chẳng chừa  
 Ông trời nắng ông trời lại mưa  
 Những người tính ấy có chừa được đâu.  
 NASL II 11b

266. Anh đây chính thực người trời  
Lỡ chân rơi xuống là người trần gian  
NASL 4a
267. Anh đây lên thác xuống ghềnh  
Thuyền nan đã trải thuyền mảnh thử chơi  
Đi cho khắp bốn phương trời  
Cho trần biết mặt, cho đời biết tên.  
DCTH 84
268. Anh đây mục hạ vô nhân<sup>1</sup>  
Nghe em xuân sắc mười phân nào nùng  
Xưa nay những gái má hồng  
Anh thể anh có thềm trông đâu nào  
Lấy em đi trước cho hào  
Dù ngấm, dù nguyệt, dù sao mặc lòng.  
TCBD I 125 TCBD III 470 TNPD II 13
269. Anh đây quân tử trí cao  
Lắng nghe anh họa bài “Sao trên trời”:  
Nửa đêm thức dậy trông trời  
Thấy sao bên bắc, anh ngồi bên đông  
Ai ơi thức dậy mà trông  
Kìa ông sao Vượt ăn sông Ngân Hà<sup>2</sup>  
Sao Rua trên bốn dưới ba  
Nhị thập bát tú với là thất tinh  
Sao hôm đứng có một mình  
Sao Mai thủng thỉnh ra tình chờ ai...  
Có Hôm mà chẳng có Mai  
Kìa ông sao Vượt chờ ai giữa trời?

---

<sup>1</sup> Mục hạ vô nhân: dưới mắt không có người, ý nói không có ai ra gì.

<sup>2</sup> Ngân hà: xem chú thích ở A61 và A63

Nam Tào, Bắc Đẩu<sup>1</sup> đôi nơi  
 Kia ông đứng đó trị vì muôn dân  
 Vây trên thiên địa xoay vần  
 Chưa đến chập tối dần dần mọc ra  
 Mọc ra vô số hằng hà  
 Vô số vạn ức biết là bao nhiêu!  
 Tối trời sao lại mọc nhiều!  
 Sáng trăng, trăng tỏ, ra điều sao thưa  
 Chỉ hiếm một nổi trời mưa  
 Trăng sao lặn mất, còn lưa mặt trời.  
 Bài sao anh họa đã rồi  
 Trời đâu em họa mấy lời anh nghe  
 Trên trời có nắng có mưa  
 Có rồng lấy nước có chùa nàng tiên  
 Trên trời có cửa Phật tiền  
 Có dây chỉ thắm xe duyên vợ chồng  
 Trên trời có cả cầu vồng  
 Có sấm, có chớp, có cờ thiên lôi...

270. Anh đây quyết chí câu cua  
 Nào ai câu rắn, câu rùa mặc ai.

CVPD 3

271. Anh đây tài tử giai nhân  
 Vì tình nên phải xuất thân giang hồ. a  
 Nói đây có chị nằm đò  
 Mận xanh ăn vậy, đừng chờ đào non.

DCTH 109

BK a- Vì tình nên phải *dấn* thân giang hồ HT 361

---

<sup>1</sup> Nam Tào Bắc Đẩu: xem chú thích ở A159

272. Anh đây thật đáng trai lành  
 Chẳng thèm theo thói Sở Khanh<sup>1</sup> phụ nàng.  
 DCNTB I 106
273. Anh đây thật khó không giàu  
 Anh xin nói trước, kéo sau phàn nàn  
 Nhà anh chỉ có một gian  
 Nửa thì làm bếp, nửa toan làm buồng  
 Trời làm một trận mưa tuôn  
 Nửa bếp cũng đổ, nửa buồng cũng xiêu.  
 CDTCM 109
274. Anh đây thật khó, không giàu  
 Có lời nói trước kéo sau em phàn nàn  
 - Khó khăn ta kiếm ta ăn  
 Giàu người cửa ván, ngõ ngằn mặc người  
 Khó khăn đáp đối lần hồi  
 Giàu người đã dễ được ngồi mà ăn.  
 HPV 110 HT 389
275. Anh đến tìm hoa  
 Thì hoa đã nở  
 Anh đến tìm dò  
 Thì dò đã sang sông  
 Anh đến tìm em thì em đã lấy chồng  
 Em yêu anh như rứa có mặn nồng chi mô?  
 - Hoa đến kì hoa phải nở  
 Dò đã đầy thì dò phải sang sông  
 Đến duyên thì em phải lấy chồng  
 Em yêu anh rứa đó, còn mặn nồng thì tùy anh.

---

<sup>1</sup> *Sở Khanh*: tên một nhân vật trong truyện Kiều của Nguyễn Du, nay được dùng như một tính từ để chỉ kẻ phản bội, lừa lừa lọc. Sở Khanh không chỉ là kẻ bạc tình, phản bội người con gái ngày thơ, Sở Khanh cong mang nghĩa rộng: kẻ phản bội bạn bè, phản bội nhân dân.

HPV 154-155

BK a- Anh đến tìm đò, đò đã sang sông HT393

b- Anh đến tìm em thì em đã có chồng HT

c- Em yêu anh rứa đó, còn mặn nông thì tùy anh HT

+ DCNBT I 245

Anh đến tìm hoa, hoa đã nở

Anh đến gọi đò, đò đã sang sông

Tìm bậu, bậu đã lấy chồng

*Bậu thương như thế, mặn nông làm sao?*

- Hoa đến kì hoa nở

Đò đã đầy đò phải sang sông

Đến duyên em phải lấy chồng

*Tình thương như thế, mặn nông tùy anh.*

276. Anh đi anh dặn em rằng

Đâu hơn thì lấy đâu bằng chờ anh.

BK a- Ra đi anh có dặn rằng HHDN 246

- Ra đi anh có dặn rằng

*Nơi hơn em lấy, nơi bằng đợi anh*

277. Anh đi anh nhớ trở về

Con thơ vợ đại trông chờ từ đây.

DCNTB I 183

278. Anh đi ba bữa anh về

a

Rừng sâu nước độc chớ hề ở lâu.

b

HHDN 105

BK a- Anh đi ba tháng thì về VNP7 286

b - Rừng thiêng nước độc chớ hề ở lâu VNP7

279. Anh đi buôn, em cũng đi buôn

Em ngồi em nghỉ đầu tròng một mình

Anh đi ngang nghiêng nón làm thỉnh

Em kêu em hỏi:  
 Tâm tình bất biến  
 Tương kiến nghiêm phong<sup>1</sup>  
 Em đây không phải lang dâm chạ  
 Anh đừng đem dạ nghi nan  
 Bút sa xuống giấy ngay hàng  
 Em đây không phải trốn làng bỏ ai.

DCNTB I 88

280. Anh đi chín quận chín châu  
 Không ai như bậu dãi dầu nắng mưa.

CHG 8

281. Anh đi chơi nhớn đâu đây?  
 Phải cơn mưa này ướt áo lấm chân  
 Chậu nước em để ngoài sân  
 Em chờ anh rửa xong chân, anh vào nhà  
 Vào nhà em hỏi tình ta  
 Trăm năm duyên ngãi mặn mà hay không?

CDTH 103

282. Anh đi dù lụa cánh dơi  
 Trong nhà hết gạo, dù ơi là dù!

DCNTB II 150

283. Anh đi dù lụa năm bông  
 Để em cấy mướn một công năm tiền.

DCNTB II 150

284. Anh đi đâu ba bốn năm tròn  
 Để em giã gạo chày con một mình.

CDTH 124

---

<sup>1</sup> *Tâm tình bất biến, Tương kiến nghiêm phong*: lòng dạ không đổi, gặp nhau nghiêm chỉnh đứng đắn.

285. Anh đi đâu bỏ nhện giăng mùng  
Bỏ đôi chiếu lạnh, bỏ phòng quạnh hiu.  
TCBD I 446
286. Anh đi đâu cũng ghé lại nhà  
Trước thăm phụ mẫu sau là thăm em.  
TCBD I 124 TCBD IV 29
287. Anh đi đâu sa quán sả cầu  
Mẹ thầy lau nước mắt, biết con đâu mà tìm.  
DCBTT 238
288. Anh đi đường ấy xa xa a  
Để em ôm bóng trăng tà năm canh  
Nước non một gánh chung tình  
Nhớ ai ai có nhớ mình hay chẳng? b  
HHĐN 212 TCBD I 124, 445 TCBD IV 28 TNPD II 10  
BK a- Anh đi *đằng* ấy xa xa HT 167 VNP1 I 81 VNP7 204  
b- Nhớ ai ai có nhớ mình *chẳng ai?* HT VNP 1I VNP7
289. Anh đi em một ngõ chùng a  
Ngõ sông, sông rộng, ngõ rừng, rừng sâu.  
HHĐN 150 TCBD II 325  
BK a- Ngõ sông, sông rộng, ngõ rừng, rừng *cao* CHG 8
290. (a) Anh đi em ở lại nhà  
Hai vai gánh vác mẹ già con thơ  
Lầm than bao quản muối dưa  
Anh đi anh liệu chen đưa với đời.  
HHĐN 212 TNBD II 211, 508 TNPD II 10 VNP1 I 136 VNP7 278  
Sửa lại: Anh đi *em* liệu... VNP1 I = anh đi *anh* liệu...
- (b) Tiễn đưa một bước lên đường  
Cỏ xanh mấy dãy đôi hàng châu sa  
Anh đi em ở lại nhà

Hai vai gánh vác mẹ già con thơ  
Lầm than bao quản muối dưa  
Anh đi anh liệu chen đua với đời.

TCBD II 470

291. Anh đi ghe, anh đội nón ghe  
Anh về làm rể, anh che cái dù.

DCNTB II 150

292. Anh đi ghe cá cao cờ  
Ai nuôi cha mẹ, ai thờ tổ tiên.

CHG 20

293. Anh đi phe cá mũi Sơn  
Bắt em sàng gạo cho mòn móng tay  
Móng tay, móng vắn, móng dài  
Trồng một cây xoài trái chín trái chua.

HHĐN 265 TCBD II 325

294. Anh đi phe cá trắng lừng  
Ở trên Gia Định xuống Vườn thăm em.

HHĐN 265

295. Anh đi ghe nổi chín chèo  
Bởi anh thua bạc nên nghèo nợ treo  
- Nợ treo mặc kệ nợ treo  
Em bán bánh bèo trả nợ cho anh.

TCBD II 325, 508

296. Anh đi làm mướn nuôi ai  
Cho áo anh rách, cho vai anh mòn?  
- Anh đi làm mướn nuôi con  
Áo rách mặc áo, vai mòn mặc vai.

CDTCM 187 HT 212

297. Anh đi làm thợ nơi nao



Để em gánh đục gánh bàu đi theo.

VNP1 I 142 VNP7 288

298. Anh đi làm thợ nơi nao  
Để em gánh đục gánh bàu đi đưa  
Trời nắng cho chí trời mưa  
Để em cởi áo che cửa cho chàng.

CDTCM 61 TCDG 58

299. - Anh đi lấy vợ cách sông  
Em đi lấy chồng giữa ngõ anh ra  
- Có lấy thời lấy xa xa  
Chớ lấy trước ngõ anh ra, anh buồn  
- Buồn thời cất gánh đi buôn  
Một vốn bốn lãi anh buồn làm chi  
- Buồn vì con gái nữ nhi  
Mẹ cha thách cưới làm chi lữ làng.

CDTCM 127

300. Anh đi leo đèo đường trường  
Công anh chẳng thấy, chỉ thấy những thương cùng sầu  
Lại đây ăn một miếng trầu  
Kẻ mái tóc nhuộm trên đầu hoa râm.

CDTCM 59

301. Anh đi lính hay đi chết nường?  
Cho em nghe cái sướng chút mà  
Cái đồ bỏ mẹ bỏ cha  
Bỏ tình chồng vợ, bỏ bè con thơ  
Sao anh như đại như khờ  
Cứ đòi đi lính, phụng thờ Tây bang  
Mấy lời em gián, em can  
Anh nên nghĩ lại, tính đàng thiệt hơn.

DCNTB I 280

302. Anh đi lộng lụ ba bông  
Bỏ em cấy mướn giữa đồng cây khô.  
HHĐN 150-151, 212
303. - Anh đi lữ thứ Bắc Thành<sup>1</sup>  
Bỏ em khô héo như nhành từ bi.  
- Từ bi léo đá gập ghềnh  
Người thương không tưởng đến mình thì thôi.  
bk a- Anh đi *Lữ Phó Bảo Thành*

DCNTB II 34

304. Anh đi lưu thú Bắc Thành a  
Để em khô héo như nhành từ bi. b  
HHĐN 105 VNP1 II 48 VNP7 348  
BK a- Anh đi *vui thú Bắc Thành* DCBTT 295  
- Để em khô héo như nhành từ bi

305. Anh đi mấy độ xuân rồi  
Hoa đào nhuộm máu, tình đời thêm đau  
Anh ra mang nặng khối sầu  
Xuân về chỉ để cho nhau ngậm ngùi  
Cảnh nhà, khổ lắm, anh ơi  
Có năm thúng thóc vụ mười Tây thu  
Đi buôn những gỡ cháo hồ  
Ít hàng, giặc Nhật lại vừa cướp xong  
Em buồn thân thế long đong  
Em lo loạn lạc, quặn lòng chia ly  
Anh ơi, bom đạn bốn bề a  
Thân anh đi lính, mong về nữa đâu!  
Với em thương tiếc thương sầu

<sup>1</sup> *Bắc Thành*: Thời Nguyễn, Bắc Thành là Hà Nội.

Đời anh nào để mai sau những gì! b  
 Chao ôi, anh chết thảm thê  
 Chết vì ai thế? Chết vì thằng Tây!  
 Chết vì giặc nước căm thay!  
 Đời sau mai mả, đời nay chê cười...

CDTCM 230

BK a- Anh ơi, bom đạn *bê bê* HT 270

b- Đời anh *anh* để mai sau những gì? HT

306. Anh đi mô bỏ quạt lang châu  
 Bỏ khăn vuông tím, bỏ sầu cho em!  
 DCBTT 279
307. Anh đi ngang qua cửa sao không vào  
 Hay là anh có chỗ má đào, phụ em.  
 TCBD I 445
308. Anh đi ngó trước, ngó sau  
 Ngó đồng, ngó ruộng, ngó cây cau mấy buồng.  
 CDTCM 18
309. Anh đi qua bờ giếng  
 Mà mắt anh lúng liếng bờ ao  
 Nước thời không khát, chỉ khát khao duyên nàng  
 CDTCM 56
310. Anh đi ra cay đắng như gừng  
 Đường xa xôi ngàn dặm, khuyên em đừng nhớ thương  
 VNP1 I 61 VNP7 183
311. Anh đi súng ở tay ai  
 Sao không quay lại bắn loài thú chung  
 Anh xem bao kẻ anh hùng  
 Kia ông Đội Cấn<sup>1</sup>, Đội Cung<sup>1</sup> dạo này

---

<sup>1</sup> *Đội Cấn*: Tên đầy đủ là Trịnh Văn Cấn (còn có tên là Trịnh Đạt), thủ lĩnh khởi nghĩa Thái Nguyên. Có thời kì ông làm đội trưởng cơ binh của Pháp nên thường gọi là *Đội Cấn*. Ông quê ở làng Yên Nhiên, phủ Vinh Tường, nay thuộc tỉnh Vinh Yên.

Hồ quân ra cứu đồng bào  
 Súng Tây ông lại bắn vào đầu Tây  
 Tiếng tấm lưng lầy đó đây  
 Sứ xanh ghi mãi những ngày vẻ vang  
 Anh ơi, duyên phận lỡ làng  
 Xin anh để tiếng phi thường cho em  
 Ước gì kẻ lạ người quen  
 Gần xa nhắc đến chông em anh hùng  
 Thu đông lệ nhỏ đôi dòng  
 Anh ơi, em ngỏ tấm lòng cùng anh.

CDTCM 227

312. Anh đi Tây bỏ lại một bầu con dại  
 Đứa dắt đứa bông thảm hại anh ơi  
 Phần thời ruộng khô, phần thời mạ úa,  
 em biết cùng ai cấy nhờ.

DCBTT 169

313. Anh đi Tây làm chi cho thầy thương mẹ nhớ  
 Nghe mấy lời anh hãy quay lui  
 Kéo đêm năm canh châu sa lụy ứa ngậm ngùi  
 Thầy mẹ già yếu, để lại mình tôi lạnh lùng.

DCBTT 171

314. Anh đi tu, cho bạc lông tai  
 Không bằng em cắt nhanh gai giữa đàng.

DCBTT II 158

315. Anh đi tu, chuông mỏng mõ mòn  
 Phật không tương sãi, sãi còn đi tu.

DCBTT 289

---

<sup>1</sup> *Đội cung*: quê ở Thanh Hóa làm đội khố xanh. Năm 1941, ông nổi dậy chống Pháp ở đồn Rạng và Đô Lương (Nghệ An).

316. Anh đi vắng cửa vắng nhà  
Giường loan gối quế, mẹ già ai nuôi?  
- Cá rô anh chặt bỏ đuôi  
Tôm càng bóc vỏ, anh nuôi mẹ già.  
VNP7 238
317. Anh dò ỏi hỏi anh dò  
Có ăn cơm tấm trộn ngô thì vào!  
- Cơm tấm còn đãi dưới ao  
Ngô thời chưa bẻ anh vào làm chi?  
VNP7 237
318. Anh đổ em biết chữ gì trên trời rơi xuống?  
Anh đổ em biết chữ làm gì làm ruộng nuôi ta?  
Anh đổ em biết chữ gì nên việc cửa việc nhà?  
Anh đổ em biết chữ gì thấy người qua chẳng chào?  
- Anh đã đổ thời anh giảng hoà  
Em chẳng biết thời anh có dân làng nghe  
- Vũ là mưa trên trời rơi xuống  
Ngưu là trâu làm ruộng nuôi ta  
Thiếp là vợ nên việc cửa việc nhà  
Nộ là giận thấy người qua chẳng chào  
HT 316
319. Anh đổ em biết huê gì nở trên rừng bạc bội? a  
Anh đổ em huê gì nở nội đồng không?  
Anh đổ em biết huê gì nở bảy, tám lần chông?  
Anh đổ em biết huê gì nở mùa đông trắng vàng?  
- Anh đã đổ thời anh lại giảng qua hoà b  
Em chẳng biết thì anh giảng cho dân nghe c  
- Huê sim huê mua nở trên rừng bạc bội d  
Nhược bằng huê lúa nở nội đồng không

Nhược bằng hoa dứa nở bầy, tám lần chông  
 Nhược bằng huê cải nở mùa đông trắng vàng.

HX 13

BK a- Anh đổ em huê gì nở trong rừng *bạt nội*? HT 316

b- Anh đã đổ thời anh lại giảng *ra* hòa HT

c- Em chẳng biết thời anh giảng *có dân làng* nghe HT

d- Hoa sim hoa mua nở trên rừng *bạt nội* HT

320. Anh đổ me biết lúa mấy cây

Biết sông mấy khúc, biết mây mấy từng

Đổ em quét sạch lá rừng

Để anh khuyen gió gió đừng rung cây.

bk a- Để anh khuyen gió *gió* đừng rung cây

KSK 4a

321. (a) Anh đổ em: cái gì mà thấp cái gì mà cao?

Cái gì sáng tỏ như sao trên trời?

Cái gì em trải anh ngồi?

Cái gì thơ thần ra chơi vườn đào?

Cái gì mà sắc hơn dao?

Cái gì phơn phớt lòng đào, thì em sẽ bảo anh?

Cái gì trong trắng ngoài xanh?

Cái gì soi tỏ mặt anh, mặt nàng?

Cái gì xanh đỏ trắng vàng?

Cái gì ăn phải dạ càng tương tư?

Cái gì thánng đội năm chờ?

Cái gì em đội phát phơ trên đầu?

Cái gì sắc hơn dao cau?

Cái gì tiện chũm cho nhau ăn cùng?

Cái gì mà đỏ hồng hồng?

Cái gì lòng tựa lòng sung như là?

Anh hỏi em, em giải được ra  
 Thì anh kết nghĩa giao hòa cùng am  
 - Em giảng anh nghe: dưới đất thì thấp trên trời thì cao  
 Ngọn đèn sáng tỏ như sao trên trời  
 Chiếu hoa kia em trái anh ngồi  
 Con bướm kia hay thơ thẩn ra chơi vườn đào?  
 Con mắt anh sắc hơn dao  
 Trứng gà phơn phớt lòng đào hỏi anh  
 Quả đu đủ trong trắng ngoài xanh  
 Gương tàu soi tỏ mặt em mặt chàng  
 Chỉ ngũ sắc xanh đỏ trắng vàng  
 Bùa yên ăn phải dạ càng tương tư  
 Yêu nhau tháng đợi năm chờ  
 Cái nón em đội phát phơ trên đầu  
 Con dao lá trúc sắc hơn dao cau  
 Quả cau tiện chũm cho nhau ăn cùng  
 Sơn tàu mà đỏ hồng hồng  
 Lòng vả cũng giống lòng sung đó mà  
 Anh hỏi em, em xin giảng ra  
 Thế thì kết nghĩa giao hòa với nhau.

bk a- *Miệng người mà sắc hơn dao*

b- *Khăn nhiễu tam giang em đội phát phơ trên đầu*

NGCK 197a- 198a

(b) Anh đổ em: cái gì mà thấp cái gì mà cao?

Cái gì sáng tỏ hơn sao trên trời?

Cái gì em trái anh ngồi?

Cái gì thơ thẩn ra chơi vườn đào?

Cái gì mà sắc hơn dao?

Cái gì phơn phớt lòng đào, thì em bảo anh?

Cái gì trong trắng ngoài xanh?  
Cái gì soi tỏ mặt anh, mặt nàng?  
Cái gì xanh, đỏ, trắng, vàng?  
Cái gì ăn phải dạ càng tương tư?  
Cái gì năm đợ tháng chờ?  
Cái gì em đội phát phơ trên đầu?  
Cái gì sắc hơn dao cau? a  
Cái gì tiện chũm cho nhau ăn cùng?  
Một quan là mấy trăm đồng?  
Một mối tơ hồng là mấy trăm dây?  
Một cây là mấy trăm cành?  
Một cành là mấy trăm hoa?  
Em ngồi em giảng cho ra  
Thì anh kết nghĩa giao hòa cùng em  
Em thưa rằng: dưới đất thì thấp, trên trời thì cao  
Ngọn đèn sáng tỏ hơn sao trên trời  
Chiếu hoa em trái anh ngồi  
Đêm nằm tơ tưởng ra chơi vườn đào  
Con mắt anh sắc hơn dao  
Trúng gà phơn phớt lòng đào hỡi anh!  
Tre non trong trắng ngoài xanh  
Gương tàu soi tỏ mặt anh mặt nàng  
Chỉ ngũ sắc xanh đỏ trắng vàng  
Bùa yêu ăn phải, dạ càng tương tư  
Đôi ta năm đợ tháng chờ  
Cái nón em đội phát phơ trên đầu  
Con mắt anh liếc sắc hơn dao cau b  
Cau non tiện chũm cho nhau ăn cùng



Một quan là sáu trăm đồng<sup>1</sup>  
 Một mối tơ hồng là sáu trăm dây  
 Một cây là sáu trăm cành  
 Một cành là sáu trăm hoa  
 Em ngồi em giải đã ra  
 Thì anh kết nghĩa giao hòa cùng em!

VNP1 II 126-127 VNP7 405

BK a- Cái gì sắc hơn dao *câu* THĐQ 34

b- Con mắt *em* liếc sắc hơn dao *câu* THĐQ

c- Em ngồi em *giảng* đã ra HT 300

(c) Anh đố em:

Cái gì thấp (*đất*) mà cao? (*trời*)

Cái gì sáng tỏ như sao trên trời? (*ngọn đèn*)

Cái gì anh trải em ngồi? (*chiếu hoa*)

Cái gì thơ thẩn ở nơi vườn đào? (*gió đông*)

Cái gì mà sắc hơn dao? (*nước*)

Cái gì phơn phớt lòng đào bảo anh? (*trứng gà*)

Cái gì trong trắng ngoài xanh? (*tre non*)

Cái gì soi tỏ mặt anh, mặt nàng? (*gương tàu*)

Cái gì xanh đỏ trắng vàng? (*chỉ ngũ sắc*)

Cái gì ăn phải dạ càng tương tư? (*bùa yêu*)

Cái gì tháng đợi ngày chờ? (*nhân ngãi*)

Cái gì em để phát phơ trên đầu? (*cái khăn*)

Cái gì sắc hơn dao *câu*? (*con mắt*)

Cái gì tiện chũm cho nhau ăn cùng? (*cau non*)

TNCD 108

Xem thêm C 94

---

<sup>1</sup> *Một quan là sáu trăm đồng*: Quan là một đơn vị để tính tiền. Có hai loại quan tiền: quan 100 đồng (gọi là quan ngắn) và quan 600 đồng (còn gọi là quan dài).

322. Anh đố em đếm hết sao trời  
Đây anh kết tóc ở đời với em  
- Trên trời biết mấy muôn sao  
Biết dạ anh ở thế nào mà mong.  
DCBTT 210
323. Anh đừng chê thiếp xấu xa  
Bởi chưng bác mẹ sinh ra thế này.  
TCBD I 597 TCBD II 189 TNPĐ I 17
324. Anh đừng ham cái bông quế, bỏ phé cái bông lài  
Mai sau quế rụng, bông lài thơm xa.  
HHĐN 151 TCBD I 445 VNP7 211
325. Anh đừng lên xuống uống công  
Tai nghe thầy mẹ nói không đi rồi  
HHĐN 151
326. Anh đừng thấy cá phụ canh  
Thấy tòa nhà ngói, phụ tranh rừng già.  
DCNTB II 150
327. Anh đứng cây sanh, em đứng cây đa  
Nước mắt nhỏ sa, khăn xô sa anh chùi không ráo  
Chéo áo em chấm không khô  
Ví dầu em có nơi mô  
Để anh đi thác xuống ao hồ rạng danh.  
DCNTB II 56
328. Anh đừng cầm bút ngâm bài  
Nhớ ơn nghĩa bạn, quên mài nghiên châu.  
DCNTB I 217
329. Anh em cốt nhục đồng bào  
Kẻ sau người trước phải hầu cho vui  
Lọ là ăn thịt ăn xôi

Quý hồ ở nét tới lui bằng lòng.

TNPD II 11

BK a- Kể sau người trước phải hào cho vui

CDTCM 266 TCDG 62

330. Anh em cốt nhục đồng bào

Vợ chồng là nghĩa lễ nào chẳng thương?

a

HHĐN 212 TCBD II 309, 325

331. Anh em chín họ mười đời

Hai người cùng có, chẳng rời nhau ra

Chị em cùng khúc ruột rà

Kẻ giàu người khó, họ xa tám đời.

CDTCM 267 HT 219

332. Anh em hiền thật là hiền

a

Chỉ vì đồng tiền sinh mất lòng nhau.

b

NGCK 187b

BK a- Anh em *thì cực* là hiền ĐNQT 82b

- Anh em *thì thật* là hiền LHCD 7b

- Anh em *thì thậm* là hiền ANPT 9a NASL IV 10b

- Anh em *thật thậm* là hiền TNPD I 18 TCBD II 309

- Anh em *vốn thật* là hiền CVPD 23

- Chị em *thì thật* là hiền VNP1 II 102 VNP7 103

- Chị em *ăn ở thậm* hiền NASL I 39a

b- Chỉ vì đồng tiền mà mất lòng nhau VNP1 II VNP7

- Chỉ vì đồng tiền đến mất lòng nhau NASL IV

- Bởi *một* đồng tiền *nên* mất lòng nhau ANPT

- Bởi *một* đồng tiền *làm* mất lòng nhau NASL I

HT 218 TCBD II TNPD I

333. Anh em mình chừ bàn chuyện đi khơi

Ba buồm hai lái vời hẵn hiền

Hàng ngày thường có đồng tiền  
Chẳng hơn cô mi ngòi chát ngát làm duyên thể thường.

DCNTB II 128

334. Anh em nào phải người xa  
Cùng chung bác mẹ một nhà cùng thân  
Yêu nhau như thể tay chân  
Anh em hòa thuận hai thân vui vầy.

CDND 24 HHĐN 94 TCBD IV 17

335. Anh em như chân như tay  
Như chim liền cánh, như cây liền cành.

NASL I 38a

336. Anh em như chân như tay  
Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần.

HT 217

337. Anh em như thể chân tay  
Vợ chồng như áo cởi ngay lên lìa.

ĐNQT 82b HHĐN 88 LHCD 7b

BK a- Anh em như *chân như tay*

NGCK 94b TCBD II 309 THPD I 18

338. Anh em sắp lại cho đều  
Ai mà lỗi nhịp thì hèo vào song!

bk a- Ai mà lỗi nhịp thì hèo vào *hông!*

DCTH 120

339. Anh em ta lập đám lên đây  
Đã lập nên đám thì xây nên đường

Nghĩa ngãi đôi đường tự cổ chí kim<sup>1</sup>

Đôi dân nước nghĩa, tự cổ lòng tai<sup>2</sup>

Ngàn năm vàng đá không phai.

HT322

340. Anh em tứ hải giao tình  
Tuy rằng bốn bể nhưng sinh một nhà.

TCBD II 351

341. Anh em gặp đây, anh hỏi một lời  
Nào ai sinh tô, nào ai sánh tộ  
Nào ai sinh đường thượng lộ  
Nào ai chuốt bộ kỹ trà  
Nào ai sinh phụ mẫu, phụ mẫu đà sinh em?

DCNTB II 50

342. Anh gặp em đây là việc Trời đề  
Bình minh chí tối không hề chộ<sup>3</sup> ai.

DCBTT 117

343. Anh gặp em như nem gặp rượu  
Như bình ngọc liễu cắm đóa hoa tiên  
Gái như em đây cũng ra tay chính thất  
gặp được trai hiền tài ba.

DCBTT I 218

344. Anh giàu quần đôi ba bức  
Đây em nghèo, quần áo chín mười tua  
Mưa tuôn trước mặt gió lùa sau lưng  
Em nghèo tự bụng anh ưng  
Lam vòng chồng vợ sau đưng tiếng chi.

DCNTB I 218

<sup>1</sup> *Tự cổ chí kim*: từ xưa đến nay

<sup>2</sup> *Tự cổ tòng lai*: Từ trước đến giờ.

<sup>3</sup> *Chộ*: thấy, gặp.\*

345. Anh giàu trong trứng giàu ra  
 Em khó tù thuở mẹ cha sinh thành  
 Sinh được ra anh  
 Anh giàu em khó  
 Cũng được hơn người  
 Phòng khi đi chơi  
 Chồng xinh vợ lịch  
 Lên chùa Thiên Tích  
 Thấy chữ bia truyền  
 Lấy được anh hiền  
 Cũng nên danh giá  
 Bạn đến chơi nhà  
 Anh gọi em ra  
 Một dạ đôi vâng  
 Tay nâng coi trầu  
 Trước chiều anh sau ra thết bạn  
 Bạn trở ra về  
 Một mình em gánh cả giang sơn.

QHBN 214

346. Anh gương cung anh bắn con chim huỳnhnh a  
 Anh ơi! Hoan hoan hỉ hỉ b  
 Em nghĩ lại con vật nó cũng như mình c  
 Sè lông đỡ đạn, lánh mình khỏi tên.  
 d

bk a- Gương cung anh bắn con chim quỳnh

b- Nó kêu hoan hoan hỉ hỉ

c- *Anh ơi khoan đã!* Con vật nó cũng như mình

d- *Nó lẻ đôi chích bạn, một mình bơ vơ*

DCNTB II 12

Sửa lại: *hủy hủy = hỉ hỉ*

347. Anh Hai như con nhà giàu  
 Em như cành quế bên Tàu gửi sang  
 Anh Ba như cánh phượng song loan  
 Em như nọ rửa hoa tàn đêm khuya  
 Anh Tu như khóa ngọc long thìa  
 Em như trấu sẩy lọt nia ra gì  
 Cho nên em chả dám bì  
 Vợ anh vàng bảy em thì thau ba  
 Muốn cho sum họp một nhà  
 Thử xem vàng bảy thau ba thế nào?  
 Muốn cho giếng ở gần ao  
 Thử xem đôi nước, nước nào trong hơn?  
 Trong trong đục đục quản chi  
 Trong thì rửa mặt đục thì chao chân.

QHBN 215

348. Anh ham giàu là anh ham dại  
 Của hoạnh tài<sup>1</sup> người lại mau hư.

349. Anh ham xóc đĩa cò quay  
 Máu mê cờ bạc. lại hay rượu chè  
 Eo sèo công nợ tứ bề  
 Kẻ lòi người kéo, ê chề lắm thay!  
 Nợ nần em trả, chàng vay  
 Kiếp em là kiếp kéo cày đứt hơi!

HT233

350. Anh hùng ẩn sĩ qui điền  
 Kiếm nơi cha thảo mẹ hiền gửi thân.

HHĐN 151

---

<sup>1</sup> Hoạnh tài: của phi nghĩa.

351. Anh hùng đến đó thì vô  
 Không vô rồi lại trách vô vô tình  
 Không vô có lẽ đi chi  
 Đi *chi* đến đó trách *chi chi* mà?  
 HPV 98
352. Anh hùng gì anh hùng rơm a  
 Ta cho mớ lửa hết cơn anh hùng. b  
 HHĐN 256  
 BK a- Anh hùng là anh hùng rơm ĐNQT 81b  
 b - Tao cho mớ lửa *mất* cơn anh hùng NGCK 187a  
 - Tôi cho mớ lửa *mất* cơn anh hùng LHCD 5a  
 - Cho một bó lửa hết cơn anh hùng TCBD I 399  
 - Tôi cho *nắm* lửa hết cơn anh hùng TCBD II 189  
 TNPD I 18  
 - Đốt cho môi lửa *mất* cơn anh hùng ĐNQT  
 - Tôi xin *nắm* lửa *mất* gan anh hùng NQPN 8
353. Anh hùng khi gặp khúc lươn a  
 Khi quán thì ngắn khi vượn thì dài. b  
 LHCD 5a  
 BK a- Anh hùng *được* *mấy* khúc lươn ĐN QT 81a  
 - Anh hùng *gặp phải* khúc lươn NASL II 42 b  
 - Anh hùng *ráp phải* khúc lươn TCBD I 399 TNPD I 18  
 b- Khi *cuộn* thì ngắn khi vượn thì dài ĐNQT  
 - Khi *gấp* thời ngắn khi vượn thời dài NASL II TCBD I TNPD I
354. Anh hùng trường trái chín châu  
 Tới đây lâm lụy phải đầu nhà người.  
 CHG 29
355. Anh kia đi ô cánh dơi  
 Để em làm cỏ mồ hôi ướt đầm



Có phải đạo vợ, nghĩa chồng  
Thì mang ô xuống cánh đồng mà che.

CDTCM 59

356. Anh kia lịch sự đi đàng  
Mời anh hãy ghé vào hàng nghỉ ngơi  
Tay nâng chén rượu toan xơi  
Tay gạt nước mắt: thiệp ời, chàng về!  
- Chàng về thiệp cũng như mê  
Thiệp ở chàng về chàng nghĩ làm sao  
Đôi bên đông liễu tây đào  
Dạ sâu ngao ngán làm sao bây giờ?

TCBD I 123 TNPD II 13

357. Anh khoe có tỏi anh cay  
Giấm chua hơi mẻ, ra tay phen này  
Em đây cũng chẳng chịu thua  
Hành hăng hơn ớt, chanh chua hơn phèn.

CDTCM 267

358. Anh khôn mà vợ anh đần a  
Lấy ai đãi khách xa gần cho anh. b

ANPT 12a ĐNQT 87a THQP 24b

BK a- Anh khôn *nhưng* vợ anh đần NASL II 16a

TCBD I 119, 248 THPD I 18 VNP7

b- Lấy ai *lo liệu* xa gần cho anh NASL II TCBD I

THPD I VNP7

- Lấy ai *đưa đón khách gần khách xa* CDTCM

359. Anh khôn ngoan cũng ở dưới ông Trời  
Em là chim én đổi đời thượng thiên.

DCNTB II 92

360. Anh không lấy được em ngoan  
Nghe chi những miệng thế gian nhọc lòng

Yêu nhau em vợ, anh chồng  
 Kìa con bướm liệng cành hồng nhỡn nhơ.

CDTH 106

361. Anh không lên voi, lên voi thì phải cầm võ  
 Anh không lên ngựa, lên ngựa thì phải nắm dây cương  
 Anh không cầm chèo, cầm chèo thì phải vắn vương  
 Vắn vương thì vắn, đã có tình thương ai rồi.

DCBTT 87

362. Anh không nghe thân phụ, sợ thất hiếu với thân phụ  
 Nghe thân phụ thì thất hện với hiền thê  
 Vì chưng anh mắc lấy đôi bề  
 Thiếp có thương thì ơn thiếp, thiếp có chê cũng bằng lòng.

DCBTT 189

363. Anh không phải người đặng chim quên ná  
 Anh không phải người đặng ná quên nơm  
 Thiếp trông chàng như dạ đối trông com  
 Chàng trông thiếp như hồng kia trông nhận  
 Đêm năm canh lòng ta tưởng bạn  
 Ngày sáu khắc dạ nhớ chờ trông  
 Bữa nay vắng bạn ta buồn  
 Muốn đi thăm bạn, sợ các ngã nguồn đều hay...

DCNTB II 128

364. Anh là con cái nhà ai  
 Anh mặc áo trắng cho phai mất màu  
 Anh về anh nhuộm mùi nâu.

NASL III 18a

365. Anh là con cái nhà ai  
 Cái đầu bờm xợp, cái tai vật vờ  
 Com no rồi lại ngồi bờ

Con chó tưởng chuột nó vô mất tai.

CDTH 77 HT 118

- 366.** Anh là con trai học trò  
 Em là thách cưới thế anh lo thế nào?  
 Em khoe em đẹp như sao  
 Để anh lận đận ra vào đã lâu  
 Mẹ em thách cưới cho nhiều  
 Thử xem anh nghèo có cưới được không?  
 Nghèo thì bán bể bán sông  
 Anh cũng cố cưới lấy công ra vào  
 Cưới em trăm tám ông sao  
 Trăm tám lụa đào mười cót trâu cau  
 Cưới em một trăm con trâu  
 Một nghìn con lợn, bò câu tám nghìn  
 Cưới em tám vạn quan tiền  
 Để làm tế lễ gia tiên ông bà  
 Cưới em một chĩnh vàng hoa  
 Mười chum vàng cốm bạc là trăm nong  
 Cưới em ba chum mật ong  
 Mười thúng mỡ muối ba nong quýt đầy  
 Họ hàng ăn uống no say  
 Mười ngày ròn rã mặc dày xương ca  
 Tiếng đồn đã khắp gần xa  
 Sơn Tây, Hà Nội đồn ta lấy mình  
 Tiếng đồn Nam Định, Ninh Bình  
 Bắc Ninh, thành Lạng đồn mình lấy ta.

TNCD 113

- 367.** Anh là con trai lau tàu  
 Anh đi nắm giẻ lọ dầu anh đâu?

NGCK 175b

368. Anh là con trai Nam Sang  
 Nước lớn ngang đàng, vác đầu đi đong  
 Anh đong tỉnh Bắc, tỉnh Đông  
 Trở về anh lại sang đong tỉnh Đoài  
 Tỉnh Bắc giá thóc mười hai  
 Tỉnh Đông mười tám, tỉnh Đoài hai mươi.

HT 136, 137 TCBDII 516 TNPDII 13

VNP1 II 163 VNP7 126, 127

369. Anh là con trai nhà nghèo  
 Nàng mà thách thế anh liêu anh lo  
 Cưới em anh nghĩ cũng lo  
 Con lợn chẳng có, con bò thì không  
 Tiền gạo chĩnh có một đồng  
 Thiên hạ hành xứ cũng không đỡ đần  
 Hôm qua dạo phố cầm kẩn  
 Cầm được đồng bạc để dành cưới em  
 Ba hào anh để mua tem  
 Gửi thư mời khắp anh em xa gần  
 Trăm năm kết nghĩa Châu Trần<sup>1</sup>  
 Nhớ ngày kết nghĩa giao loan với mình  
 Họ hàng ăn uống linh đình  
 Cả tỉnh Hà Nội đồn mình với ta  
 Hào tư anh để mua gà  
 Sáu xu mua rượu, hào ba đi tàu  
 Bảy xu anh để mua cau

---

<sup>1</sup> *Châu Trần*: Tên một thôn (nay thuộc huyện Phong, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc) chỉ có hai họ Châu, Trần đời đời làm thông gia với nhau. Thơ Bạch Cư Dị có câu: “Từ Châu Cổ Phong huyện, hữu thôn viết Châu Trần, nhất thôn lưỡng duy tính, thế thế vi hôn nhân” (huyện Phong xưa ở đất Từ Châu, có một thôn gọi Châu Trần; một thôn chỉ có hai họ đời đời làm thông gia với nhau). Trong văn học cổ, Châu Trần dùng để chỉ việc kết hôn xứng đôi đẹp lứa.

Một hào mua gói chè tàu uống chơi  
 Một hào cả đồ lẫn xôi  
 Một hào gạo tẻ với nồi rau dưa  
 Anh ngồi anh tính cũng vừa  
 Cưới em đồng bạc chẳng thừa một xu.  
 CDHN 160 - 161

370. Anh là con trai nhà nghèo  
 Nàng mà thách thế anh liều anh lo  
 Cưới em anh nghĩ cũng lo  
 Con lợn chẳng có, con bò thì không  
 Tiền gạo chẳng có một đồng  
 Thiên hạ hành xứ cũng không đỡ đần  
 Sớm mai sang hiệu cầm khăn  
 Cầm được đồng bạc để dành cưới em  
 Ba hào mua giấy mua tem  
 Mời khắp thiên hạ anh em xa gần  
 Thiên hạ hành xứ đồn âm  
 Sơn Tây, Hà Nội đồn mình lấy ta  
 Một hào thì để mua gà  
 Bảy xu mua rượu hào ba đi tàu  
 Sáu xu mua lấy trăm cau  
 Hào tư mua gói chè tàu uống chơi  
 Sáu xu gạo nếp thổi xôi  
 Với một xu mỡ và mười xu dưa  
 Cưới em đồng bạc cũng vừa  
 Tính đi tính lại vẫn thừa ba xu.  
 CDHN 160 - 161

371. Anh là con trai út ở nhà  
 Anh đi kén vợ đàng xa quê người

a

Thấy em đẹp nét lại tươi răng vàng  
 Vậy nên anh gửi thơ sang  
 Tình cờ anh quyết lấy nàng mà thôi.

b

TCBD I 18 TCBDIV 122 TNPDII 12

BK a- Anh là con út trong nhà THĐQ 8

b- Anh em đây chỉ quyết lấy nàng mà thôi THĐQ

372. Anh làm rể bên em, có cha mà không có mẹ  
 Em làm dâu bên anh, có mẹ mà không có cha  
 Bữa ăn nước mắt nhỏ sa  
 Thân phụ ơi thân phụ! Đi đâu mà bỏ con?

DCNTB II 157

373. Anh lạnh cưới vợ cho lạnh  
 Đến khi có khách đỡ anh trăm bề.

DCNTBII 91

374. Anh lấy em về thờ kính mẹ cha  
 Rồi sau coi sóc cửa nhà cho anh.

NGCK 193 b

375. Anh lên Bắc Đẩu, Nam Tào  
 Vợ anh như chổi quét vào lò than  
 Anh ngồi anh thổi anh than  
 Vợ anh thua kém thế gian mười phần  
 Người ta kém có năm phần  
 Vợ anh kém cả mười phần anh ơi.

NASL II 12b

376. Anh lên đường ngược làm chi  
 Những non cùng núi, những khe cùng đồi  
 Anh về Do Ngãi cùng tôi  
 Cửa cao nhà rộng, tiện nơi học hành.

CDTCM 60

377. Anh lính là anh lính ơi!  
Em thương anh lính nắng nôi nhọc nhằn  
Ví dụ em được nâng khăn  
Thì em thu xếp cho anh ở nhà  
Từ ngày anh bước chân ra  
Đến kỳ canh gác ắt là đông binh  
Thương anh, em để bên mình  
Vì việc triều đình quan bắt phải đi  
Thương anh đi lính hàn vi  
Anh thì vui gượng, em thì sầu riêng.  
CDTCM 222-223
378. Anh là anh lính ơi!  
Em thương anh kính nắng nôi, sương hàn  
Lính vua, lính chúa, lính làng  
Ai bắt ra lính cho chàng phải đi  
Thương chàng như lá đài bi  
Ngày thí dãi nắng, đêm thì dầm mưa  
Nhớ chàng ra ngẩn vào ngơ  
Biết rằng quan cắt đến cơ độ nào?  
CDTCM 222
379. Anh lo phận anh chưa có vợ  
Em có chồng rồi duyên nợ lời thôi  
Hiu hiu gió thổi lò vôi  
Ai đem tin cho bạn, đây ta có đôi, bạn buồn.  
TCBD I 445
380. Anh lui về tằm năm miếng trầu cho tốt  
Chuốc một chén rượu cho đầy  
Đặt lên chàng kỷ, bàn xây  
Anh đứng đó, em lại đứng đây

Để em thừa mẹ, để em bản thầy  
 Người có y tâm chước lượng bạn này ta trao duyên.

DCBTT 191-192

381. Anh lui về thừa với thầy se sẽ bầm với mẹ ở nhà  
 Để cho đôi ta kết nghĩa giao hòa với nhau.

DCBTT 182

382. Anh mà lui chân nhóm gót khỏi cười<sup>1</sup>  
 Em có lạng vàng cũng khó được, tiếng cười cũng không.

DCBTT 198

383. Anh mển chậu hoa hường, anh dốc lòng dựng xén  
 Ước trồng đặng bén, sớm trở hương nồng  
 Ai dè đâu phải trận gió đông  
 Làm rời hồng rã lục, cho hường lạt hương nồng  
 Dầu anh gan sắt dạ đồng  
 Chia tình cảnh ấy, sao lại không nã phiên.

DCNTBII 9 HT 433

Sửa lại: Làm rời hồng.... HT = làm rời hồng...

384. Anh mong bắt cá chuồn chuồn  
 Khi vui nó lội khi buồn nó bay  
 Chim trời cá nước chi đây  
 Các lội đặng cá, chuồn bay đặng chuồn.

CDTH 141

385. Anh mong cho cả gió đông  
 Cho thuyền tới bến, anh trông thấy nàng.

CDTCM 18

386. Anh mong chuốt ná lau tên  
 Nhận đâu chẳng bền, công uống danh hư.

DCNTBI 219

---

<sup>1</sup> Cười: sân (tiếng địa phương).\*



387. Anh mong đi giã thuyền nào  
Để em sắm sửa con dao ăn trầu  
Con dao ăn trầu cho lẫn cần câu  
Cái mũ đội đầu, cái dải thắt lưng  
Sắm sanh đủ thứ xin đừng lo chi.  
CDTH 139
388. Anh mong đưa đón em về  
Nhưng thuyền thuê lưới mượn sợ ông nhà nghề  
không để cho yên  
Nói năng chi nữa làm phiền  
Đầu rồng đã gói tay tiên còn gì.  
DCNTB I 91
389. Anh mong gửi cá cho chim  
Chim bay ngàn dặm cá chìm biển Đông.  
HHĐN 43, 212  
BK a- Chim bay ngàn dặm cá chìm biển Đông  
TCBD I 316
390. Anh mong làm bạn với trời  
Trời cao, anh thấp biết đời nào quen.  
CDTH 80
391. Anh mua cho em cái yếm hoa chanh  
Ra đường bạn hỏi, nói của anh cho nàng.  
CDTCM 18
392. Anh muốn cầu con cá gáy bốn đòn  
Con cá sơn, con cá móm anh ngồi bòn cũng ra.  
DCBTT 205
393. Anh muốn trông  
Anh lên Ba Dội anh trông  
Một Dội anh trông

Hai Dội anh trông  
 Trống thu không ba hồi điểm chỉ  
 Anh ngồi anh nghĩ  
 Thở vắn than dài  
 Trúc nhớ mai  
 Thuyền duyên nhớ khách  
 Quan nhớ ngựa bạch  
 Bóng lại nhớ cây  
 Anh nhớ em đây  
 Biết bao giờ mới được b  
 Đạo vợ chồng chẳng trước thì sau  
 Trăm năm xin chớ quên nhau. c

LHCD 54a

BK a- Một Dội anh *ngồi* ĐNQT 115 b

TCBDI 125 TNCD 105 TNPDII 14 THQP 17b

b- Anh nhớ em đây

Biết được bao giờ

TCBDI TNCD TNPDII

- ĐNQT chỉ chép đến dòng này

c- *Nghìn* năm xin chớ quên nhau THQP

- Yêu nhau xin nhớ lời nhau TNCD

Sửa lại: - *Đội* LHCD ĐNQT, *Dội* THQP

- *Dịp* TNCD = *Dội*

Nhớ *câu* TCBD TNPDII = nhớ *cây*

394. Anh nay con trai Hải Phòng  
 Chạy tàu Phi THỎ vào trong Ninh Bình  
 Thấy em thấp bé mà xinh  
 Anh thuận nhân tình, anh nắm cổ tay  
 Năm rồi anh hỏi cổ tay:

- Ai nặn nên trắng, ai xây nên tròn?

VNP1 II 73 VNP7 364

395. Anh nay đương lúc còn trai  
 Anh đi học tập ở nơi kinh kỳ  
 Chiếu vua mới mở khoa thi  
 Anh sấm nghiên bút vào thi đồ liền  
 Khoa trước thời đồ giải nguyên  
 Khoa sau tiến sĩ đồ liền hai khoa  
 Vinh quy bá tử về nhà  
 Ăn mừng khai hạ có ba bốn ngày.  
 NASL II 19b
396. Anh nay quyết chí đi tu  
 Tam qui<sup>1</sup> ngũ giới<sup>2</sup> tu chùa Hồ Sen  
 Thấy cô má phấn răng đen  
 A đi đà Phật anh quên mất chùa.  
 NASLIV 22b
397. Anh nay tứ hải giang hồ  
 Về đây sông nhỏ, sóng xô mặc lòng!  
 Hỡi cô con gái chưa chồng!  
 Trông con sào vắn má hồng đừng phai.  
 DCTH 91
398. Anh này có tính hoang toàng  
 Rượu chè cờ bạc làm ngang không chừa.  
 TCBD II 189 TNPDI 18
399. Anh này rõ khéo làm ăn  
 Đi cày chẳng biết, chít khăn mượn người.  
 HT 117 TCBDII 189 TNPDI 18

<sup>1</sup> *Tam quy* (Ba điều theo): quy phật, quy pháp, quy tăng.

<sup>2</sup> *Ngũ giới* (Năm điều răn): không sát sinh; không trộm cắp, không tà dâm, không nói bậy; không uống rượu ăn thịt.\*

400. Anh về số phận ra trò  
Về nhà, cả cạo, cả mò trong niêu.  
TCBDII 142 TCBDIII 189 TNPDI 18
401. Anh nằm cầm ống than với ngọn đèn hồng  
Tuy anh lặn liều nhựa chạnh lòng nhớ em.  
TCBDI 269
402. Anh nâng lên gối làm quen  
Trước hết nhân ngãi, sau men vợ chồng.  
DCBTT 229
403. Anh ngả tay ra cho đề bốn chữ “vạn thọ vô cương”<sup>1</sup>  
Ở đây thì anh nói rằng thương  
Nay mai anh lui về chốn cũ  
Anh nỏ tơ vương chi cõi này.  
HPV 109
404. Anh ngán cho ai, nhành mai đang thắm  
Chẳng xứng tay cầm, uống nhánh mai tươi.  
DCTB I 183
405. Anh nghe em đau đầu chưa khá  
Anh băng ngàn bẻ lá em xông  
Biết mần răng cho đó vợ đây chồng  
Để mồ hôi ra thì anh chấm, ngọn gió nồng anh che.  
HT 389 HPV 109
406. Anh nghe tiếng hát đâu đây  
Anh về đóng chiếc tàu tay đi tìm  
Trên thì lông chim, dưới thì gà chọi  
Anh hát câu này bằng gọi em ra.  
NGCK 134b  
*Xem thêm T 1706*

---

<sup>1</sup> Vạn thọ vô cương: sống lâu đến vô cùng.\*

407. Anh ngó lên mây bạc chín từng  
Thấy đôi chim nhạn, nửa mừng nửa thương  
Ngó lên mây trắng trời hồng  
Thương em hỏi thiệt em có chồng hay chưa?  
DCNTB I 218
408. Anh ngó lên trời thấy đám mây bạch  
Anh ngó xuống lòng lạch thấy con cá chạch đở đuôi  
Nước chảy xuôi con cá buôi lội ngược  
Anh mắng thương nàng biết được hay không?  
HT 450
409. Anh ngồi bậc lở anh câu  
Khen ai khéo mách, cá sấu chẳng ăn. a  
CHG 2 DCNTB II 183  
BK a – Khen ai khéo mách, cá sấu *không* ăn CVPD 4
410. - Anh ngồi bờ cỏ xót xa  
Vô đây em trải chiếu hoa cho ngồi  
- Chiếu hoa để cha mẹ em ngồi  
Phận anh làm rể không dám ngồi chiếu hoa  
Tới đây ngồi tạm lá dứa  
Chiếu trải mặc chiếu, anh chưa dám ngồi  
DCNTB II 35
411. Anh ngồi ghé đầu đề thi  
Quên câu, lống chữ cũng vì thương em.  
DCNTB II 114
412. Anh ngồi phần thủ trống reo  
Miệng kêu ghe ghé chân trèo xuống thang.  
CHG 5 HHĐN 67
413. Anh ngồi thuyền ngự cao cờ  
Xin anh đoái thiệp đặng nhờ tấm thân.  
CHG 4

414. Anh ngồi trước mũi ghe lê  
Chớ chi em đặng ngồi kề một bên.  
CHG 5 DCNTB I 219
415. Anh ngồi vực lở quăng câu  
Khen ai xúi giục con cá sấu không ăn  
Con cá không ăn câu con cá đại  
Con cá ăn câu anh thì có ngãi có nhân.  
CDTCM 247
416. Anh ngồi vực thăm anh câu  
Sẩy chân rớt xuống vực sâu cái ầm  
DCNTB II 85
417. Anh ngồi xuống đây cho em phân trần sau trước  
Ngày xưa sông Ngân, Ô Thước  
không bắt được cầu ngang  
Ví dầu duyên nợ cách trở đôi đàng  
Cầu cho anh sớm thành đôi bạn,  
em có trở nhụy vàng cũng cam tâm.  
DCBTT 154
418. Anh nguyên cùng em chợ Rã cho chí cầu Đồi  
Nguyên lên cây Cốc, vạ Gò bồi giao long  
Anh nguyên cùng em thành cự cho chí thành tân<sup>1</sup>  
Cầu Chàm, đập Đá giao lân kết nguyên  
Anh nguyên cùng em chợ Đồng cả bán mua  
Cầm dao cắt tóc thề chùa Minh Hương  
Anh nguyên cùng em Trung Dinh,  
Trung Thuận cho chí Trung Liên  
Trung Định, Trung Lí cùng nguyên giao ca  
Anh nguyên cùng em trăm tuổi đến già

---

<sup>1</sup> Thành Cự, thành tân: thành cự là Đồ Bàn, thành tân là Quy Nhơn.

Dù cho sông cách biển xa, cũng kể là gần.

DCNTB I 246

- Anh chớ nghe lời miệng thế bày mưu

Mà anh gây oán, gây cừu giận em.

DCNTB I 144

420. Anh nguyên thưởng bậu một dao  
Răn người lòng mạn, dạ đào líu lằng.

TCBD I 469

421. Anh nguyên với em có mặt nhật, mặt nguyệt  
Có đường thủy kiệt, có núi sơn lâm  
Dầu anh lỗi đạo tình thâm  
Hồn về chín suối, xác cầm dương gian.

DCBTT 159

422. Anh nhẩn tôi ra chợ huyện, cho một quan tiền  
Phải khi vỡ chợ, tôi liền về không  
Chạy một thôi ra đến tận cánh đồng  
Hai hàng nước mắt đầm đầm như mưa  
Hỡi bà hàng cầu Lũng, còn sớm hay trưa?  
Đường về quan họ, có vừa hay chăng?  
Yêu nhau chả nói chả rằng  
Hay là tôi ở, chẳng bằng lòng mẹ cha.  
Chợ Ó có phố cây đa  
Đường về quan họ thật là chang chang  
Đây chờ năm, sáu người ngoan  
Có đi tôi đợi, có sang tôi chờ  
Chờ cho nước cạn phơi bờ  
Còn bốn em bé nương nhờ vào đâu  
Con cá rôì nấp vũng chân trâu  
Trăm con chỉ thắm, nó châu đầu vào

Muốn tắm mát xuống ngọn sông Đào  
 Muốn ăn sim chín thì vào rừng xanh  
 Đôi tay vít lấy đôi cành  
 Quả chín thì chấy quả xanh thì đừng  
 Vào rừng chả biết lối ra  
 Thấy cây núc nác ngỡ là vàng tâm  
 Thế gian lắm kẻ phải nhâm.

QHBN 320 – 321

Xem thêm E 96 M 757, 758, 759.

423. Anh nhất kì tâm<sup>1</sup>
- Sao cô bay khéo nhị kỳ tình?<sup>2</sup> a
- Vì ai xui giục cho cô mình nhị kì tâm<sup>3</sup> b
- Đêm hôm qua vắng khách tri âm c
- Vắng hoa thiên lí thăm thẳm cội cây d
- Đêm hôm qua rớt giọt dầu đầy đ
- Than thân với bóng, bóng rầy bóng chẳng có thương
- Suốt năm canh bế bóng lên giường
- Ngọn đèn dập tắt nửa thương nửa cười
- Bấy lâu nay gần bến, xa vời<sup>4</sup>.

TNPD II 14

Bk a- Sao cô *hay* khéo nhị kì tình CDTCM 150

b- Vì ai xui giục cho cô mình *khéo* nhị kì tâm CDTCM

c- Đêm qua trăng vắng khách tri âm HT 302

d- Vắng hoa thiên lí *than* thẳm cội cây HT

424. Anh nhiều đi học không thầy  
 Làm bài không bút, thiếp rày theo anh

CC=DTH 98

<sup>1</sup> *Nhất kì tâm*: một lòng.\*

<sup>2</sup> *Nhị kì tình*: hai mối tình (ăn ở hai lòng).\*

<sup>3</sup> *Nhị kì tâm*: hai lòng.\*

<sup>4</sup> *Vời*: vùng nước rộng ngoài xa trên mặt sông hay mặt biển



425. Anh như cái võ môn  
Cao không xiết kể  
Ngăn ngoài cửa bể  
Mà đợi cá lí ngư về  
Nếu kiếp tu còn vụng, khôn bề thoát qua.  
HHĐN 151
426. Anh như cây gỗ xoan đào  
Em như câu đối, dán vào nên chăng?  
Em như cây kiếng trên chùa  
Anh như con bướm đậu nhờ nên chăng?  
QHBN 280 VNP7 21
427. Anh như cây quế mà nở trong nhà  
Em như con gái hàng phố mà ra chơi đường  
Em thấy cây quế héo vàng  
Em còn vun tưới, cây càng tốt tươi  
Bao giờ cho quế mọc chồi  
Để quế trả nghĩa cho người xới vun.  
CDTCM 108
428. Anh như con một nhà giàu  
Em như tờ giấy bên Tàu mới sang  
Anh như con một nhà quan  
Em như con én lạc đàn ngẩn ngơ  
Anh như chỉ gấm thêu cờ  
Em như rau má nở bờ giếng khơi  
Cho nên chả dám ngỏ lời  
Người chê rằng bạc, kẻ cười rằng khinh.  
CDTCM 127
429. Anh như con nhận bơ thờ  
Sớm ăn tối đậu canh tơ một mình.  
HT 148 VNP7 187

430. Anh như Đại Thánh trên mây  
 Em đây bé nhỏ như tay Phật Bà<sup>1</sup>  
 Xin anh bỏ tay em ra  
 Rồi mai em sẽ đi qua chốn này  
 Nếu anh còn giữ lấy tay  
 Rồi mai em biết chốn này là đâu.  
 CDTH 88  
 Anh như nút, em như khuy  
 Như mây với núi, biệt li không đành.  
 DCNTB II 146
- Chén son nguyện với trăng già  
 Càn khôn đưa lại một nhà vui chung.  
 HT 303
432. Anh như tán tía tàn vàng  
 Em như mảnh chiếu rách bà hàng bỏ quên  
 Lạy Trời cho cả nước lên a  
 Cho manh chiếu rách lên trên tàn vàng. b  
 DNQT 97b  
 BK a- Lạy trời cho cả gió lên TCBD I 549 TNPD II 12  
 b- Cho manh chiếu rách bay lên tàn vàng LHCD 25a
433. Anh như táo rụng sân đình  
 Anh như gái rở đi rình cửa chùa.  
 VNP7 233
434. Anh như tấm vóc đại hồng  
 Em như chỉ thắm thêu rồng nên chăng?  
 Nhất chờ, nhì đợi, tam mong

---

<sup>1</sup> Phật bà: tức Quan Thế Âm bồ tát. Theo dã sử, đó là một công chúa ở nước ta tu hành đắc đạo.\*

Tứ thương, ngũ nhớ, lục, thất, bát mong, cửu thập tìm  
 Em thương ai con mắt limdim  
 Chân đi thất thiếu như chim tha mối  
 Tối hôm qua vật đổi sao dời  
 Tiếc công gấn bó, tiếc lời giao ân  
 Thẻ xưa đã lỗi muôn vàn  
 Mảnh gương còn đó, phím đàn còn đây  
 Trót vì đàn đã bén dây  
 Chẳng trăm năm cũng một ngày duyên ta  
 Chén son nguyệt với trăng già  
 Càn khôn đưa lại một nhà vui chung.

HT 303

435. Anh như trúc mọc ngoài trời  
 Niêm phong má phấn, tựa ngày hôm mai  
 Anh Hai chùng độ đôi mươi  
 Em trông có sắc có tài em yêu  
 Anh Ba như tấm nhiễu điều  
 Đẹp duyên lắm lắm, nhưng trời không xe  
 Anh Tư nay ở mai về  
 Ước gì em được lên quê chuyến này  
 Anh Năm ở lại năm sau  
 Rồi ra sum họp với nhau một nhà  
 Anh Sáu nói rồi không lại hoàn không  
 Rồi ra em biết chốn này là đâu.

a

Bk a – Ước gì em được lên quê *chông* này

QHBN 216

436. Anh nỏ thiếu chi nơi màn loan chiếu kẻ<sup>1</sup>  
 Nỏ thiếu chi nơi cao bộ dài giường

<sup>1</sup> Có lẽ “chiếu quế” thì đúng hơn.

Em đừng chộ anh nghèo mà tráo đầu lờng thưng  
Chớ nghe thầy mẹ khiến ðùng thương anh.

DCBTT 83

437. Anh nói em cũng nghe anh  
Bát cơm ðã trót chan canh mất rồi!  
Nuốt ði ðắng lẩm anh ơi  
Bỏ ra thì ðể tội trời ai mang  
Tội trời ðã có người mang  
Ước gì ta lấy ðược chàng, chàng ơi!  
Bây giờ ba ngả bốn nơi  
Thiếp chàng muốn lấy thiếp tôi bên này  
Thiếp tôi trong này trong then ngoài khoá  
Thiếp chàng bên ấy có thỏa hay không?  
Trách ðường dây thép không thông  
Gửi thư thư biệt gửi lời lời bay  
Nhạn ơi trăm sự nhờ mà  
Ngậm thư mang tới tận tay cho chàng  
Chẳng may chim nhận lạc ðàn  
Chim trời bay mất, ðể chàng nhớ mong.

VNP7 235

438. Anh nói với em mía ngọt hơn ðường  
Bây giờ nghĩ lại, ðiệu cang thường xảo ngôn.

DCNTBII 61

439. Anh nói với em như mía chẻ hai  
Như rang xiết chặt, nghe ao mặc lòng.

HT 389 HPV 110

440. Anh nói với em như rìu chém xuống ðá a  
Như dạ chém xuống ðất b  
Như mật rót vào tai c

Bây chừ anh đã nghe ai d

Bỏ em giữa chốn non doài khổ chưa. đ

DCNTBI 91

BK a- Anh nói với em như *rạ* chém xuống đá

VNP1 I 87 VNP7 2216

b- Như *rạ* chém đất HPV1 15

- Như *rạ cắt* xuống đất VNP7

c- Như *mật* rót vào *lỗ* tai HPV

d- *Nay* chừ anh đã nghe ai DCBTT 94

- Bây giờ *em* đã nghe ai HPV

- Bây chừ anh *nữ* nghe ai bk DCNTB I HT 435

đ- Bỏ em giữa chốn *giang* đài khổ *thân* DCBTT

- Bỏ em giữa chốn *thuyền* chài khổ *thân* DCBTT

- Bỏ em *lênh đênh* giữa chốn *thuyền* chài khổ chưa

bk DCNTBI

- Bỏ em giữa chốn *thuyền* chài *rúa ri* VNP1 I VNP7

- Áo *ngắn* em *mặc*, *cởi* áo dài anh *mang* HPV

441. Anh nói với em sơn cùng thủy tận  
Em nói với anh nguyệt khuyết sao băng  
Đôi ta như rồng lượn trông trăng  
Dầu mà xa nhau đi nữa cũng khăng khăng đợi chờ.  
HT 388 HPV 108

442. Anh ở bên này sông, hươu bạn bên kia bầu  
Tìm khôn thời khó, chó tìm giàu không thiếu chi.  
DCNTBII 29

443. Anh ở chi đây cho cu-lít<sup>1</sup> bắt, thằng cò<sup>2</sup> ngăm  
Anh đi theo chính nghĩa lâu năm cũng về.

<sup>1</sup> *Cu lít*: phiên âm tiếng Pháp (Police) nghĩa là cảnh sát.\*

<sup>2</sup> *Cò*: phiên âm tiếng Pháp (commisaire) là cảnh sát trưởng.\*

DCBTT 270

444. Anh ở làm chi cho cao vách khó nghe  
 Trầm hương khó kiếm chớ rế tre thiếu gì?  
 - Rế tre bán đất xiết bao  
 Trầm hương đứng đó, ai chào trầm hương.

DCBTT 204

Sửa lại: DCBTT tách làm hai lười: Nbs đã gộp lại.

445. Anh ở làm răng mà lẳng nhăng liú nhú  
 Vô lòng lịu điu dứt nỏ đặng tình  
 Em chờ cho truong vắng một mình  
 Đón anh để hỏi sự tìn vì ai.

DCBTT 150

446. Anh ở sao mà rẻ gọi là con  
 Thì bia vàng khắc chữ sơn son để đời!

DCBTT 197

447. Anh ở với em cho trúc rữ mai tàn  
 Mai sau anh có thất vận lên ngàn cũng xinh.

CHG 13

448. Anh ơi, anh câu làm chi cho hao chỉ tốn chì  
 Anh về sách một quan ăn sáu<sup>1</sup>, ra ngoài chợ  
 mua con cá gì thì mua.

DCBTT 118

449. Anh ơi! anh đợi tôi cùng  
 Tôi còn đốt mã cho chồng tôi đây.

ĐNQT 114b LHCD 52b TCBDI 445 TNPDI 18

*Xem thêm A 111*

---

<sup>1</sup> *Quan ăn sáu*: đơn vị tính tiền ngày xưa, có hai loại tiền. loại 100 đồng tiền và loại 600 đồng. Loại thứ hai được gọi là quan ăn sáu.

450. Anh ơi anh hãy mau mau  
Buồng cau con lợn cưới nhau cho rồi.  
HPV 152
451. Anh ơi, anh ngồi xuống đây  
Anh nhích lại đây  
Em hỏi câu này:  
Non non, nước nước, mây mây  
Ai làm nam, bắc, đông, tây lăm đường?  
Yêu nhau chẳng lọ bạc vàng  
Tình thân nghĩa thiết, xin chàng chớ quên!  
VNP7 240
452. Anh ơi, anh ở lại nhà  
Muốn cưới vợ bé, em thì cưới cho  
Ở nhà ăn kỹ uống no  
Giấy cuốn thuốc sắt, em sắm cho anh bĩ bàng  
Anh ra đi lính Tây bang  
Hòn tên mũi đạn, dạ em càng không yên.  
DCNTB I 136-137  
*Xem thêm C 1039*
453. Anh ơi anh ở lại nhà  
Thôi đừng cờ bạc nữa mà hư thân  
Tham chi những kẻ phù vân  
Lỡ ra công nợ nhiều phần xấu xa.  
TNPDII 11
454. Anh ơi, anh ở lại nhà  
Thôi đừng vui thú nguyệt hoa chơi bời  
Còn tiền kẻ rước người mời  
Hết tiền chứng thấy một người nào ưa.  
TNPD II 11

455. Anh ơi! Cát giọng hò cao  
 Nếu em dứt nổi, có sao em bù  
 Anh mần thình mãi, em lo  
 Cho em một tiếng “hò dô”, em về.  
 DCTH 112
456. Anh ơi có chí canh nông a  
 Chín phần ta cũng được trong tám phần b  
 Can chi để ruộng mà ngâm c  
 Làm ruộng lấy lúa nuôi tầm lấy tơ d  
 Tầm có lúa, ruộng có mùa  
 Chăm làm trời cũng đền bù có khi.  
 THQP 18b  
 BK a- Anh ơi *cố* chí canh nông  
 HT 112 TCBDII 386 TNPDII 12 VNP7 161  
 - Ai ơi có chí canh nông TCBDII 405  
 b- Chín phần ta cũng *dự* trong tám phần HT  
 VNP1 I 29 VNP7  
 - Chín phần ta cũng *giữ* trong tám phần  
 TCBDII 386, 405 TNPD II  
 c- Can chi để ruộng mà *ngăn*  
 TCBDII 405 TNPDII  
 - *Hay* gì để ruộng mà *ngăn* HT VNP1 I VNP7  
 d- Làm ruộng lấy lúa, *chăn* tầm lấy tơ  
 TCBDII 386, 405 TNBDII VNP1 I VNP7
457. Anh ơi, cò bạc thì chừa  
 Rượu cho anh uống, rượu mua anh dùng.  
 CHG 21
458. Anh ơi cũng sợi tơ hồng  
 Cùng chung một thợ cũng trong một nhà



Cũng một tấm vải xé ra  
 Áo anh mặc trắng, em đà nhuộm thâm  
 Ước gì về tay em cầm  
 Rồi em cũng nhuộm màu thâm màu vàng  
 Em thêu con bướm lượn ngang a  
 Hai cánh dịu dàng em vắt chỉ xanh b  
 Đôi bên có đôi con lênh  
 Ở giữa con én có xinh chăng là? c  
 Đôi bên có đôi cây hoa  
 Ở giữa viên tà xinh thật là xinh!  
 Áo này anh mặc ra đồng  
 Kẻ ngắm người nghĩa, kẻ trông người dòm  
 Áo này vợ may cho chồng  
 Có đôi con rồng, có đôi cây hoa.

bk a- *Thứ nhất em nhuộm màu vàng*

b- *Rồi nhuộm màu vàng, bắt con chỉ xanh*

c- *Ở giữa con bướm, có xinh chăng là.*

CDTH 108-109

459. Anh ơi chua ngọt đã từng  
 Non xanh, nước bạc xin đừng quên nhau.

TCBD II 326

460. Anh ơi đã vít thì vin  
 Đã chơi bông trắng thì nhìn trái xanh.

DCBTT 205

461. Anh ơi đi lại cho dày  
 Thầy mẹ không gả em bầy mưu cho.

HPV 109

462. Anh ơi khúc sông đã lở khó bồi  
 Khổ chị em đã quá khổ, khổ răng<sup>1</sup> rồi đây anh?  
 DCBTT 205
463. Anh ơi! mời anh vô nhà  
 Vồng đào ra trước, chiếu hoa trải ngời  
 - Vào nhà cũng muốn vào nhà  
 Sợ ông nghiêm cấm, sợ bà cấm nghiêm  
 - Cấm nghiêm em đã thừa rồi  
 Mời chàng quân tử vào chơi hát đàn.  
 HPV 103 HT 388
464. Anh ơi phải lính thì đi  
 Cửa nhà đơn chiếc anh thì cậy ai?  
 Tháng chạp cày đất trồng khoai  
 Tháng giêng trồng đậu tháng hai trồng cà  
 Tháng ba cày vỡ ruộng ra  
 Trời thời mưa gió, nước sa đầy đồng  
 Người ta có vợ có chồng  
 Chồng cày vợ cấy ngoài đồng có đôi  
 Nhà anh chỉ có mình tôi  
 Cày rồi lại cuốc, cuốc thôi lại bừa  
 Cho nên tôi phải về trưa  
 Gãy đôi vai bừa, ai kẻ chêm cho!  
 Ai về nhấn nhủ các cô  
 Đừng lấy chồng lính thiệt thua trăm đường.  
 CDTCM 228
449. Anh ơi! Phải lính thì đi  
 Cửa nhà đơn chiếc đã thì có tôi  
 Tháng chạp là tiết trồng khoai

---

<sup>1</sup> *Khổ răng*: (Khổ: gỡ; răng: làm sao): gỡ làm sao.\*

Tháng giêng trồng đậu, tháng hai trồng cà  
 Tháng ba cày bờ ruộng ra  
 Tháng tư gieo mạ thuận hòa mọi nơi  
 Tháng năm gặt hái vừa rồi  
 Trời đổ mưa xuống, nước trôi đầy đồng  
 Anh ơi, giữ lấy việc công  
 Để em cày cấy mặc lòng em đây.

HHĐN 96 TCBDII 508 TNPDII 14-15

VNP1 I 35-36 VNP7 166-167

BK a- Cửa nhà đơn chiếc đã thì có *em* TCBD II 211

b- Tháng ba cày vỡ ruộng ra TCBD II

c- Trời đổ mưa xuống nước *nôi* đầy đồng THQP 36a

d- Để em cày cấy mặc lòng em *thay* THQP

Xem thêm C 457 K 31, 178, T280, 281, 287

466. Anh ơi uống rượu thì say

Bỏ ruộng ai cày bỏ giống ai gieo.

DCBTT 290 HHĐN 54 TCBD I 269 TCBDII 386

VNP1 I 185 VNP7 61 - 62

467. Anh ơi vợ cũ chớ vong

Đàn cũ anh chớ lấp để phòng vãng lai.

CHG 19

468. Anh phân nhiều nỗi đoạn trường

Ai xui nên nỗi, nhiều đường rẽ phân.

TCBD II 267

469. Anh qua chốn tây thành đành tâm nhẹ bước

Vai mang khẩu súng, đạn buộc sau lưng

Thương thầy mẹ cao tuổi, thương vợ con trẻ dại quá chừng

Mai đây mũi tên hòn đạn anh liệu còn giữ vẹn

tấm thân trở về?

DCBTT 173

470. Anh quen mà em nỏ quen nhà  
Anh đứng ngoài ngõ, hỏi: gà bán không?

DCTCM 18

*Xem thêm A 506*

471. Anh quen em những thuở đang bông  
Đang ăn cơm mớm, mặc áo lông đi chơi.

HPV 109

472. Anh ơi quen em từ thuở hàn vi  
Bây giờ sang trọng có đoái chi nghĩa cũ càng.

HPV 155

473. Anh quyết lên tiên bắt họ Hi Hoà  
Từ nay làm lịch quải kéo đem ra cho dài  
Để cho đôi lứa ta kể lẽ tình dài.

DCNTBI 183

474. Anh ra đi cầm quạt che thiên  
Ở nhà mẹ dặn kết nguyên cùng em.

CDTCM 16

475. Anh ra đi để lại cho em năm sào ruộng lương  
thì vừa mất hạn  
Năm sào ruộng cạn thì bị giáp<sup>1</sup> xơi đi  
Em ở nhà lấy chi mà cung thân dưỡng tử<sup>2</sup> cho đến khi anh về.

DCBTT 170

476. Anh ra đi, em lập kiếng trồng hoa  
Anh về hoa đã được ba trăm nhánh  
Một nhánh đã chín búp xanh  
Bán ba đồng một để dành có nơi

<sup>1</sup> Giáp: một loại sâu.\*

<sup>2</sup> Cung thân dưỡng tử: nuôi dưỡng cha mẹ, con cái.\*

Bây giờ đến lúc thành thơ

Cậy anh tính thử vốn lời bao nhiêu.

VNP1 38 VNP7 169

477. Anh ra đi Tây, bỏ lại năm sào ruộng sâu một sào ruộng cạn

Ruộng sâu bị hạn, ruộng cạn sâu keo ăn

Lấy chi nuôi thầy với mẹ quanh năm

Đêm năm canh năm nghĩ lại, ruột tằm héo hon.

DCNTT 173

478. Anh ra đi trong ruộng còn được hai đồng rưỡi

Côi tra<sup>1</sup> xước<sup>2</sup> đi xước lại còn một nạm<sup>3</sup> lúa dâu

Em ở nhà lấy chi mà cung thân dưỡng tử

cho trọn câu hiếu tình?

DCBTT 171

479. Anh ra về, em cũng muốn về theo

Sợ trông cát nóng, sợ đèo đá dăm

- Đá dăm anh đã lượm rồi

Trông kia cát nóng, anh đã bồi đất thêm.

DCNTT 143

---

<sup>1</sup> Côi tra: trên vựa.

<sup>2</sup> Xước: quét

<sup>3</sup> Nạm: nậm

480. Anh ra về em đứng chực cửa ngăn  
Hai hàng lụy nhỏ, ướt khăn xéo điều.  
DCBTT II 146
481. Anh ra về, em khóc đãi đưa anh  
Nợ duyên duyên nợ không thành thì thôi!  
DCBTT 209
482. Anh say em như bướm say hoa  
Như Lưu Linh<sup>1</sup> say rượu, Bá Nha<sup>2</sup> say cầm.  
HPV 108
483. Anh sắm cho em cái nón mười sáu vành  
Vành đen tiến đỏ, chỉ nhỏ nước thanh  
Chăm dạy đội nhẹ, một mẹ hai con, lá trắng đoát non  
Lan mai cúc trúc, tùng lộc xum vầy  
Hai hũ rượu đầy, hai hũ rượu đỏ  
Anh thương em rày vạn cổ chí kim  
Biết rằng mô đá nổi vông chìm  
Muối chua chanh mặn ớt ngọt đường cay  
Cơ chi anh biết ngõ em rày  
Đường thiên sơn vạn thủy mấy trăm ngày anh cũng theo.  
DCBTT 113 HT 418

---

<sup>1</sup> *Lưu Linh*: người đời Tấn, tự Bá Luân, một trong số Trúc Lâm thất hiền, tính phóng khoáng, nổi tiếng về uống rượu, uống bao nhiêu cũng không say, có làm bài Tử đức tụng (tụng đức tốt của rượu).

<sup>2</sup> *Bá Nha*: theo Liệt tử, Bá Nha là người giỏi đánh đàn, Chung Tử Kỳ là người sành nghe đàn. Khi Bá Nha đánh đàn, nghĩ tới núi cao, Chung Tử Kỳ liền khen: “Cao vòi vòi như núi Thái sơn”, Bá Nha nghĩ tới sông nước Chung Tử Kỳ liền khen: “Mênh mông như Trường Giang, Hoàng Hà” Bá Nha muốn bày tỏ tình ý gì qua tiếng đàn, Chung Tử Kỳ hiểu thấu cả. Về sau, Chung Tử Kỳ chết, Bá Nha treo đàn, không đánh nữa, cho rằng trên đời này không còn ai hiểu nổi tiếng đàn của mình

484. Anh thác rồi được chữ hiển vinh  
Bỏ em ở lại lênh đênh một mình.  
HHĐN 212 TCBDII 325
485. Anh tham ba chốn bốn quê  
Anh phụ lời thề anh cực tấm thân.  
CHG 18
486. Anh thấy em anh cũng muốn chào  
Sợ lòng bác mẹ cây cao lá dài.  
CHG 19
487. Anh thấy em, anh cũng muốn thương  
Sợ lòng bác mẹ soi gương chẳng tường.  
TCBDI 123 TNPDI 19  
BK a- Anh thấy em, anh cũng *mong* thương THQP 26a  
b- *Sợ* lòng cha mẹ *không* tường lòng anh TCBDII 267  
- *Sợ* lòng bác mẹ soi gương *chưa* tường THQP
488. Anh thấy em anh cũng muốn thương  
Sợ rằng bác mẹ soi gương giàu nghèo  
Em yêu bác mẹ không yêu  
Biết ăn, biết nói, biết chiều làm sao?  
CDTH 117
489. Anh thề với em tại miếu giữa đồng  
Anh có vợ anh chết, em có chồng em vong.  
DCTNTBII 106
490. Anh thì bạn với ma men  
Anh thì bạn với ả phiên mà chơi  
Kì lương hết nhẫn tiền rồi  
Ra ngoài công nợ nó đòi như ri.  
CDTCM 234
491. Anh thời chẻ nửa đản sàng

Còn lưng bát cháo êm đang để dành  
 Em đi rửa cái nấu canh  
 Em rang đỗ nành, em hái tâm toi  
 Ba thứ rau em nấu ba mùi  
 Em đơm năm bát, em mời chàng ăn.

CDTH 138

492. Anh thử phận anh nghiêng nghèo đói khó?  
 Muốn trao lời với bạn, e bạn nỏ động tâm  
 Trở lui về ôm duyên mà giải đoạn sầu thêm  
 Giải rồi càng kể càng thâm càng buồn.

DCBTT 69

493. Anh thua chi, thua đại thua khờ  
 Nhà cửa anh thua hết, đồ thờ anh cũng thua  
 Nay chừ em còn cái quần lãnh mới mua  
 Anh năn năn nỉ nỉ, anh đem thua cho rồi  
 Con anh đưa đặt đưa ngồi  
 Em than em khóc, chồng ơi là chồng!

DCNTBII 31

494. Anh thương ai, anh lại nhớ ai  
 Chiều chiều ra đứng bờ khoai trông chừng.

CDTH 137

495. Anh thương con nhận phải ở với ruồi  
 Tiên ở với cú người cười với ma

DCNTBI 184

496. Anh thương cô mình như lá đài bi  
 Ngày thì dãi nắng, đêm thì dầu sương.

NGCK 125b

BK a- Thương em như lá đài bi TNPD I 296

497. Anh thương em anh để đó đã



Anh vô trong Giã<sup>1</sup>  
 Anh mua bộ chén chung chè  
 Anh em về, cái lớn bịt bạc, cái nhỏ bịt vàng

Rượu Phù Li<sup>2</sup> chúc để hai hàng  
 Phụ mẫu anh uống trước, phụ mẫu nàng uống sau.  
 DCNTB II 91

498. Anh thương em, anh lấy cặng anh quèo  
 Phụ mẫu em biết được, anh la bạn nghèo mình đo chân.  
 DCTCM 16

499. Anh thương em bất luận xấu xinh  
 Lá giang nấu với cua kinh cũng ngon.  
 DCNTBII 92

500. Anh thương em biết nói mần răng  
 Lấy gió làm quạt lấy trăng làm đèn.  
 HPV 110

501. Anh thương em còn sợ nỗi mẹ cha  
 Thuở nay ăn mặc khó qua khỏi đầu.  
 DCNTBII 92

502. Anh thương em cha mẹ đều hay  
 Như đèn treo trước gió, anh không biết xoay hướng nào?  
 CDTCM 17

503. Anh thương em chững phải phú, quý, thế thần  
 Anh thương em chỉ vì một nỗi tảo tần, anh thương.  
 CDTCM 16

504. Anh thương em chỉ nói bên ngoài  
 Sao mà không nói tận tai mẹ thầy?

<sup>1</sup> Giã: tên thông tục của thị xã Quy Nhơn.

<sup>2</sup> Phù Li: tên cũ của hai huyện Phù Mỹ, Phù Cát tỉnh Bình Định.

CDTCM 17

505. Anh thương em em nói chuyện đưa đò  
Tỉ như con Đất Kì<sup>1</sup> nó phò Trụ Vương<sup>2</sup>.

DCNTBII 128

- 506 Anh thương em không muốn vào nhà  
Đi qua ngoài ngõ hỏi có gà bán không  
- Nhà em buôn vải bán bông  
Buôn tơ bán lụa em không có gà.

HPV 164

*Xem thêm A 470*

507. Anh thương em không nói khi đầu  
Bây giờ cười đã bá ngành dâu đi rồi.

HPV 155

508. Anh thương em nên phải đi đêm  
Té xuống bờ ruộng, đất mềm không đau  
Phải chi đất cứng xa nhau phen này!

VNP1 97 VNP7 228

509. Anh thương em rằng nỏ muốn thương  
Sợ lòng bác mẹ như rương khóa rồi.

CDTCM 16

510. Anh thương em sao nỏ muốn thương  
Sợ rồi một khóa đôi rương khó chiều  
- Quý hồ em có lòng thương  
Anh có lòng đợi như rương khóa rồi.

CDTCM 16

511. Anh thương em từ thuở trồng cau  
Cau lên chín lóng, ruộng đau chín từng.

<sup>1</sup> *Đất Kì*: người vợ yêu của Trụ Vương.

<sup>2</sup> *Trụ Vương*: ông vua cuối cùng của nhà Ân, tàn ngược quá nên sau khi chết người ta đặt tên cho là Trụ (dây buộc ngựa).

DCNTBII 92

512. Anh thương em trong chùng một tháng  
Nước mắt lai láng hai mươi tám đêm ngày  
Khi nào cho gió thổi rung cây  
Mây bay về vùng Sơn Liễu, đó với đây ra kết duyên.

CDTCM 61

513. Anh thương nhưng chị chẳng thương  
Nước muốn chảy ngược nhưng đường con cao.

NASLI 21a NASL II 30b

514. Anh tử cái phận anh  
Chẳng thà ở lều tranh  
Như thầy Tăng<sup>1</sup> thầy Lộ<sup>2</sup>  
Cũng không ham mộ  
Như Vương Khải Thạch Sùng<sup>3</sup>  
Đạo người giữ vẹn bản cùng sá bao?

HHĐN 75

515. Anh tiếc ao cá nước trong  
Để cho bèo tằm, bèo ong dạt vào  
Anh tiếc cái thuyền thúng mà chở đồ ngang  
Để cho thuyền ván nghênh ngang giữa dòng.

DCTCM 58

516. Anh tiếc cái thuyền nhỏ mũi nó sơn đen  
Để cho người hèn bẻ lái không ra  
Thuyền ấy mà về tay ta  
Thì ta bẻ lái cho ra giữa dòng.

<sup>1</sup> *Thầy Tăng*: Tăng Sâm.\*

<sup>2</sup> *Thầy Lộ*: Tử Lộ.\*

<sup>3</sup> *Thạch Sùng, Vương Khải*: Thạch Sùng là tên một người giàu nổi tiếng đời Tấn. Ông cùng với Vương Khải, Dương Tú kết bạn. Thạch Sùng sống rất xa hoa. Về sau, do Tôn Tú đem pha, Sùng bị Triệu Vương Luân giết giữa chợ. Tương truyền rằng, sau khi chết Thạch Sùng hóa kiếp thành con mối, vì tiếc của nên tắc lưỡi mãi. Và vậy con mối cũng là con thạch sùng.

DCTCM 58

517. Anh tiếc công đào ao thả cá  
Biết nổi này chẳng thả cho xong.

DCTCM 16

518. Anh tiếc cho ai nuôi, dạy, mong chờ  
Một, hai, ba tuổi cho đến bây giờ em lớn khôn  
Cái vành khăn em vấn đã tròn  
Câu cười tiếng nói đã giòn, em lại ngoan a  
Sợi tơ hồng đã buộc với nhân gian  
Sao em không chịu khó gánh vác  
cái giang san cho chồng? b  
Nữ đang tay em dứt tơ hồng c  
Đứng đầu núi nọ, mà trông bên non này  
Áng phong lưu son phấn đọa đày  
Thay đen đổi trắng để ai dày yêu thương? d  
Dấu nay ra tán tía, tán vàng  
Mười phương thiên hạ xem thường có vào đâu  
Tấm thân em chẳng nghĩ mặc dầu  
Bọn đàn bà còn để tiếng xấu về sau muôn đời  
Chị em ơi, thế cũng kiếp người.

TNPDII 15 VNP7 412

BK a- *Miệng* cười tiếng nói đã giòn, em lại ngoan

CDTCM 163

b- Sao em không chịu khó gánh vác giang san cho chồng

CDTCM TCBDI 446

c- Nữ đang tay em dứt *sợi* tơ hồng

bk VNP7 CDTCM

d- Thay đen đổi trắng để ai dày yêu thương CDTCM



DCNTBII 91

523. Anh tới đây ngọn có gốc không  
Giả như con chim sẻ đi ăn đồng người ta.

DCBTT 198

524. Anh tới đây ở mãi không về  
Rằng chừ hai bên cha mẹ đến anh mới về quê anh.

DCBTT 198

525. Anh tới nơi đây như cây bị hạn  
Như quốc trạng bị vây  
Biết than thở với ai đây mà chờ?

DCBTT 183

526. Anh tới nhà em, anh ăn cơm với cá  
Em tới nhà anh, em ăn rau má với cua đồng  
Khó em chịu khó, đạo vợ chồng em vẫn thương.

DCNTBII 17 TCDG 61

527. Anh trèo lên cây táo  
Anh sang qua cây gạo  
Mồ hôi chưa ráo  
Áo cụt chưa khô  
Tai nghe em rớt xuống hồ  
Tay anh bưng bát thuốc cam lồ cứu em  
Hai tay cầm bốn củ khoai lang  
Thiếp nói với chàng đến mai hãy nướng  
Cực chẳng đã mới ra thân làm mướn  
Một ngày ba bốn mươi đồng, không sung sướng chi.

bk a- Một ngày ba bốn mươi đồng, *sung sướng chi đâu*.

DCNTB II 153-154

528. Anh trông cái mắt em này  
Khôn thì anh lấy, dại ngậy thì đừng

Người khôn con mắt đen sì  
 Người dại con mắt nửa chì, nửa thau.

CDTCM 60

*Xem thêm N 566*

- 529.** Anh trông em như cá trông mưa  
 Ngày trông đêm tưởng như đồ đưa trông nồm.

HPV 144 HT 392

- 530.** Anh trông em như cá trông mưa  
 Như con trông mẹ chợ trưa chưa về.

CDTCM 17

- 531.** Anh trông thân thể em nay  
 Ăn cắp khỏe chạy, ăn mày khỏe kêu.

NASL II 26a

- 532.** Anh trông thân thể tôi này  
 Có ăn, có mặc nó bày ra đây.

TCBDII 189 TNPDI 18

- 533.** Anh trông xuống sông  
 Buồm rung gió thổi  
 Kẻ lặn người lội  
 Kẻ chẵn người đặng  
 Nước bạc lẫn tăn  
 Phao chìm chuyển động  
 Giật lên mau chóng  
 Kéo cá nhả ra...  
 Minh lấy được ta  
 Bỏ công ao ước  
 Ta lấy được mình  
 Thỏa dạ ước ao  
 Bỏ công anh đốn cần, xe nhợ, buộc phao, mắc mồi.

VNP7 240

534. Anh trở lui về trồng cây trắc bá  
 Để khi có ai đau đầu nghệt mũi kiếm ngọn lá đỡ mình  
 Có người đòi đổi cây tùng bù thêm cây lựu  
 Nhưng anh không chịu, bù thêm một quả thom chua  
 Sợ một mai tùng già, lựu héo không biết bán mua với ai chừ.

DCBTT 206

535. Anh tưởng giếng sâu anh nối sợi dây dài  
 Hay đâu giếng cạn, anh tiếc hoài sợi dây

CHG6

BK DCNTB I 211

Tưởng giếng sâu anh nối sợi dây dài  
 Ai ngờ giếng cạn, tiếc hoài công nối dây.

536. Anh tưởng tơ duyên sẵn chặt hay trục trặc rối nuôi  
 Ngày nay em đã có chồng rồi  
 Dẫu thương em tím ruột, nhưng trao lời then thay

DCNTB II 128

537. Anh vào anh cũng muốn vào  
 Vào cửa em đóng, leo rào mắc gai  
 Hay là em đã yêu ai?

bk a- Có ai hát thêm:

*Để anh lập áo đứng ngoài trời mưa*

DCTH 157

538. Anh vắng mặt em một ngày trong lòng đã áy náy  
 Anh vắng mặt em hai ngày  
 muốn đi cho tới chốn quê hương  
 Để mong làm sao xấp<sup>1</sup> mặt người thương  
 Kẻ lao lư<sup>1</sup> trong dạ như đường kim châm.

---

<sup>1</sup> Xấp: gặp



- DCBTT 104-105
539. Anh về anh bảo mẹ cha  
 Bắt lợn để cưới, bắt gà để cho  
 Bầu leo thì bí cũng leo  
 Một trăm quan quý, quyết cô đeo mình.  
 KSK 11a
540. Anh về anh cạo râu đi a  
 Mai sau trở lại anh thì đến chơi b  
 - Tức cái phận giận cái duyên  
 Ba cái râu mọc sớm để gái thuyền duyên giày vò.  
 HPV 165  
 BK a- Anh về mà cạo râu đi DCNTBI 218  
 b- Mai sau trở lại *hãy* đến thì chơi DCNTBI
541. Anh về anh chẳng ngó lui  
 Để em ngó dọi, bùì ngùi thêm thương.  
 DCBTT 246
542. Anh về anh lại sang ngay  
 Em đừng tưởng gió, trông mây mà phiền  
 Anh về anh lại sang liền  
 Em đừng đi lại tốn tiền đồ giang  
 Anh xuôi sớm, anh lại ngược chiều  
 Sầu riêng anh để ít nhiều lại đây.  
 CDTCM 108
543. Anh về bán ruộng cây đa  
 Bán đôi trâu già, mới cưới đặng em  
 Anh về bán bộ trã rang<sup>2</sup>  
 Bán đôi đĩa bếp, cưới nàng có dư.

<sup>1</sup> *Lao lư*: nôn nao

<sup>2</sup> *Trã rang*: nôi đất miệng rộng dùng để rang.\*

DCNTBII 35

544. Anh về báo nghĩa sinh thành  
Chừng nào bóng xế rủ mình sẽ hay.

TCBDII 293

545. Anh về bẻ trăm khuôn dĩa  
Gói trăm bánh nếp ang nhà hỏi em  
Đã yêu nhau bong bóng khó chìm  
Gỗ lim khó nổi, anh với em khó rời!

CDTH 146

546. Anh về bên ấy mấy đò  
Mấy cầu mấy quán, em cho mượn tiền  
Anh về bên ấy đàng liền  
Không cầu không quán mượn tiền làm chi.

HPV 169

*Xem thêm A 175*

547. Anh về bên xã nay mai  
Bỏ cây đào liễu cho ai vun trồng.

HPV 170

548. Anh về Bình Định chi lâu  
Chiều chiều em đứng hàng dâu ngó chừng  
Hai hàng nước mắt rưng rưng  
Chàng xa thiệp cách, giậm chum kê trời.

TCDG II 516

549. Anh về Bình Định ở lâu  
Chiều chiều em đứng vườn dâu ngó chừng  
Hai hàng nước mắt rưng rưng  
Chàng xa thiệp cách, ngang chừng muốn băng  
Phụ mẫu nhà la dức<sup>1</sup> rầm rầm

---

<sup>1</sup> *La dức*: quát mắng.

Cơm sao ngơ ngáo, làm không muốn làm  
 Bởi vì chung thiệp bắc chàng nam  
 Giờ tay không nổi, còn làm việc chi.

DCNTBII 114

550. Anh về Bình Định thăm cha  
 Bỏ cây rau Sộp<sup>1</sup>, lá già ai ăn?

DCNTBII 128

551. Anh về Bình Định thăm cha  
 Phú Yên thăm mẹ, Khánh Hòa thăm em.

DCNTBII 516

552. Anh về Bình Định thăm nhà  
 Lại đây tôi gửi gói trà Ô Long<sup>2</sup>.

DCNTB II 146

553. Anh về cất lễ tam sanh  
 Con cá đang còn lẩn cội nắp ghềnh khó câu.

DCBTT 205

554. Anh về cuốc đất trồng cau  
 Cho em trồng ké dây trầu một bên  
 Mai sau trầu nọ lớn lên  
 Cau kia ra trái làm nên cửa nhà.

DCNTB II 52

555. Anh về cửa ván đóng đò  
 Trước đưa quan khách sau dò nghĩa nhân.

HPV 169

556. Anh về cửa ván đóng đò  
 Trước đưa quan khách, sau dò ý em  
 - Ý em em chở khó dò

<sup>1</sup> Rau sộp: còn gọi là rau rền sộp, một thứ rau thường mọc ở vườn, nấu canh ngon

<sup>2</sup> Ô long: một trong mười hai loại trà ngon nổi tiếng của Trung Hoa trước đây.\*

Bắc cầu khó bắc, đưa đò khó đưa.

DCBTT 188

557. Anh về cửa ván đóng thùng  
Mua men nấu rượu cho em buôn chung một hàng.

HPV 171

Sửa lại: Mua *nem*... = Mua *men*

558. Anh về chẳng có chi đưa  
Quả cam đang nhỏ, quả dứa đang non.

CDTCM 18

559. Anh về chẻ lạt bó tro  
Rán sành ra mỡ, em cho làm chồng.

VNP7 435

560. Anh về trẻ lạt bó tro  
Rán sành ra mỡ, em cho làm chồng  
- Em về đực núi lòn qua  
Vắt cổ chày ra nước thì ta làm chồng

HPV 89

Xem thêm: E 274

561. Anh về chẻ lạt bó tro  
Rán sành ra mỡ em cho làm chồng  
- Em về gọt đá nấu canh  
Thì anh bắc chảo rán sành được ngay.

CDTCM 62

562. Anh về chẻ nửa đan lồng  
Lồng thưa nhận lọt, chim bay về ngàn  
Có nàng anh mới thở than  
Không nàng anh biết phàn nàn cùng ai.

NASL II 27a

563. Anh về chẻ nửa đan sàng

Chẻ tre đan chõng cho nàng ru con.

VNP7 284

564. Anh về chẻ trúc phơi khô  
Đan lồng chạm chữ, chim vô ướm lồng.

DCBTT 257

565. Anh về chi nữa anh ơi  
Ở đây em dạm một nơi thanh nhàn.

HPV 171

566. Anh về cho chóng mai lên  
Đừng vui dưới ấy mà quên trên này.

HPV 170

567. Anh về cho em về theo  
Bác mẹ có đánh ta leo lên giàn.

CDTH 99

568. Anh về cho em về theo  
Tiền cưới mặc họ, tiền cheo mặc làng.

HPV 169

569. Anh về cho em về theo  
Thầy mẹ có hỏi nói cheo nộp rồi.

HPV 169

570. Anh về cho nhớ mai sang  
Coi chi bỏ chiếc thuyền vàng lênh đênh.

a

HPV 170

BK a- Coi chi bỏ *chút* thuyền vàng lênh đênh TCDG 57

571. Anh về dặn thiệt nhớ nha<sup>1</sup>  
Túi<sup>2</sup> mai răng cũng lại nhà em chơi.

HPV 171

<sup>1</sup> Nha: nhé

<sup>2</sup> Túi: tối.

572. Ai về dọn ngõ sửa đường  
Trưa mai hai họ đưa nường về cho.  
HPV 153
573. Anh về đưa cội<sup>1</sup> cây dừa  
Đôi ba năm nữa mới vừa tuổi em.  
DCBTT 258
574. Anh về dưới Giã<sup>2</sup> hồi hôm  
Gánh phân đổ ruộng, gió nồm bay lên.  
DCNTBI 184
575. Anh về đã tới trường quan  
Viết thư gửi lại em khoan lấy chồng.  
CDTCM 18
576. Anh về đánh vảy cá trê  
Mổ gan tôm tú để em về với anh.  
DCBTT 268
577. Anh về đào lỗ sau hè  
Chôn con, giết vợ mới ve được nàng.  
CDTCM 17
578. Anh về Đập Đá<sup>3</sup>, Gò Găng<sup>4</sup>  
Bỏ em kéo vải sáng trắng một mình.  
DCNTBI 184
579. Anh về để áo lại đây  
Đêm khuya em đắp, gió tây lạnh lũng  
HHĐN 212 VNP7 207
580. Anh về để áo lại đây

---

<sup>1</sup> Cội: gốc.

<sup>2</sup> Giã: Xem chú thích ở A 494

<sup>3</sup> Đập Đá, Gò Găng: Đập Đá là một thị trấn trên quốc lộ số 1, Gò Găng là nơi sản xuất nón nổi tiếng ở Bình Định.

<sup>4</sup> Gò Găng: tên làng ở xã Thuận Chính, huyện Phù Cát, nay gần thị trấn Đập Đá, tỉnh Bình Định trên sông Côn. Ở đây làm nón lá rất đẹp.

Những khi em nhớ cầm tay đỡ buồn  
 Anh về xin chớ về luôn  
 Phòng loan trắng úa gió luôn thâu đêm.

DCTH 182

581. Anh về để quạt lại đây  
 Mở ra xếp lại cho khuây cơn buồn.

CDTCM 17

582. Anh về đi học cho chuyên  
 Để em sồi vải kiếm tiền đi thi.

HPV 109

583. Anh về đi học cho ngoan  
 Để em cử vải kiếm quan tiền dài.

CDHN 158

584. Anh về đi ngủ kéo khuya  
 Xấu chuôm, cá chẳng vào đĩa anh đâu!  
 - Xấu chuôm tốt cá, em ơi  
 Tốt chuôm mà nỏ có nơi cá nằm.

CDTCM 60

585. Anh về đi ngủ mai cày  
 Kẻo mà ruộng lác cày đây, khó bừa.

CDTCM 16

586. Anh về đợ<sup>1</sup> ruộng cây đa  
 Đợ đồng nước ngọt sang qua cưới nàng.

DCNTBII 92

587. Anh về đưa nhận sang thăm  
 Đêm qua hết đứng lại nằm chàng ơi  
 Đêm qua hết đứng lại ngồi

---

<sup>1</sup> Đợ: giao cho chủ nợ sử dụng (tài sản) một thời gian để vay tiền. Đây là một hình thức cầm cố tài sản

Bởi vì chị cả rụng rời mà ra.

NASLII 30b

588. Anh về đường ấy mấy cung  
Cho em về cùng thăm mẹ thăm cha.

HPV 169

589. Anh về em cũng muốn về  
Chưa giao hoan sánh lễ cho ra bề rể con.

HPV 170

590. Anh về em cũng xin đi  
Chỉ thương với nhớ quản chi ăn làm.

HPV 170

591. Anh về em không biết gì đưa  
Còn một trái dứa đương ở trên cây  
Khuyên anh ở lại chốn này  
Để em về bến<sup>1</sup>, cha mẹ rầy em chịu cho

DCNTBI 218

592. Anh về anh nắm cổ tay  
Em dặn câu này em chớ có quên:  
Đôi ta đã trót lời nguyện  
Chớ xa xôi mặt mà quên mảng lòng.

HT 174 RCBDII 29, 325 TNPDI 11 VNP1I 82 VNP7 205

593. Anh về em nỏ<sup>2</sup> chi đưa  
Quan sơn nghìn dặm em chưa hết lời.

HPV 170

594. Anh về, em nỏ dám đưa  
Hai hàng châu lệ như mưa tháng mười.

TCBDI 123 TCBDII 267 TNPDI 18

<sup>1</sup> Bến: bên ấy

<sup>2</sup> Nỏ: không, chẳng (tiếng địa phương)\*



595. Anh về em những trông chừng  
Trông bể, bể rộng, trông rừng, rừng xanh.  
DCTH 184
596. Anh về em những trông theo  
Trông cho khuất núi, qua đèo mới thôi.  
DCTH 184
597. Anh về em ở hai nơi  
Cẩn rắng cách mặt cơ trời khó toan  
Dầu lòng phân rẽ anh sẽ xuống thoàn  
Thương ai rớt lụy can tràng quặn đau  
Nhìn nhau lụy nhỏ thám bầu  
Than trời trách đất có đâu phân lìa  
Mình nói rằng vài bữa mình via<sup>1</sup>  
Hay là mình muốn phân chia chữ tình.  
TCBD IV 88
598. Anh về em ở lại bơ vơ  
Trong lòng thương nhớ như tơ rối nuồn<sup>2</sup>  
DCNTBII 114
599. Anh về giữ việc thú quê  
Phận con em gái cứ nghề vải bông.  
HPV 164
600. Anh về hái đậu trảy cà a  
Để em đi chợ kéo mà lỡ phiên  
Chợ lỡ phiên tổn công thiệt của b  
Miệng tiếng người cười rửa sao nên c  
Lấy chồng phải gánh giang sơn d  
Chợ phiên còn lỡ, giang sơn còn gì!

<sup>1</sup> *Via*: về<sup>2</sup> *Rối nuồn*: rối thành nùi.

VNP1I 137 VNP7 279

BK a- Anh về *bút* đậu *bút* cà DCNTBI 115

- Anh về hái đậu *hái* cà HHĐN 212

- Anh về trảy đậu *hái* cà NNPD 25

b- Chợ lữ phiên tổn công *hại* của DCNTBI

c- Miệng *thế* đời người rửa sao nên DCNTBI

- Miệng tiếng người cười *rõ* sao *đang* NNPD

- Miệng tiếng người cười *rõ* sao nên TNPDII 13

- Miệng tiếng người cười *rõ* sao nên THĐQ 11

d- Lấy chồng *không* gánh giang sơn NGCK 197b

Sửa lại: Để *anh* đi chợ... NNPD 25 = Để *em* đi chợ...

601. Anh về hỏi mẹ cùng thầy  
Có cho làm rể bên này hay không?

CDTCM 17

602. Anh về kéo vợ anh trông  
Kéo con anh khóc, ai bông cho anh.

DCBTT 284 HPV 171

603. Anh về kiếm chốn kéo già  
Mãng mọc có lúa người ta có thì  
Người ta lấy vợ đông tây  
Thân anh ở vậy như cau không buông  
Cau không buông tháng hai lại có  
Anh ở vậy như cho cụt đuôi.

CDTH 99

604. Anh về kiếm vợ cho xong  
Em là tép nhỏ lộn rong khó tìm

VNP7 184

605. Anh về kiếm vợ kéo già  
Kiếm con kéo muộn, em đà có đôi.

DCNTBII 92

606. Anh về không lẽ về luôn  
Để khăn xéo lại, lệ tuôn em chùi.  
DCNTBI 183
607. Anh về lấy vợ cách sông  
Để tôi lấy chồng giữa ngõ anh ra.  
NASLI 19a
608. Anh về lách biển trồng cây  
Phá non làm ruộng để đây về cùng.  
DCBTT 261
609. Anh về liệu lấy trăm mâm  
Để cho hai họ tri âm một nhà  
- Trăm mâm là bốn trăm người  
Nhà thời nhà chạt biết ngồi vô mô  
- Nói thời nói rứa thôi mà  
Năm ba đọi<sup>1</sup> gạo con gà cũng xong.  
HPV 153
610. Anh về mai đã lên chưa  
Để em bụng bát cơm trưa em chờ?  
- Cơm trưa em cứ ăn đi  
Còn *lưa*<sup>2</sup> cơm *túi*<sup>3</sup> em thì chờ anh.  
HPV 169
611. Anh về mai một anh sang  
Không thì em bắc nồi rang triệu hồn.  
DCBTT 222
612. Anh về mai một qua chơi  
Nào ai có bỏ thư rơi đừng cầm.  
DCBTT 17

---

<sup>1</sup> Đọi: bát.

<sup>2</sup> Lưa: tiếng địa phương, có nghĩa là còn.\*

<sup>3</sup> Túi: tối. (Cả (1) và (2), chú theo HPV).\*

613. Anh về mai sớm anh lên  
Đừng vui nơi nọ mà quên nơi này.  
CDTCM 17
614. Anh về mắc võng nuôi con  
Ai lên xe, xuống ngựa, ai đẹp giòn mặc ai.  
CDTCM 178
615. Anh về mắc võng ru con  
Đừng nên tơ tưởng trái chanh non trái mùa.  
CDTCM 16
616. Anh về mắc võng ru con  
Tán tiêu mài nghệ, anh còn đi đâu?  
DCNTBII 30
617. Anh về mua gỗ đóng giường  
Mua tre làm vạc, mua luồng làm song  
Mua thêm đôi chiếu, cỗ mồng  
Rồi em ra vợ anh chồng mới nên.  
DCTH 182
618. Anh về mua khăn nhiễu ba vành  
Trước dành bái tổ, sau dành phần em.  
CDTCM 18
619. Anh về mua lấy năm me  
Gạo thời trăm gánh tiền xe xanh đường  
Quý hồ em có lòng thương  
Tiền anh đã có trong rương mẹ thầy.  
HPV 152
620. Anh về mua lụa bọc trời  
Mua thuyền chở núi em thời theo ngay  
- Anh nỏ mua lụa mà mất nhiều tiền  
Anh sai người thổi gió mây lên che trời.

- HPV 89
621. Anh về mượn thuổng đào hồ  
Búp hoa sen lặn xuống thiếp vô hầu chàng.  
HPV 164
622. Anh về nối tóc cho dài  
Nhuộm răng anh lại ra ngài hồng nhan.  
HPV 165
623. Anh về nước mắt nhỏ dòng  
Thấu thiên, thấu địa, thấu lòng anh chẳng?  
HPV 169
624. Anh về ngoài Huế lâu vô  
Họa bức tranh đồ để lại cho em.  
HHĐN 213 TCBD I 446
625. Anh về ngoài Huế lâu vô  
Họa bức tranh đồ để lại cho em  
Sài Gòn mũi đỏ  
Gia Định xúp-lê<sup>1</sup>  
Giã hiền thê ở lại lấy chồng  
Buồm anh ra cửa như rồng lên mây.  
HMN 39
626. Anh về ngoài Huế thất rế tai bèò  
Gửi vô em bán đỡ nghèo đôi năm.  
HHĐN TCBD II 325  
BK a- Anh ra ngoài Huế, thất rế dải bèò DCNTB I 100  
b- Gửi em vô bán đỡ nghèo đôi năm DCNTB I  
Sửa lại: *tay lèo TCBDII = tai bèò*
627. Anh về nhẩn bắc hện đông  
Có câu trân trọng tạ lòng biệt li

---

<sup>1</sup> Phiên âm tiếng Pháp (sifflet) là còi tàu.\*

Xin em đừng có quản gì  
 Anh về mai một nữa thì anh lên  
 Anh về rồi anh lại lên  
 Em đừng thương nhớ mà quên việc nhà.

DCTH 185

628. Anh về nhớ ngãi em không  
 Hay là thuận buồm xuôi gió, biệt mộng xa chùng.

DCNTT 120

629. Anh về răng đứt anh ơi  
 Lòng thương dạ nhớ chia đôi cho đồng.

HPV 170 HT 395

630. Anh về rẫy vợ anh ra  
 Con anh thơ dại thì đà có tôi a  
 Anh đà rẫy vợ anh rồi  
 Con anh thơ dại, mặc trời với anh. b

TCBDI 549 TNBDII 11

BK a- Con anh thơ dại thì đà có em HPV 165

b- Con anh thơ dại mặc đời nhà anh HPV

- Sau dòng này HPV thêm 2 dòng:

*Vợ anh như thể cột nhà*

*Anh còn tình phụ nữa là thân em.*

631. Anh về rẫy vợ anh ra  
 Công nợ em trả, mẹ già em nuôi  
 Bây giờ anh rẫy vợ rồi a  
 Công nợ anh trả, anh nuôi mẹ già.

NGCK 151 a

BK a- Anh đà rẫy vợ anh rồi TCBDI 549 TNPDII 11

632. Anh về sao được mà về  
 Dây giăng tứ phía tính bề gặp anh

Dây giăng mặc kệ dây giăng  
 Ông Tư bà Nguyệt đón ngăn cùng về.

HHĐN 123

633. Anh về sắm bộ sào tương<sup>1</sup>  
 Cho em chung vốn ngược lều cùng anh.  
 CDTCM 17

634. Anh về sắm nón sắm quai  
 Sắm giường sắm chiếu, ngày mai em về.  
 HPV 169

635. Anh về tem một trăm miếng trầu cho tinh tuyệt                    a  
 Bỏ vào hộp thiếc khay cần xà cừ  
 Để em vòng tay thưa với thầy mẹ gả em chừ cho anh.                    b  
 HPV 109

BK            a- Anh về tem *một* miếng trầu cho tinh tuyệt CDTCM 57

b- Để em vô thưa thầy với mẹ gả em chừ cho anh

CDTCM

636. Anh về tem năm miếng trầu, năm miếng cau  
 Bỏ vào khay thiếc hộp xà cừ  
 Mượn người ăn nói tương tư  
 Cơ mô cơ ni thầy mẹ cũng ừ cho anh.

DCBTT 155

637. Anh về tìm vảy cá trê  
 Tìm gan tìm thú tìm mề con lươn  
 Tìm cho con bún có xương  
 Tìm dây tơ hồng có rễ em mà theo không?  
 - Em về đánh kiếng la làng  
 Tới đây anh chỉ vảy cá trên vàng anh coi  
 Em đừng nói đại, nói khờ

- Bún làm bằng bột ê hê xương đầu.  
TCBDI 445-446
638. Anh về tìm vợ con anh  
Lá rụng về cội bỏ nhành bơ vợ.  
HHĐN 213 TCBDI 445
639. Anh về tìm vợ con anh  
Lá rụng về cội, bỏ nhành bơ vợ  
Tiếc công dất nửa đan lờ  
Để cho con cá vượt bờ nó đi.  
DCNTBI 118
640. Anh về tô lí tô lãng,  
Tô nhà tô cửa cho bằng khi xưa  
Anh về tô lí tô lài  
Tô nhà tô cửa tháng hai em về.  
HPV 170
641. Anh về thắt để kim cang<sup>1</sup>  
Vót đôi đũa bếp cưới nàng còn dư  
Anh về bán ruộng cây đa  
Bán đôi trâu già chẳng cưới đặng em  
Ruộng cây đa anh cấp phần hương quả  
Đôi trâu già ta chả bán chi  
Anh về xách áo ra đi  
Bán rồi mới cưới nữ nhi chốn này.  
TCBDI 199
642. Anh về thấy kiếng thêm thương  
Nhành mai ủ dột vách tường nhện giăng.  
DCNTB I 184
643. Anh về thổi bễ nung kền

---

<sup>1</sup> Kim cang: một loại cây leo, gần giống cây mây, dùng làm rế.\*



Thủ lòng gang sắt có bền hay không.

CDTCM 18

644. Anh về thủ phận lo nghề

Mặt chưa đáng mặt, chơi chèo giỡn trăng.

DCNTBII 146

645. Anh về thưa với mẹ cha

May chần cho rộng để mà đắp chung

Sập, bình phong, chần bông, chiếu miến

Trong thì lựa xuyên, ngoài miến the đôi

Chẳng đâu hơn nữa, anh ơi!

HT 326

646. Anh về thưa với mẹ cha

Trồng dâu cho tốt tháng ba nuôi tằm.

VNP7 441

647. Anh về thưa với mẹ nhà

Chần màn cho sẵn để mà rước dâu.

HPV 153

648. Anh về thưa với mẹ thầy

May chần cho rộng ta rày đắp chung.

HPV 108

649. Anh về thưa với ông bà

Buồng cau thia rượu để mà vấn danh.<sup>1</sup>

HPV 170

650. Anh về thưa với ông bà

Lễ chưa sinh lễ, đôi đà nên đôi.

HPV 170

---

<sup>1</sup> *Vấn danh*: theo luật Hồng Đức, việc kết hôn gồm bốn bước: nghị hôn (đề nghị đính hôn), đính thân hoặc vấn danh (ăn hỏi), nạp trung hay hạng sinh (đưa đồ sinh lễ), thân nghinh (đón dâu). Theo phong tục Trung Quốc, việc kết hôn gồm sáu bước. Ngoài các bước như ở luật Hồng Đức, ở Trung Quốc còn có bước thứ ba: nạp hỉ (mang đến điều tốt lành) và bước thứ năm: thỉnh kỳ (xin ngày cưới). Vậy vấn danh là một trong các bước của việc kết hôn theo luật lệ Việt Nam cũng như phong tục Trung Quốc

651. Anh về trồng chuối nuôi chim  
Chớ nghe sáo thổi, đờn kìm bỏ em.  
DCNTBII 106
652. Anh về xẻ ván cho dài  
Bắc cầu chín nhịn cho ngoài em sang  
Quý hồ em có lòng thương  
Một trăm, một vạn chặng đường cũng đi.  
CDTCM 61
653. Anh về xẻ ván cho dày  
Bắc cầu sông Cái cho thầy mẹ sang  
Thầy mẹ sang em cũng theo sang  
Đò dọc quan cấm, đò ngang không chèo.  
TCBDI 125 THQP 5a TNPDII 11
654. Anh về xẻ ván cho dày  
Bắc cầu sông Cái đón thầy mẹ sang  
Thầy mẹ sang trước, anh em ta rày sang sau.  
NGVP 10  
*Xem thêm A 213*
655. Anh về xẻ ván cho dày a  
Đóng thuyền đợi bến, rước thầy mẹ sang b  
Thuyền lớn quan bắt chở lương c  
Còn chiếc thuyền nhỏ cùng nàng qua sông d  
Chờ nàng anh đứng anh trông... đ
- ANPT 13b TNPDII 12 VNP1 II 39 VNP7 346  
BK a- Ai về xẻ ván cho dày THĐQ 8 TNCD 104  
b- Đóng thuyền đợi bến *cho* thầy mẹ sang PTK 15b  
- Đóng thuyền đợi bến *đón* thầy mẹ sang  
ĐNQT 116a LHCD 29b QPHT 18a  
- Đóng thuyền đợi *nước* rước thầy mẹ sang

## THĐQ THCD

- c- Thuyền *nhỏ anh* bắt chở ngang THĐQ TNCD
- d- Còn chiếc thuyền *lớn* cùng nàng qua sông THĐQ
  - Còn chiếc thuyền *lớn* cùng *làng* qua sông TNCD
  - Còn chiếc thuyền *nhỏ chở* nàng qua sông HT 371
  - Còn chiếc thuyền *bé* cùng nàng qua sông

## ĐNQT LHCD NGCK 108A QPHT

đ- *Đợi* nàng anh đứng anh trông

## ĐNQT LHCD NPNN 18b QPHT

## THĐQ TNCD

Sau dòng này HT và DCTH thêm:

*Anh trông trông mãi mà không thấy nàng*

*Khinh anh chèo chống lang thang*

*Bến kia nàng đã sang ngang cùng người.*

Xem thêm A 213

656. Anh về xứ Đế thành Đô  
Như cá Biển Hồ, bao thuở gặp nhau.

TCBDII 325

657. Anh vỗ trống đất kêu vang  
Em thổi sáo trúc nhịp nhàng với anh  
Gọi là xanh lá rậm cành

a

THQP 17a

BK a- Gọi là xanh lá *điểm* cành

TNPDI 19

658. Anh với tôi làm đôi sao xúng  
Bạc với vàng sao đáng đồng cân.

CHG 11

659. Anh với em đầu hôm chí sáng, tảng rạng chí xế

*Lương duyên túc đế, giai ngẫu tự thiên thành<sup>1</sup>*

Dấu mà chỉ mỏng tơ manh

Giàu sang đây không chuộng, khó em đành trao tơ.

DCBTT 75

660. Anh với em như bát nước đầy  
Nâng lên đặt xuống sự này tại ai?

CDTH 122

661. Anh với em như mía với gừng  
Gừng cay mía ngọt, ngát lừng mùi thơm  
- Anh với em như nước với non  
Non xanh nước biếc duyên còn dài lâu

CDTH 176

662. Anh với em quyết chắc vợ chồng  
Anh thương em từ thuở mẹ bồng trên tay  
Bao giờ trời chuyển đất xây  
Anh chồng, em vợ, ở đây kết nguyên.

DCNTBI 219

663. Anh xa em chững than trách chi ông Trời  
Thác như mối nợ, trả rồi hết lo  
- Anh xa, em chẳng cho xa  
Bứt dây cột lại, dù xa phải gần.

DCNTBI 219

664. Anh xa em chưa đầy một tháng a  
Nước mắt lại lóng, hết hăm tám đêm ngày b  
Răng chừ nước ráo Đồng Nai c  
Sông Gianh hết chảy, mới phai lời nguyên. d

DCBTT 88

---

<sup>1</sup> *Lương duyên túc đế*: mỗi lương duyên (duyên lành) phải có căn nguyên từ trước (*túc*: có sẵn, trước; *đế*: gốc)\*.

BK a- Anh xa em *ra* chưa đầy một tháng TCBDII 325

b- Nước mắt em lai láng *hai* tám đêm ngày TCBDII

c- *Bao* giờ *rừng* *nọ* hết *cây* bk DCBTT

- *Bao* giờ nước ráo đồng *Mây* TCBDII

d- *Sông* *Giang* *bớt* *chảy*, *dạ* *cày* *thôi* *thương* TCBDII

665. Anh xa em một tháng  
Nước mắt em lai láng hai nười tám đêm ngày  
Khi nào gió đánh tan mây  
Sông Lam<sup>1</sup> hết nước em đây đỡ buồn.

HPV 144-145

666. Anh xích lại đây, anh dịch lại đây  
Chiếu hoa em trái, ghé mây anh ngồi  
Anh xích lại rồi, anh dịch lại rồi  
Chiếu hoa em trái, ghé ngồi anh đâu?

CDTCM 61

667. Anh xuôi em vẫn tròn chùng  
Trông mây, mây tản, trông rừng, rừng xanh  
Anh xuôi em đứng cửa ngăn  
Hai hàng nước mắt chảy quanh má hồng.

CDTCM 62

668. Anh yêu em từ thuở lên ba  
Mẹ bông em đi nhớn<sup>2</sup> anh bẻ hoa em cầm.

HPV 108

669. Ao cạn cá phải về sông  
Thanh xuân chẳng gặp, có chồng đành thôi.

DCNTBII 128

670. Ao hồ cá lội trông sao

<sup>1</sup> *Sông Lam*: Còn gọi là sông Cả hay Lam Giang là con sông lớn nhất của xứ Nghệ, dài 432km chảy từ Lào sang

<sup>2</sup> *Nhớn*: chơi.

Em có chồng anh biết liệu làm sao bây giờ?

HHĐN 152

671. Ao sâu bắt chẳng đặng cá  
 Vườn rộng bắt chẳng đặng gà  
 Lấy chi tiếp khách đàng xa hỡi chàng!

DCBTT 116

672. Ao sâu thì lằm ốc nhồi a  
 Chồng mình lịch sự nửa người, nửa ta  
 Ghen lằm thì đứt ruột ra  
 Chồng mình thì tới tay ta phen này. b

TCBD I 148 TNPD II 15

BK a- Ao *rậm* thời lằm ốc nhồi NASL 30b

b- Chồng mình *sấp* tới tay ta phen này NASL II

673. Ao to, ta thả cá chơi  
 Hồ rộng nuôi vịt, vườn khơi nuôi gà  
 Quanh năm khách khứa trong nhà  
 Ao vườn sẵn đó lọ là tìm đâu

CDNĐ 69-70 TCBD II 490 TNPD II 15

674. Ao thăm càng lằm cá trê  
 Những người tâm ngắm càng ghê tinh thần.  
 NASL II 36a NASL IV 44a

675. Ao thu nước gợn trong veo  
 Gió thu khêu giục, gheo người tình chung  
 Buông tênh cái tiếng thu chung  
 Đêm thu ta biết vui cùng với ai?  
 Thờ ơ trúc muốn gheo mai  
 Vì tình nên phải miệt mài đêm thu.

CDTCM 108

676. Áo ai đi ở mặc ai

Áo đà ở lại đến mài hãy về  
 Ấy việc ước mơ nặng lòng thương nhớ  
 Nói ra bờ ngõ thiên hạ chê cười  
 Xa em một chút rã rời tâm can.

DCNTBI 183

677. Áo anh đứt cúc đứt khuy  
 Quần anh đứt đũng lấy chi hoa hòe.

TCBDI 371 TCBDII 189 TNPDI 19

678. Áo anh rách lỗ bằng sàng  
 Mẹ anh già yếu cậy nàng vá may.

HHĐN 124

679. Áo cũ để vụn trong nhà  
 Áo mới để vụn đi ra ngoài đường.

TCBDI 598 TNPDI 19

680. Áo chưa rách anh đã thay vai  
 Quần thâm lẻ gấu như trai rong đường  
 Anh muốn chơi một chút đoạn trường  
 Hai bên phường đã ngược Mùng bán buôn.

DCTH 108

681. Áo dài chẳng nệ quần thưa  
 Trai khôn chẳng nệ vợ thừa thế gian.

DCTNBI 182

682. Áo dài đứt nút còn khuy  
 Gái kia quá lứa lỡ thì hết duyên.

CHG 18

683. Áo dày chẳng nệ quần thưa  
 Bảy mươi có của cũng vừa mười lăm.

a

HHĐN 124

BK a- *Tám* mươi có của cũng vừa mười lăm. TCBD II 267

684. Áo đang khô, không phải mưa sao áo ướt? a  
 Bởi hiềm anh chậm bước, nên thầy mẹ bán gả em đi. b  
 DCNTBI 184  
 BK a- Áo em đang khô không ngờ áo em ướt TCBD II 167  
 b- Bởi hiềm vì anh chậm bước, nên thầy mẹ bán gả em đi  
 TCBD II
685. Áo em ai nhuộm cho mình  
 Cho duyên bậu đậm, cho tình anh thương. a  
 HHĐN 152  
 BKa- Cho duyên mình đậm, cho tình anh thương  
 VNP7 208
686. Áo đen đơm bộ khuy đen  
 Mặc ai xa lạ ta cứ làm quen ở làng.  
 DCBTT 226
687. Áo đen không lẽ đen hoài  
 Mưa lâu cũng nhạt, nắng hoài cũng phai.  
 TCBD I 549
688. Áo đen năm nút con rồng  
 Ở xa con phụng lại gần con qui. a  
 HHĐN 43 TCBD I 496
689. Áo đen năm nút viền bâu  
 Bậu<sup>1</sup> về xứ bậu biết đâu mà tìm. a  
 HHĐN 152  
 BK a- Bậu về xứ bậu biết đâu mà tìm? VNP7 208
690. Áo gài năm nút hở bâu  
 Em còn cha mẹ dám đâu tự tình
691. Áo không khô bởi vì áo ướt  
 Vì chàng chậm bước nên thầy mẹ gả trước em đi.



- HPV 105
692. Áo mặc chẳng khỏi qua đầu  
Làm sao mà cũng chẳng hầu khỏi ta.  
TCBD I 549 TNPDI 19
693. Áo nâu kiềng bạc sáng lò  
Làm cho anh bỏ vợ nhà anh theo  
CHG 19
694. Áo ngắn cũng như áo dài  
Ở trong nhuộm tím, ở ngoài the thâm  
Ra đường gặp bạn tri âm  
Đầu đội nón dứa, tay cầm dao cau.  
CDTCM 58
695. Áo người mặc đoạn cỏi ra  
Chồng người ấp mượn, canh ba lại hoàn!  
HT 236 TCBD I 598 THBDII 478 TNPDI 18 VNP7 290
696. Áo rách có cách anh thương  
Nón cời có nghĩa, anh thương nón cời.  
TCBD II 418
697. Áo rách chi lắm áo ơi!  
Rách chi thất nhọn ác nghiệt không có nơi cho rận bò. a  
DCBTT 288  
BK a- *Áo rách trăm mảnh, không có nơi cho rận nằm*  
VNP7 329
698. Áo rách tà sàng  
Đủ đông đồ góp với làng thì thôi.  
ĐNQT 97a
699. Áo rách vai, vá hoài vá huỷ  
Mẹ có chồng không nghĩ đến con  
Bữa ăn năm bảy đĩa ngon

Dọn cho cha ghẻ, để con nhịn thềm.

DCNTB II 71

700. Áo rách vai, vá hoài vá hủy  
 Mẹ có chồng không nghĩ đến con  
 Trái bầu trái bì còn non  
 Cầm dao cắt ruột, bỏ con sao đành.

DCNTBII 157

701. Áo rách vai vá hoài vá hủy  
 Sao em có chồng chẳng nghĩ đến anh?

TCBD I 446

702. Áo sống gậy trúc nhọn nhọn  
 Tràng hạt đeo cổ lông lờ quàng vai  
 Kêu van quá đũa ăn mày  
 Tu hành hồ để mấy người trực tâm.

NASL IV 23a

703. Áo Tô Tần<sup>1</sup> ấm cất, cơm Tử Lộ<sup>2</sup> no lòng  
 Ăn bận, anh dài vấn ch ng  
 Kiệm cần dư giả để phòng cưới em.

HHĐN 152 TCBD I 291

704. Áo tứ thân là áo của tôi  
 Sao chàng lại để cho người giàng co  
 Chả tin tôi đáp xuống đò  
 Lánh người Lưu Thủy, gặp đồ Sở Khanh

NASL III 17a

705. Áo trắng em mặc cho xinh  
 Có hai phượng lộn trong mình bay ra

---

<sup>1</sup> *Tô Tần*: Người đời Chiến quốc, là người thuyết khách có tài đã dụ thuyết sáu nước thành công, thời hạn vì Tô Tần là một người nghèo túng, anh chị em, bà con đều khinh thường.

<sup>2</sup> *Tử Lộ*: học trò của Khổng Tử, nhà nghèo sống đạm bạc vẫn vui vẻ.

Áo anh trắng chéo trắng tà  
 Cái cúc cũng trắng nữa là cái khuy  
 Anh lấy em về, em đổi màu đi  
 Nhuộm đi nhuộm lại ra thì màu lương  
 Phòng khi bước chân ra đường  
 Thiên hạ tỏ tường kẻ ngắm người trông  
 Gái kia nhuộm áo cho chồng  
 Cho thỏa tấm lòng rày ước mai ao!

THĐN 19 TCBD 105

706. Áo trắng em khâu chỉ tơ  
 Khuyên chàng đi học thiếp chờ ba năm  
 Phòng khi dạ nhớ hỏi thăm  
 Hỏi chàng đi học xa xăm đường nào  
 Muốn cho một chốn gần nhau  
 Em gửi thư vào khuyên học cho hay  
 Bút nghiên cất nhắc liền tay  
 Đêm ngày chăm học nào ai chê cười.

NASL II 28 a

707. Áo trắng em tưởng là tiên  
 Hóa ra áo trắng không tiền mua nâu  
 ÔĞ chợ năm bảy hàng nâu  
 Sai anh mặc trắng cho râu lòng em.

CDTCM 59

708. Áo vá vai, vợ ai không biết  
 Áo vá quàng, chí quyết vợ anh.  
 TCBD I 549 TCBD II 418 VNP1 I VNP7 248

709. Áo vá vai, vợ ai không biết  
 Áo vá quàng, chí quyết vợ anh  
 Áo vá quàng còn đàng chỉ lược

Anh thương nàng sao được mà thương

Áo vá quàng xiên xiên mũi mác

Con gái đất này bạc ác khó ve

CHG 9

710. Áo vải quao<sup>1</sup> lụa sào mà vắt,  
Tuy xấu mặt lòng lụa mặt gởi thân.

CHG 31

711. Áo vắt vai đi đâu hăm hở  
Em đã có chồng rồi mắc cỡ lêu lêu

CHG 29

712. Áo vắt vai anh đi dạo ruộng  
Anh có vợ rồi chẳng chuộng bậu đâu,

CHG 29

713. Áo xanh thì chỉ cũng xanh  
Áo vàng chỉ trắng đố anh cái gì"  
- Chính nó là con phượng qui  
Đố thì không biết giảng thì nghe hay.

HPV 85

714. Áo xông hương của chàng vắt mắc  
Đêm em nằm, em đắp lấy hơi  
Gửi chăn, gửi túi, gửi lời  
Gửi đôi chàng mạng cho người đàng xa  
Vì mây cho núi nên xa  
May cao mù mịt, núi nhòa xanh xanh.

HT 169 TCBD I 125 TNPDII 15 VNP1 I 17

---

<sup>1</sup> *Vải quao*: thứ vải thô mà thưa.\*

## A

1. Ăn bát cơm trắng nhớ bát cơm lãng  
Đường kia nổi nọ dặn em khoan lấy chồng.  
HPV 110
2. Ăn cà ngồi cạnh vại cà  
Lấy anh thì lấy đến già mới thôi.  
CDTCM 19
3. Ăn cam ngồi gốc cây cam  
Lấy anh thì lấy về Nam không về.  
HPV 110
4. Ăn cam ngồi gốc cây cam  
Lấy anh thì lấy về Nam không về.  
HHĐN 123 NASL I 15b NNPD 24 TCBD I 200 TNPD I 26
5. Ăn cơm ba chén lưng lưng  
Uống nước cầm chừng để dạ thương em. a  
DCNTB I 183 HHĐN 213 TCBD I 126
6. Ăn cơm cũng ghen, uống nước cũng ghen a  
Nghe lời bạn hẹn, ra bãi đứng trông b  
Bãi thời thấy bãi, người trông thấy người. c  
HPV 141 HT 392  
BK a- Ăn cơm cũng thấy ghen  
Uống nước cũng thấy ghen DCBTT 163

b- Nghe lời bạn hẹn ra bãi đứng trông DCBTT

c- Biển xanh bát ngát nhìn không thấy người DCBTT

7. Ăn cơm hồ sen uống nước hồ sen  
Anh quen em những thuở đi men trên giường.  
HPV 110
8. Ăn cơm với cá mèi he  
Lấy chồng Cẩm Phả, đen xe suốt đời.  
VNP1 II 72
9. Ăn chanh ngồi gốc cây chanh  
Ăn rồi lại ném ngũ hoành tứ tung.  
TCBD II 479 TCBD III 470 TNBDI 26
10. Ăn chanh ngồi gốc cây chanh  
Bác mẹ gả bán cho anh thực thà.  
NGCK 127 a
11. Ăn chanh ngồi gốc cây chanh  
Bác mẹ gả ép cho anh học trò.  
TCBD I 189 TCBD III 142 TNPDI 26
12. Ăn chanh ngồi gốc cây chanh  
Khuyên cối khuyên cành khuyên lá khuyên bông  
Khuyên cho đó vợ đây chồng  
Đó bé con gái đây bông con trai.  
HHĐN 151 HT 159 THĐQ 4 THQP 22b  
BK a- Khuyên cối khuyên cành khuyên lá khuyên lung  
TNBDII 16
13. Ăn chanh ngồi gốc cây chanh  
Lấy anh thì lấy về Thanh không về.  
HHĐN 123 TCBD II 189 THPDI 26  
BK a- Ăn chanh *nằm* gốc cây chanh NGCK 126 b  
b- Lấy anh thì lấy, về Thanh *em nỏ* về NGCK

14. Ăn chanh ngồi gốc cây chanh  
Mẹ em ăn nói với anh thật thà  
Anh giết lợn giết gà  
Mẹ em lại kể con cà con kê  
Anh giận anh vác lợn về  
Họ hàng tóm tép cá trê đớp bèo  
Mẹ em xắn váy chạy theo  
Lại đây mẹ gả con Bèo cho anh.  
THĐQ 14 TrCH 13
15. Ăn chanh ngồi gốc cây chanh  
Thầy mẹ gả bán cho anh thật thà  
Anh còn chê xấu chê xa  
Chê vụng, chê dại, cửa nhà khó khăn  
Tìm nơi yếu điệu thanh tân  
Mẹ anh lại gác đồng cân đi lừa  
Đây em vàng bảy chả mua  
Vác cân đi lừa lại phải vàng năm  
Vàng năm lại phải vàng mười  
Rắn nằm cuộn khúc tưởng nơi rồng vàng  
Mẹ anh ngồi quán bán hàng  
Sao anh chẳng biết rằng vàng hay thau  
Thực vàng chẳng phải thau đâu  
Đừng đem thử lửa cho đau lòng vàng.  
CDTCM 205-206  
*Xem thêm* C 902, T 432, Tr 1340
16. Ăn chanh ngồi gốc cây chanh  
Thầy mẹ gả bán cho anh thật thà  
Bây giờ chê xấu chê xa  
Chê cửa, chê nhà, chê khó, chê khăn

Ở đâu yếu điệu thanh tân  
Sao anh chẳng chịu cầm cân đi lừa?

HT 204

17. Ăn chơi cho hết tháng hai  
Để làm đông đám cho trai dọn đình  
Trong thời trống đánh đập đình  
Ngoài thời con gái tự tình cùng nhau.

TCBD II 479 THQP 27 a TNPDII 16

18. Ăn chơi cho thỏa thỏa thỏa a  
Có bốn bức váy, sẽ tòi làm năm. b

TNPD I 27

BK a- Ăn chơi cho thỏa thỏa thỏa TCBD I 269

b- Có năm bức áo xé tà cả năm TCBD I bk TNPDI

19. Ăn dừa ngồi gốc cây dừa  
Cho em ngồi với, cho vừa một đôi.

CDTCM 19

20. Ăn đong cho đáng ăn đong  
Lấy chồng cho đáng hình dong anh chồng.

NASL II 14b TNPDI 27

21. Ăn đong cho đáng ăn đong  
Lấy chồng cho đáng tấm chồng hản hoi.

TCBD I 200

22. Ăn đua cho đáng ăn đua a  
Lấy chồng cho đáng việc vua, việc làng.

TCBD I 300 TNPDI 26

BK a- Ăn mua cho đáng ăn mua NASL II 14b

23. Ăn được ngủ được là Tiên a  
Không ăn không ngủ mất tiền thêm lo.

HT 224 THPDI 27



BK a- Không ăn không ngủ *là* tiền *vứt* đi

HHĐN 83 TCBD I 291, 598

- Không ăn không ngủ *mất* tiền *phải* lo

NASL III 10b, 39b

- *Chẳng* ăn *chẳng* ngủ *mất* tiền *thêm* lo ĐNQT 92b

- *Chẳng* ăn *chẳng* ngủ *là* tiền *vứt* đi NQPN 44

24. Ăn lâu thì hết miếng ngon a

Nói lâu thì hết điều khôn hóa rồ. b

ĐNQT 88b

BK a- Ăn *lắm* thì hết miếng ngon TCBD II 249 TNPDI 26

- Ăn *lắm* *không* *biết* miếng ngon NASL III 8a

- Ăn *lắm* *cũng* *hết* miếng ngon LHCD 20b

b- Nói *lắm* thì hết lời khôn hóa rồ

NASL III TCBD II THPDI

25. Ăn mày là ai? ăn mày là ta a

Đói cơm rách áo hóa ra ăn mày.

HT 251 THPDI 27 VNP1 II 16 VNP7 330

26. Ăn mặn uống nước đỏ da

Nằm đất nằm cát cho ma nó hờn.

TNPDI 27

27. Ăn mít bỏ xơ

Ăn cá bỏ lờ, mình chớ hay quên

Mình quên ta chả cho quên

Mình nhớ, ta nhớ mới nên vợ chồng.

NGCK 149 a

28. Ăn năn đã lỡ

Thấy anh em bỡ ngỡ lắm thay

Nếu anh có đoái chút thân này

Luân trầm đem ra khỏi chỗ, muôn ngày em ghi ân.

- DCNTBI 219
29. Ăn no rồi lại nằm kênh  
Đứa nào có lấy thời khênh tở về.  
NASL II 10a  
*Xem thêm* Æ 36
30. Ăn no rồi lại nằm khoèo a  
Thấy giục trống chèo bế bụng đi xem. b  
TNPDI 26 VNP7 339  
BK a- Ăn no rồi lại nằm *quèo* VNP1 II 25 TCBD II 189  
b- *Hễ thấy* trống chèo *thời bế bụng đi* NASL III 40b
31. Ăn no thời lại nằm khoèo  
Đứa nào lấy tở thời theo tở về.  
NASL II 19b
32. Ăn quả nhãn lồng  
Ước sao người ấy tôi bông trên tay  
Ước gì có cánh như nhận  
Tôi bay tôi liệng vào trong cái sập màn loan đôi người ngồi  
Ước gì có cánh như điều  
Tôi bay tôi liệng theo đôi người về.  
HT 347 QHBN 275
33. Ăn quả nhớ kẻ trồng cây a  
Ăn gạo nhớ kẻ đơm, xay, giần, sàng.  
HT 223 TCBD I 598 THPDI 26  
BK a- *Ăn trái* nhớ kẻ trồng cây VNP1II 90 VNP7 92
34. Ăn quả nhớ kẻ trồng cây  
Ăn khoai nhớ kẻ cho dây mà trồng.  
HHĐN 96 THPDI 26  
BK a- *Ăn trái* nhớ kẻ trồng cây CVPD 7
35. Ăn quả nhớ kẻ trồng cây b

- Nào ai vun quén cho mày mày ăn a  
 a- Ăn *trái* nhớ kẻ trồng cây CVPD 7  
 b- Nào ai *vun vén* cho mày mày ăn VNPS 71 b  
 - Nào ai vun quén cho mày *được* ăn HHĐN 256 TCBD I 598  
 - Nào ai vun *xới* chi mày, mày ăn VNP1 83 VNP7 85
36. Ăn rồi nằm ngả nằm nghiêng a  
 Ai muốn lấy tở thì khiêng tở về. a  
 NGCK 180 a  
 BK a- *Có ai* lấy tở thì khiêng tở về HHĐN 84 TCBDII 478 THPDI 26  
*Xem thêm* A 29
37. Ăn rồi nhong nhóng ở nhà  
 Muốn đi xuống biển sợ hà ăn chân.  
 CDTH 77
38. Ăn rươi chịu bão cho cam  
 Không ăn chịu bão thế gian cũng nhiều.  
 NASL III 8b
39. Ăn sao cho được mà mời a  
 Thương sao cho được vợ người mà thương. b  
 HHĐN 213 HT 235 TCBD I 399, 496 TNPDI 26  
 BKa- Ăn sao cho *đặng* mà mời DCNTBI 95  
 b- Thương sao cho *đặng* vợ người mà thương DCNTBI  
*Xem thêm* Đ 110
40. Ăn sung ngồi gốc cây sung  
 Ăn rồi lại ném tứ tung ngũ hoành.  
 ĐNQT 93a HHĐN 58 KSK 19a NASL IV 30a TCBD I 496 THPDI 26
41. Ăn sung ngồi gốc cây sung a  
 Lấy anh thì lấy, nằm chung không nằm. b  
 NASL I 15b TCBD I 550 TCBD II 189 TNPDI 26  
 BK a- Ăn sung *nằm* gốc cây sung HT 192 NGCK 126 b

b- Lấy anh thì lấy nằm chung *em nỏ* nằm NGCK

42. Ăn thì có vợ cùng con  
Sóng vỗ ba cồn chỉ có mình anh.  
CDTH 157
43. Ăn thì những muốn cùng ngon a  
Làm thì chọn việc con con mà làm.  
LHCD 14 b  
BK a- Ăn thì *ăn những miếng ngon* HT 117 TCBD II 189  
TNPD I 26 VNP1 II 25 VNP7 338  
- Ăn thì *lựa miếng* cho ngon HHĐN 84  
- Ăn thì *muốn ăn* của ngon ĐNQT 83b  
- Ăn thì *ăn miếng rõ* ngon NASL III 9b
44. Ăn thời được ăn cả nhà  
Một mình chịu tội ai hà đờ cho.  
NASL III 46a
45. Ăn thì vóc học thì hay  
Có công mài sắt có ngày nên kim.  
CVPD 31  
*Xem thêm O 21*
46. Ăn trầu chọn lấy cau khô  
Trèo lên Ba Dội có cô bán hàng  
Cô bán hàng lòng cô buồn bã  
Bóng xế chiều bóng ngả về tây  
Đội cô ba bảy hai mươi mốt năm nay.  
NGCK 115 a QPHT 19a TCBD I 125 TNPD II 16  
BK a- *Nhớ ai* ba bảy hai mươi mốt ngày nay bk THPDII  
- VNP1 I 89 và VNP7 219 không có dòng này.
47. Ăn trầu người như chim mắc nợ  
Uống rượu người như cá mắc câu

Thương em chẳng nói khi đầu  
 Để cho bác mẹ ăn trầu khác kơi  
 Đau lòng em lắm anh ơi!  
 Riêng em cứ quyết đợi người đầy thoi  
 Sông kia khi lở khi bồi  
 Thương em lúc đứng lúc ngồi cũng thương.

DCNBTI 245

48. Ăn trầu thì bỏ quên vôi  
 Ăn cau bỏ hạt, nàng ơi là nàng!

TCBD II 478

49. Ăn trầu thì mở trầu ra a  
 Một là thuốc độc hai là mận vôi. b

NGCK 145 b

BK a- Ăn trầu thì *giở* trầu ra TCBD I 550 TNPDI 27

- Ăn trầu thì *ngỏ* trầu ra ĐNQT 97a

- Ăn trầu *phải* mở trầu ra NASL III 9b

b- Một là thuốc độc hia là *mắm hôi* LHCD 25 b

50. Ăn với chồng một bữa  
 Ngủ với chồng nửa đêm  
 Một ngày hai bữa cơm đèn  
 Còn gì má phấn, răng đen, hỡi chàng!

CDTCM 234 HT 263

Xem thêm M 550

51. Ăn xin cho đáng ăn xin  
 Lấy chồng cho đáng bù nhìn giữ dĩa.

HHĐN 151 NGCK 174b TCBD I 200 TCBDII 189 TNPD I 26

BK a- Lấy chồng cho đáng bù nhìn *coi* dĩa NASL II 14b NASL IV 33a

*À*

1. Âm ỉm nghe tiếng ong san  
Chị em cất gánh lên ngàn tìm hoa.  
HPV 75
2. Ấm thủy tinh đựng nước chè xanh  
Rót chén bạch định mời anh ấm trà.  
HPV 106
3. Ân cha nghĩa mẹ nặng trĩu  
Ra công báo đáp ít nhiều phận con.  
HHĐN 88
4. Ân tình chi anh mà lao xao như bọt nước  
Nghĩa non chi anh mà từ tựa như đám mây bay  
Ngày xưa khăn vó, ngày rày lãng xao.  
CDBTT 175
5. Ân tình mới đó mau phai  
Như ngọc rau rút tươi mai héo chiều.  
DCNTB II 61
6. Ân tình rày hết đã trông  
Nghĩa non như nước tràn đồng khó ngăn.  
HT 180 VNP7 184
7. Ấu nào ấu lại tròn, bồ hòn nào bồ hòn lại méo  
Anh mở lời nói khéo, em nghe trặc tréo khó trông

Đời thuở nhà ai hai gái lấy chồng  
Tiếc công chờ đợi, lại băng suối vượt đồng đến đây.

DCBTT 110 - 111

8. Ấu với sen trông lộn một bồn  
Hai đứa mình chồng vợ ai đồn mặc ai.

TCBD I 200

9. Ấy ai cắt mối tơ màn  
Cho thuyền quên bến cho anh quên nàng.

HHĐN 213

10. Ấy ai vô phúc trên đời  
Ra đường gặp phải cậu “Trời”<sup>1</sup> bắt đi.

HT 216

---

<sup>1</sup> *Cậu trời*: Đặng Mậu Lân, em trai Đặng Thị Huệ. Lân cậu thế chị là tuyên phi chúa Trịnh Sâm, làm nhiều điều can rở: đánh bắt người, hãm hiếp con gái,... Mọi người sợ, gọi hắn là cậu Trời.\*